

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Nam Cần Thơ được thành lập ngày 25/01/2013 theo quyết định số 230/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trường có trụ sở chính tại số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài) Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ với diện tích đất được quy hoạch trên 30,8 hecta và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học hơn 62.500 m² đáp ứng được nhu cầu đào tạo học tập của trên 12.000 sinh viên.

Hiện nay, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã xây dựng hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng kiến trúc qui hoạch thống nhất bao gồm: hệ thống khu nhà hiệu bộ, khu giảng đường lý thuyết, phòng học ngoại ngữ, tin học, cùng với các phòng thực hành thí nghiệm phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập của sinh viên.

Cuối năm 2014, Trường ĐH Nam Cần Thơ đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Khu ký túc xá với diện tích hơn 10.000 m² được xây dựng theo mô hình khu phức hợp khép kín, hiện đại dành cho HSSV với nhiều loại hình dịch vụ như: phòng đọc sách, phòng internet... với diện tích hơn 10.000m², có sức chứa khoảng 1.500 HSSV, đáp ứng nhu cầu nội trú của HSSV tại trường.

Vào tháng 10/2015, Trường đã đưa vào sử dụng khu Hiệu bộ, giảng đường hiện đại được xây dựng trong khuôn viên rộng 50.500m², có diện tích sàn sử dụng 10.800m². Tổng vốn đầu tư khoảng 55 tỉ đồng.

Nhân dịp Lễ khai giảng năm học 2016 – 2017, công trình Khu giảng đường, phòng học khối chữ I được xây dựng với tổng diện tích sàn xây dựng hơn 10.000m², gồm 04 tầng nổi và 01 tầng hầm cũng được khánh thành đưa vào sử dụng.

Cuối tháng 9/2017 trường Đại học Nam Cần Thơ đã đưa vào sử dụng công trình Thư viện điện tử với lối kiến trúc hiện đại, ứng dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ tự động trong quản lý, vận hành và các tiện ích sáng tạo truyền cảm hứng cho người đọc, nghiên cứu khoa học. Trung tâm Thư viện điện tử Trường Đại học Nam Cần Thơ được xây dựng với quy mô một trệt, ba lầu. Diện tích sử dụng trên 4.200m², kinh phí đầu tư trên 50 tỷ đồng, cùng lúc phục vụ 2.000 người đọc... Công trình xây dựng Trung tâm Thư viện điện tử Trường Đại học Nam Cần Thơ là dự án quan trọng góp phần phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Dự án không chỉ góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, mà còn là bước đi quan trọng để Đại học Nam Cần Thơ hoàn thiện mô hình xây dựng Trường trở thành Trường Đại học theo hướng nghiên cứu ứng dụng.

Để phục vụ nhu cầu đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô và ngành Kỹ thuật cơ khí động lực, trường Đại học Nam Cần Thơ cũng đã xây dựng nhà xưởng thực thành Cơ khí – ô tô tại khuôn viên nhà trường với diện tích hơn 1.200 m², công trình đã được khánh thành và đã đưa vào sử dụng trong tháng 07/2018. Mặt khác, nhà trường cũng đang xây dựng Showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC tại đường song hành, quốc lộ 1A, khu dân cư Hồng Loan – Quận Cái Răng – Tp.Cần Thơ, diện tích sàn xây dựng 5.400m² với tổng vốn đầu tư hơn 150 tỷ đồng. Tháng 03/2020 Showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC đã khánh thành đưa vào sử dụng. Showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC là nơi thực hành thực tập cho sinh viên thuộc khối ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô nói riêng và các ngành thuộc khối ngành Cơ khí động lực nói chung.

Sáng ngày 24/7/2018, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã làm lễ khởi công xây dựng Khối thực hành đa chức năng và khởi công xây dựng Hồ bơi DNC tại trường. Khối thực hành đa chức năng của Trường Đại học Nam Cần Thơ được xây dựng với quy mô 01 tầng hầm, 01 tầng trệt, 04 tầng lầu và 01 tầng thượng. Diện tích sàn xây dựng 14.800m², tổng kinh phí đầu tư 150 tỷ đồng, do Trường Đại học Nam Cần Thơ làm chủ đầu tư và Tập đoàn Nam Miền Nam là nhà thầu thi công. Công trình được thi công trong thời gian dự kiến là 18 tháng. Khối thực hành đa chức năng của Trường Đại học Nam Cần Thơ là dự án quan trọng góp phần phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo thực hành – thí nghiệm và nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, bước đi quan trọng để DNChuyển thiện mô hình xây dựng Trường trở thành Trường Đại học theo hướng nghiên cứu ứng dụng, mô hình thành lập doanh nghiệp trong trường học.

Để phục vụ nhu cầu học tập, thực hành – thực tập cho sinh viên khối ngành sức khỏe cũng như đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân, ngày 05/12/2018, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã khởi công xây dựng Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ tại khu dân cư Nam Cần Thơ với tổng vốn đầu tư hơn 800 tỉ đồng. Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ có 09 tầng với quy mô 300 giường bệnh (Giai đoạn 1 xây dựng 200 giường và giai đoạn 2 xây dựng 100 giường) có diện tích xây dựng gần 25.000m². Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ dự kiến đến tháng 04 năm 2022 sẽ khánh thành đưa vào sử dụng.

2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

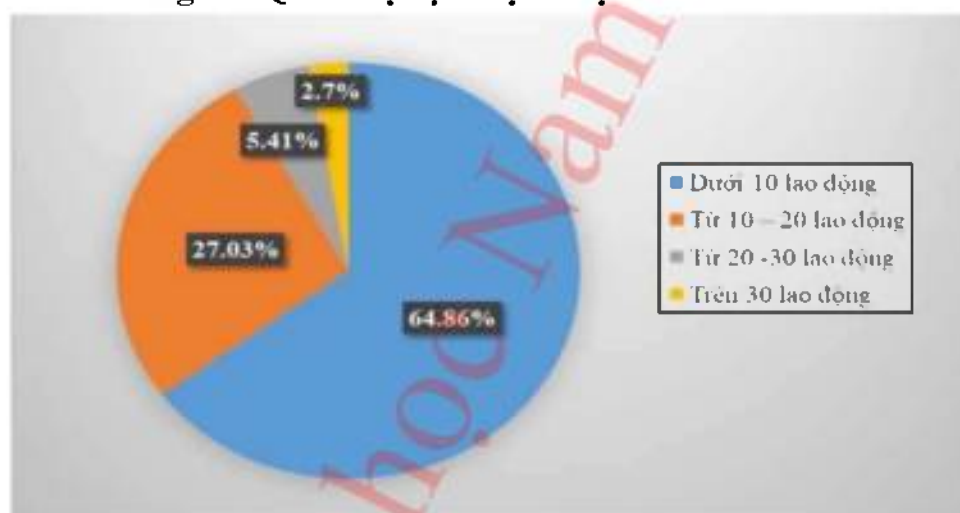
Khoa Du lịch và Quản trị nhà hàng, khách sạn - Trường Đại học Nam Cần Thơ đã tiến hành khảo sát 375 đối tượng thuộc ba nhóm: (1) Các doanh nghiệp Du lịch và Lữ hành; (2) Cựu sinh viên đã tốt nghiệp đại học và (3) Nhóm đối tượng đã tốt nghiệp Thạc sĩ về nhu cầu nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ ngành

Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Kết quả khảo sát đã được thể hiện cụ thể theo từng nhóm đối tượng.

Khảo sát 37 doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành trên địa bàn Thành phố Cần Thơ và một số địa phương khác trên cả nước về nhu cầu tuyển dụng nhân sự có trình độ Thạc sĩ ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành với các mức độ tuyển dụng.

Sau khi khảo sát, có 64,86% doanh nghiệp tuyển dụng dưới 10 lao động chiếm tỉ lệ cao và nhu cầu tuyển dụng từ 10 - 20 lao động có trình độ Thạc sĩ chiếm tỉ lệ 27.03%. Từ đó cho thấy nhu cầu lao động trình độ Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành rất cần thiết (91,89%).

Biểu đồ thể hiện nhu cầu tuyển dụng nhân sự có trình độ Thạc sĩ ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành



3. Khoa Du lịch và Quản trị nhà hàng, khách sạn - Đơn vị quản lý chuyên môn ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Khoa DL&QTNHKS được thành lập theo quyết định số 85/QĐ-CTHĐQT-ĐHNCT Ngày 14/10/2020. Khi mới hình thành, Khoa DL&QTNHKS có ba ngành là QTDVDL&LH, Quản trị Khách sạn và Quản trị ẩm thực và dịch vụ ăn uống.

Sứ mạng và tầm nhìn: Khoa DL&QTNHKS đã lập kế hoạch phát triển với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và quan điểm chi đạo, các nhiệm vụ ưu tiên v.v... thể hiện rõ sứ mạng và tầm nhìn đến năm 2025 của mình như sau:

Sứ mạng: Phân đầu trở thành một cơ sở có uy tín về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực du lịch lữ hành, nhà hàng và khách sạn.

Tầm nhìn: Nâng cao chất lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực du lịch phục vụ cho sự nghiệp đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và từng bước hội nhập quốc tế về khoa học và giáo dục.

Trong hơn 6 năm qua, đội ngũ cán bộ giảng dạy của ngành QTDVDL&LH nói riêng, Khoa Kinh tế và Khoa DL&QTNHKS nói chung đã không ngừng lớn mạnh cả về lượng và chất. Hiện nay, Khoa Du lịch có 18 cán bộ giảng viên cơ hữu, trong đó có 1 tiến sĩ và 17 thạc sĩ.

Đến nay Khoa DL&QTNHKS đã xây dựng và đang vận hành 3 CTĐT hệ cử nhân Chương trình học được thiết kế đảm bảo người học được cung cấp thông tin, kiến thức, được rèn luyện phương pháp tư duy cũng như các kỹ năng tác nghiệp, các kỹ năng mềm thông qua các học phần mang tính liên ngành và chuyên sâu của khoa học quản trị Du lịch, phù hợp với các CTĐT quốc tế liên quan.

Tính đến nay, cán bộ cơ hữu của Khoa đã chủ trì tham gia 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường; 2 bài báo hàng năm đăng trên tạp chí có chỉ số quốc gia và quốc tế, 2 giáo trình, 5 bài giảng đã được nghiệm thu.

4. Lý do chính cho việc xin phép đào tạo:

Trong năm 2019, du lịch Việt Nam đã vinh dự được nhận 02 giải thưởng tầm cỡ thế giới là “Điểm đến Di sản hàng đầu thế giới 2019” do World Travel Awards trao tặng và “Điểm đến Golf tốt nhất thế giới 2019” do World Golf Awards trao tặng. Cùng với đó là các giải thưởng tầm cỡ khu vực như: “Điểm đến hàng đầu châu Á” (02 năm liên tục 2018 - 2019), “Điểm đến văn hóa hàng đầu Châu Á năm 2019” (lần đầu tiên được vinh danh) và “Điểm đến ẩm thực hàng đầu châu Á 2019” do World Travel Awards trao tặng. Ngoài ra, hàng chục giải thưởng quốc tế danh giá khác cũng đã được trao cho các hãng hàng không, doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, resort và các công trình, điểm du lịch của Việt Nam. Năm 2019, UNWTO và Tổng cục Du lịch Việt Nam xuất bản ấn phẩm “Tourism Stories - The Vietnam Edition”. Các câu chuyện làm du lịch của các cá nhân ở Việt Nam đã truyền cảm hứng cho phát triển du lịch trên thế giới. Hiện nay, các du đại dịch COVID-19 đang hoành hành, ngành du lịch toàn thế giới gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, sau khi đại dịch COVID-19 qua đi, ngành du lịch thế giới nói chung và ngành du lịch Việt Nam nói riêng sẽ nhanh chóng phục hồi và phát triển bùng nổ. Do đó, nhu cầu nguồn nhân lực du lịch để đáp cho sự phát triển mới là rất cần thiết.

Tọa đàm chuyên gia ngày 3/4/2021 “Du lịch Việt Nam 2021- 2023 - Những cơ hội trong giai đoạn phục hồi mạnh mẽ” đã được Tổng cục Du lịch, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Câu lạc bộ Doanh nhân Sao Đỏ,

báo điện tử VnExpress phối hợp tổ chức. Các chuyên gia đóng góp ý kiến về tình hình du lịch Việt Nam cần thêm 2 năm nữa để phục hồi trở lại.

TS. Nguyễn Trung Khánh, người đứng đầu Tổng cục Du lịch Việt Nam có bài “Phân tích chiến lược phát triển du lịch trước những thách thức mới hiện nay”, trong đó có nhắc đến thời kỳ vàng son của du lịch Việt Nam (2011-2019) và thời kỳ khó khăn vì dịch bệnh hiện nay. Ông đưa ra các kịch bản phục hồi cho du lịch Việt Nam khi dịch bệnh đã được khống chế với một loạt các giải pháp, trong đó có giải pháp phục hồi và phát triển nguồn nhân lực du lịch, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, vì rằng: “Đại dịch đã tước đi công việc của hàng trăm nghìn lao động du lịch Việt Nam, nhiều lao động du lịch đã bỏ ngành, chuyển ngành. Vì thế, sau đại dịch, việc quan trọng đầu tiên là cần có biện pháp giữ chân, thu hút, phục hồi lại lực lượng lao động cho ngành du lịch. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch, đặc biệt là nhân lực du lịch chất lượng cao để bổ sung cho ngành du lịch, đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới”.

Chiến lược Phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đặt mục tiêu đến năm 2025, du lịch Việt Nam sẽ tạo ra khoảng 5,5 - 6 triệu việc làm, trong đó có khoảng 2 triệu việc làm trực tiếp; đến năm 2030, ngành Du lịch sẽ tạo ra khoảng 8,5 triệu việc làm, trong đó có khoảng 3 triệu việc làm trực tiếp. Như vậy, trong thời gian tới, du lịch Việt Nam sẽ tiếp tục cần lượng lớn lao động làm việc trong các đơn vị, doanh nghiệp dịch vụ lĩnh vực du lịch. Bên cạnh đó, Việt Nam xác định du lịch là ngành “Kinh tế mũi nhọn” thông qua Nghị quyết số 08 - NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 16/1/2017 và Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 5/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Cơ cấu lại ngành Du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn”. Việc phát triển ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành hiện đang được xem như mục tiêu phát triển dài hạn. Do đó, đến năm 2021, nếu không có sự đào tạo bài bản về nhân lực ngành Du lịch sẽ không đáp ứng nhu cầu bên ngoài thị trường một khi ngành du lịch phục hồi trở lại sau Đại dịch COVID-19.

Du lịch từng đáp ứng nhu cầu rất phổ thông của du khách như nghỉ dưỡng, ngoạn cảnh, du hí v.v... Thế nhưng, hiện nay, du lịch thế giới ngày càng hướng đến phát triển bền vững và chất lượng cao. Trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, du khách đòi hỏi mức độ trải nghiệm bản thân ngày càng cao, khám phá, thâm nhập vào những nét đặc sắc của cảnh quan và văn hóa bản địa nhằm thỏa mãn một tổ hợp những nhu cầu về thể chất và tâm trí, tinh thần con người, tức là xu hướng “du lịch sành điệu” trong xã hội “hậu hiện đại”. Chính vì vậy, các hãng lữ hành và dịch vụ du lịch ngay từ bây giờ cần phải chuẩn bị

nguồn nhân lực du lịch thật tốt để đón khách. Trường đại học là một thiết chế giáo dục (Education Institution) rất tốt đào tạo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Do đó, đây là cơ hội để các cơ sở đào tạo ở Việt Nam mở ngành đào tạo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao, có chiều sâu.

Theo Tổng cục Du lịch Việt Nam (2019), chỉ có 42% được đào tạo về du lịch, 38% được đào tạo từ các ngành khác chuyển qua và khoảng 20% chưa qua đào tạo chính qui mà chỉ được huấn luyện tại chỗ. Vì thế, số lao động có chuyên môn, kỹ năng cao vừa thiếu, vừa yếu. Nhìn chung, cả nước có hơn 190 cơ sở đào tạo về du lịch ở nhiều cấp bậc khác nhau, đào tạo ra số lượng sinh viên ra trường hàng năm đạt khoảng 20 nghìn người, trong khi nhu cầu thị trường lại cần đến 50 nghìn lao động được đào tạo. Ở Việt Nam hiện nay có một số cơ sở đào tạo ở bậc Cao học ngành Du lịch ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Từ đó, cho thấy số lượng nhân lực chất lượng cao được đào tạo chưa đủ đáp ứng nhu cầu của thị trường. Do đó, rất cần thiết có thêm các cơ sở đào tạo ngành Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, góp phần cung cấp nhân sự chất lượng cao trong việc phục vụ khách du lịch nói chung và người sử dụng các dịch vụ du lịch và lữ hành nói riêng.

Do nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao để phát triển ngành du lịch tại Việt Nam một cách toàn diện, trong những năm qua, việc đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành ở bậc Cao học đã và đang bắt đầu thu hút được nhiều người học. Tuy nhiên, đào tạo Thạc sĩ ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành đến thời điểm hiện tại vẫn chưa thể đáp ứng được xu thế phát triển du lịch trong tương lai. Vì thế, Khoa Du lịch, Trường Đại học Văn Lang đã tham khảo một số chương trình đào tạo (CTĐT) Thạc sĩ ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của các Trường Đại học uy tín ở Việt Nam và trên thế giới như: Trường Đại học Công nghệ TP.HCM, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Griffith University, South East Queensland, Robert Gordon University, Aberdeen, Scotland và University of Nevada, Las Vegas.

Trong những năm qua, việc đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành ở bậc Thạc sĩ đã và đang bắt đầu thu hút được rất nhiều người học. Về phía các cơ sở đào tạo Thạc sĩ ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành trong nước, ở miền Bắc có Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; ở miền Trung Đại học Huế ở miền Trung; ở miền Nam có Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và Đại học Công Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. Việc so sánh đối chiếu với CTĐT về ngành giữa các trường sẽ giúp cho

trường Đại học Nam Cần Thơ xây dựng được CTĐT hay, đáp ứng nhu cầu thực tế của người học và sự đòi hỏi của xã hội.

Thu thập và đánh giá một số chương trình đào tạo của các trường đại học được xếp hạng thuộc danh sách 500 trường đại học tốt nhất thế giới, chúng tôi thấy có 2 loại hình Cao học liên quan đến ngành Thạc sỹ Quản trị Du lịch và lữ hành.

Một là, chương trình Thạc sỹ Quản trị Du lịch quốc tế bền vững (Master of International Sustainable Tourism Management của trường University of Griffith, Australia) các môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về ngành du lịch trên thế giới, quản trị nguồn nhân sự, tài chính, thiết kế các sự kiện trong lĩnh vực du lịch và lữ hành.

Hai là, chương trình Quản lý Khách sạn và Du lịch (Master of Science in International Tourism Management của trường San Ignacio University, Mỹ - Master of Arts in Hospitality Management) thiên về kiến thức nghiên cứu và cho phép người học học tiếp bậc cao hơn.

Ngoài ra, trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, để tăng sự thích ứng của người học đối với sự thay đổi trên thị CTĐT đã đưa ra những môn rất đặc biệt như Hệ sinh thái kỹ thuật số trong ngành Du lịch, Phân tích và đánh giá xu hướng ngành du lịch.

Cuối cùng Luận văn tốt nghiệp là sự phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề liên quan một cách sâu, rộng. Từ đó định hướng và đưa các giải pháp mang tính thời đại.

Trường Đại học Nam Cần Thơ đang nỗ lực hết mình để xây dựng chương trình Thạc sỹ ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành đào tạo đạt chất lượng cao và sẽ trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ở Việt Nam mở chuyên ngành này nhằm cung cấp nguồn nhân lực Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành chất lượng cao, đáp ứng xu hướng phát triển của ngành công nghiệp Du lịch ở Việt Nam.

PHẦN 2: NĂNG LỰC ĐÀO TẠO CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Khái quát quá trình đào tạo

Sau hơn 09 năm thành lập và phát triển, Nhà trường đã được phép đào tạo Đại học 35 ngành hệ chính quy tập trung dài hạn và 01 ngành liên thông chính quy từ Trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng lên Đại học ngành Dược, 04 ngành thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế và 01 chương trình liên kết với trường Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia (MUST) đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh.

Hiện nay, tất cả các khóa, ngành đều được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Sau mỗi học kỳ, công tác đánh giá xếp loại học tập sinh viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế. Hoạt động quản lý giảng dạy được thực hiện quy củ, giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực và đã được sinh viên hưởng ứng, chú tâm trong học tập.

2. Đội ngũ giảng viên và cán bộ cơ hữu:

Hiện nay, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã ổn định bộ máy hoạt động và đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị, tài liệu giảng dạy, học tập hiện đại. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của nhà trường hiện nay là 711 người, trong đó: 01 GS, 14 PGS, 65 tiến sĩ, 463 thạc sĩ, 168 đại học (bao gồm cả CK cấp I, cấp II). Đây là đội ngũ giảng viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy tại các trường đại học, giàu nhiệt huyết và có tâm với nghề. Bên cạnh đó, còn có sự tham gia đào tạo của đội ngũ giảng viên mời giảng có trình độ cao, có kinh nghiệm đào tạo.

Về hợp tác trong đào tạo, Trường có các chương trình, dự án, kế hoạch về hợp tác quốc tế phù hợp với tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Tây Nam Bộ: Ngay từ năm 2013 đã phối hợp cùng với trường ĐH Ngân Hàng Tp Hồ Chí Minh triển khai đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐH Nam Cần Thơ; Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học cùng với các cấp chính quyền nhằm phục vụ định hướng phát triển chiến lược; Đề xuất và triển khai đề án hỗ trợ phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên THPT địa bàn Tp Cần Thơ;

Trường đã ký biên bản ghi nhớ liên kết đào tạo với ĐH khoa học công nghệ Malaysia, sẽ tiến hành các chương trình đào tạo tiếng Anh, dự bị đại học, đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc tế. Hai bên xúc tiến trao đổi cán bộ đào tạo (các giáo sư, giảng viên hoặc các nhà nghiên cứu), trao đổi sinh viên (ở bậc ĐH và sau đại học), trao đổi và chia sẻ các thông tin và tài liệu tham khảo liên quan đến đào tạo, trao đổi các ấn phẩm đào tạo xuất bản định kỳ, liên kết tổ chức các chương trình nghiên cứu. Ngày 22/9/2017 được BGDĐT cho phép thực

hiện chương trình liên kết đào tạo và cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh với ĐH công nghệ Malaysia (MUST) bằng công văn số 3712/QĐ-BGDĐT.

Tập đoàn Nam Miền Nam hoạt động đa lĩnh vực, đa ngành nghề là đối tác chiến lược, toàn diện trong việc tổ chức đào tạo theo hướng ứng dụng với Trường ĐH Nam Cần Thơ. Tập đoàn là cơ sở tiếp nhận sinh viên thực tập, thực hiện nghiên cứu ứng dụng và triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh thực tiễn.

3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Hệ thống cơ sở vật chất khang trang hiện đại, hiện nay trường đang đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất giai đoạn 2. Trường hiện sở hữu hệ thống khu hiệu bộ, khu giảng đường (Dãy A, B, C và D), phòng học ngoại ngữ, tin học, trung tâm thực hành thí nghiệm, xưởng cơ khí ô tô, Viện nghiên cứu và phát triển dược liệu, Bệnh viện đa khoa Nam Cần Thơ...trên tổng diện tích đất hơn 30hecta, đáp ứng được nhu cầu đào tạo học tập của trên 15.000 sinh viên.

4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Công tác nghiên cứu khoa học được nhà trường đặc biệt quan tâm, thời gian qua luôn nỗ lực thúc đẩy cho công tác nghiên cứu khoa học trong đội ngũ giảng viên, cán bộ - công nhân viên của nhà trường.

Nhà trường luôn tích cực hợp tác với các trường, viện để thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học trong thời gian qua, cụ thể tiến hành hợp tác với Viện Kinh tế TP.HCM, Viện kinh tế - Xã hội Cần Thơ, ĐH Cần Thơ và Tp. Cần Thơ để thực hiện được 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố năm 2015 **“Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế TP. Cần Thơ phù hợp với toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực tầm nhìn đến năm 2030”**. Thực hiện nhiều đề tài cấp cơ sở và tổ chức 2 hội thảo khoa học, và nhiều công trình nghiên cứu được công bố trên tạp chí và kỳ yếu hội thảo.

Nhà trường đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo với quy mô lớn và in thành các kỳ yếu. Sau hơn 07 năm hoạt động Trường cũng đã được Bộ Thông tin truyền thông cấp giấy phép phát hành **“Tạp chí khoa học và kinh tế phát triển”** từ năm 2017 (mã số ISSN: 2588 1272).

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và phát triển các sản phẩm từ dược liệu, nhà trường đã thành lập Viện Nghiên cứu và Phát triển Dược liệu vào ngày 31 tháng 07 năm 2018. Tính đến tháng 12/2020 Viện đã nghiên cứu thành công và đưa ra thị trường 02 sản phẩm bảo vệ sức khỏe là DNC

NAMCTGU và DNC GAN. Các sản phẩm này đều được Cục An toàn Thực phẩm - Bộ Y tế xét duyệt và công nhận.

5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trường có các chương trình, dự án, kế hoạch về hợp tác quốc tế phù hợp với tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Tây Nam Bộ. Ngay từ năm 2013 đã phối hợp cùng với trường ĐH Ngân Hàng Tp Hồ Chí Minh triển khai đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐH Nam Cần Thơ; Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học cùng với các cấp chính quyền nhằm phục vụ định hướng phát triển chiến lược; Đề xuất và triển khai đề án hỗ trợ phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên THPT địa bàn Tp Cần Thơ;

Trường đã ký biên bản ghi nhớ liên kết đào tạo với ĐH khoa học công nghệ Malaysia, sẽ tiến hành các chương trình đào tạo tiếng Anh, dự bị đại học, đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc tế. Hai bên xúc tiến trao đổi cán bộ đào tạo (các giáo sư, giảng viên hoặc các nhà nghiên cứu), trao đổi sinh viên (ở bậc ĐH và sau đại học), trao đổi và chia sẻ các thông tin và tài liệu tham khảo liên quan đến đào tạo, trao đổi các ấn phẩm đào tạo xuất bản định kỳ, liên kết tổ chức các chương trình nghiên cứu. Ngày 22/9/2017 được BGDDT cho phép thực hiện chương trình liên kết đào tạo và cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh với ĐH công nghệ Malaysia (MUST) bằng công văn số 3712/QĐ-BGDDT.

Tập đoàn Nam Miền Nam hoạt động đa lĩnh vực, đa ngành nghề là đối tác chiến lược, toàn diện trong việc tổ chức đào tạo theo hướng ứng dụng với Trường ĐH Nam Cần Thơ. Tập đoàn là cơ sở tiếp nhận sinh viên thực tập, thực hiện nghiên cứu ứng dụng và triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh thực tiễn.

Ngoài ra Trường đã và đang tiếp nhận các tình nguyện viên nước ngoài đến giảng dạy tiếng Anh cho Sinh viên của Trường. Trường cũng đã ký Hợp đồng nguyên tắc liên kết đào tạo đại học, Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh với Trường Đại học Khoa học và Công Nghệ Malaysia (MUST), đây là bước đánh dấu sự phát triển trong hợp tác quốc tế của trường.

STT	Trường Đại học	Thời điểm ký kết	Nội dung ký kết
1	Trường Đại học Regis, Hoa Kỳ	15/08/2016	Trường Đại học Regis hỗ trợ Trường Đại học Nam Cần Thơ thực hiện Dự án Tập huấn kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên hệ phổ thông của TP Cần Thơ

STT	Trường Đại học	Thời điểm ký kết	Nội dung ký kết
2	Trường Đại học Khoa học Công nghệ Malaysia (MUST)	26/02/2017	Thực hiện chương trình liên kết đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh
3	Trường Đại học Future Generations, Hoa Kỳ	07/05/2017	Trường Đại học Future Generations hỗ trợ Trường Đại học Nam Cần Thơ thực hiện Dự án Tập huấn kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên hệ phổ thông của TP Cần Thơ
4	Trường Đại học Southeastern Philippines	10/06/2017	Liên kết đào tạo, trao đổi sinh viên, trao đổi giảng viên, liên kết và trao đổi dự án nghiên cứu khoa học, hợp tác tổ chức hội thảo khoa học
5	Trường Đại học Future Generations, Hoa Kỳ	25/03/2018	Trường Đại học Future Generations hỗ trợ Trường Đại học Nam Cần Thơ thực hiện Dự án Tập huấn kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên hệ phổ thông của TP Cần Thơ
6	Trường Đại học Nông nghiệp và Công nghệ Quốc tế, Bangladesh	16/11/2019	Hợp tác trao đổi giảng viên/ nghiên cứu sinh, sinh viên, tham gia tổ chức các hội thảo quốc tế và các hội nghị, các chương trình đào tạo liên kết ngắn hạn và các dự án phát triển nhân viên.
7	Trường Kinh doanh Montpellier, Pháp	17/01/2020	Hợp tác xây dựng đề án đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế.

PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo

1.1. Thông tin về ngành đào tạo

Tên ngành	: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Mã số	: 8810103
Tên chương trình	: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Trình độ đào tạo	: Thạc sĩ

1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo:

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Nghị Quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng ký ngày 16/01/2017;

- Căn cứ trên nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay và trong tương lai.

- Khảo sát nhu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ sau đại học chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ở Thành phố Cần Thơ và các tỉnh phía nam,

1.3. Chương trình đào tạo tham khảo:

Chương trình được xây dựng và dựa trên sự tham khảo của một số cơ sở đã đào tạo chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ở trong và ngoài nước như:

- Chương trình Thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trường Đại học Công nghệ TP. HCM

- Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của Trường Đại học Thương Mại, Hà Nội.
- Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản trị du lịch và khách sạn của Học viện ERC (Anh)
- Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Quốc tế Quản trị du lịch và khách sạn (EMHM) của Asian Institute of Technology (AIT).

Trên cơ sở đó, chương trình được Tổ soạn thảo thiết kế có sự kế thừa và bổ sung phù hợp với điều kiện thực tế của Trường Đại học Nam Cần Thơ, cũng như nhu cầu thực tiễn của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

1.4. Tóm tắt về chương trình đào tạo:

1.4.1. Mục tiêu

a. Mục tiêu chung

Chương trình Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu giúp học viên nắm vững kiến thức lý luận, thực tiễn và các kỹ năng cần thiết để có khả năng đảm nhận hiệu quả công việc tại nhiều vị trí quản lý cấp cao như: cán bộ quản lý tại các doanh nghiệp kinh doanh Du lịch, các viện nghiên cứu Du lịch trong và ngoài nước; giảng viên tại các hệ thống trường đại học, cao đẳng, trung cấp trong nước và quốc tế; bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và phân tích dữ liệu để có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành và các ngành gần khác trong 3 đến 5 năm sau khi tốt nghiệp.

b. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Chương trình Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của trường Đại học Nam Cần Thơ được thiết kế, định hướng đào tạo học viên để trở thành các nhà quản trị, quản lý, các nhà nghiên cứu về lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trong nước và quốc tế.

PO2: Có kiến thức, kỹ năng lãnh đạo trong môi trường kinh doanh hiện đại của ngành du lịch và lữ hành.

PO3: Nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, tạo điều kiện cho học viên học tập và nghiên cứu suốt đời.

1.4.2. Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ, học viên đạt được các yêu cầu sau:

a. Kiến thức

ELO1: Vận dụng kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành;

ELO2: Phân tích các khía cạnh quan trọng về phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp du lịch;

ELO3: Đánh giá các yếu tố tác động từ các bên liên quan đến hoạt động kinh doanh Du lịch và Lữ hành.

b. Kỹ năng

ELO4: Vận dụng kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học trong lĩnh vực Du lịch và Lữ hành;

ELO5: Tổng hợp và phân tích số liệu trong việc nghiên cứu các vấn đề đương đại trong việc quản trị kinh doanh Du lịch và Lữ hành nhằm đưa ra các giải pháp phát triển cho doanh nghiệp;

ELO6: Xây dựng chiến lược quản trị nguồn lực hiệu quả trong bối cảnh nhiều thách thức của ngành kinh doanh du lịch trên toàn cầu;

ELO7: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ B2 tương đương bậc 4/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

c. Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm

ELO8: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng trong quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

ELO9: Thể hiện khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.

ELO10: Thể hiện khả năng nghiên cứu và học tập suốt đời.

d. Về vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng đảm nhận hiệu quả công việc tại nhiều vị trí khác nhau như: Cán bộ quản lý, lãnh đạo cấp chiến lược tại các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn, kinh doanh lữ hành trong và ngoài nước; công chức, viên chức tại các cơ quan nhà nước về du lịch; chuyên viên tại các viện nghiên cứu trong và ngoài nước; giảng viên tại các hệ thống trường đại học, cao đẳng, trung cấp trong nước và quốc tế v.v. Học cao hơn tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để nhận học vị Tiến sĩ ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành và các ngành gần khác.

1.4.3. Tổng khối lượng kiến thức: 60 tín chỉ

TT	Cấu trúc chương trình	Khối lượng (TC)	Tỷ lệ (%)
1	Kiến thức chung	07	11.7%
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc	21	35.0%
3	Kiến thức chuyên ngành lựa chọn	20	33.3%
4	Luận văn tốt nghiệp	12	20.0%
TỔNG CỘNG		60	100

1.4.4. Danh mục môn học

Mã		Tên học phần	Khối lượng (TC)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lí thuyết	Bài tập
<i>Phần 1: Kiến thức chung (7 TC)</i>					
DLTH	501	Triết học	3	2	1
DLNN	502	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	3	1
<i>Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc (21 TC)</i>					
DLPP	503	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1
DLKT	504	Kinh tế học du lịch	3	2	1
DLQD	505	Quản lý nhà nước về du lịch	3	2	1
DLQT	506	Quản trị tour du lịch	3	2	1
DLQC	507	Quản trị chiến lược du lịch	3	2	1
DLQN	508	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3	2	2
DLTK	514	Thống kê phân tích và xử lý dữ liệu	3	2	1
<i>Phần 3: Kiến thức chuyên ngành tự chọn (20 TC - chọn trong 15 học phần)</i>					
DLTC	509	Tài chính du lịch	3	2	1
DLQB	510	Quản trị du lịch bền vững	3	2	1
DLMD	511	Marketing điểm đến du lịch	3	2	1
DLKL	512	Kinh tế lượng nâng cao	3	2	1
DLQĐ	513	Quản trị điểm đến du lịch	3	2	1
DLVH	515	Văn hóa đa Quốc gia	3	2	1
DLTC	516	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về du lịch	3	2	1
DLQD	517	Quản trị dự án đầu tư du lịch	3	2	1
DLMT	518	Marketing trực tuyến trong du lịch	3	2	1
DLQU	519	Quản lý thực phẩm & đồ uống	3	2	1
DLQĐ	520	Quản trị điều hành	3	2	1

Mã		Tên học phần	Khối lượng (TC)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lí thuyết	Bài tập
DLPT	521	Phát triển sản phẩm du lịch	3	2	1
DLTT	522	Quản trị truyền thông	2	1	1
DLMQ	523	Marketing quốc tế	3	2	1
DLPK	524	Phát triển kỹ năng quản trị	2	1	1
<i>Phần 4: Luận văn tốt nghiệp</i>					
DLLV	525	Luận văn tốt nghiệp	12		
TỔNG CỘNG			60		

2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

2.1. Kế hoạch tuyển sinh

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh

Người dự tuyển vào chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành định hướng nghiên cứu của trường Đại học Nam Cần Thơ cần thỏa các điều kiện tối thiểu sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học **ngành phù hợp**: Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Du lịch tại các trường đại học trong hoặc ngoài nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

- Có bằng tốt nghiệp đại học các **ngành gần**: Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống, Quản trị kinh doanh, Quản trị sự kiện, Thương mại, Việt Nam học. Người dự tuyển phải học và thi đạt yêu cầu các môn bổ sung kiến thức của ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành trước thời điểm Trường phát giấy báo thi.

- Chương trình bổ sung kiến thức gồm 04 học phần:

- Marketing Du lịch
- Quản trị kinh doanh khách sạn
- Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Tuyển điểm du lịch

- Có bằng tốt nghiệp đại học các **ngành khác** với ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành. Người dự tuyển phải học và thi đạt yêu cầu các môn bổ sung kiến thức của ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành trước thời điểm Trường phát giấy báo thi.

- Chương trình bổ sung kiến thức gồm 06 học phần:

- Marketing Du lịch
- Quản trị kinh doanh khách sạn
- Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Tuyển điểm du lịch
- Nghiệp vụ hướng dẫn
- Quản trị dịch vụ bổ sung

- Có đủ sức khỏe để học tập: theo Quy định số 10/TT-LT ngày 18/08/2003 và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/08/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có lý lịch rõ ràng.

2.1.2. Phương thức tuyển sinh

Nhà trường tổ chức tuyển sinh dưới hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển 02 lần trong năm, dự kiến vào tháng 6 và tháng 10 hằng năm, hoặc tùy vào tình hình thực tế của Trường.

Các môn thi tuyển hoặc xét tuyển gồm:

- Môn cơ bản: Tổng quan Du lịch
- Môn cơ sở ngành: Quản trị kinh doanh lễ hành
- Môn điều kiện: Tiếng Anh

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của cơ sở đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, Thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định, hoặc tương đương (bảng dưới) trong thời hạn 02 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận. Thủ trường cơ sở đào tạo phải thẩm định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ trước khi công nhận tương đương.

2.2. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

2.2.1. Quy trình đào tạo

- Thời gian đào tạo theo hình thức toàn thời gian là 18 tháng (bao gồm thực hiện luận văn tốt nghiệp), trong đó: 3 học kỳ chính (mỗi học kỳ 3.5 - 4 tháng) và 6 tháng thực hiện luận văn tốt nghiệp. Học viên được phép gia hạn thời gian học tập nhưng tổng thời gian đào tạo không quá 36 tháng theo khoản 4 Điều 4 Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ.

- Số tín chỉ ít nhất học viên phải hoàn thành là 60 (bao gồm cả luận văn) theo quy định.

2.2.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu;

- Đã nộp luận văn được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của giảng viên hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội Đồng, đính kèm bản sao kết luận của Hội Đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phân hiệu cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định của Quy chế đào tạo Thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp: được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế Thông tư 23/2021 hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

2.3. Kế hoạch đào tạo

- Thời gian đào tạo toàn khóa: 02 năm (04 học kỳ chính)

- Năm học bắt đầu tuyển sinh vào tháng 8 hàng năm. Việc tổ chức học tập và giảng dạy trong 3 học kỳ đầu, học kỳ cuối học viên tập trung làm luận văn và bảo vệ luận văn. Trong quá trình học tập, vào đầu học kỳ 3, học viên sẽ được định hướng chuẩn bị chọn đề tài cho luận văn của mình nhằm đảm bảo tiến độ học tập của khóa học.

- Khung kế hoạch đào tạo từng học kỳ (dự kiến)

Học kỳ 1: 16 tín chỉ

STT	Môn học	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
01	Triết học	3	X	
02	Anh văn	4	X	
03	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	X	
04	Kinh tế học du lịch	3	X	
05	Quản lý nhà nước về du lịch	3	X	
	Tổng cộng:	16		

Học kỳ 2: 18 tín chỉ

STT	Môn học	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
01	Quản trị tour du lịch	3	X	
02	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3	X	
03	Thống kê phân tích và xử lý dữ liệu	3	X	
	<i>Chọn 09 tín chỉ trong các học phần sau:</i>			
04	Tài chính du lịch	3		X
05	Quản trị du lịch bền vững	3		X
06	Quản trị điểm đến du lịch	3		X
07	Quản lý thực phẩm & đồ uống	3		X
08	Marketing trực tuyến trong du lịch	3		X
09	Marketing quốc tế	3		X
10	Quản trị điều hành	3		X
	Tổng cộng:	18		

Học kỳ 3: 14 tín chỉ

STT	Môn học	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
01	Quản trị chiến lược du lịch	3	X	
	<i>Chọn 11 tín chỉ trong các học phần sau:</i>			
02	Marketing điểm đến du lịch	3		X
03	Kinh tế lượng nâng cao	3		X
04	Văn hóa đa Quốc gia	3		X
05	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về du lịch	3		X

STT	Môn học	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
06	Quản trị dự án đầu tư du lịch	3		X
07	Marketing trực tuyến trong du lịch	3		X
08	Quản trị truyền thông	2		X
09	Phát triển kỹ năng quản trị	2		X
10	Phát triển sản phẩm du lịch	3		X
	Tổng cộng:	14		

Học kỳ 4: 12 tín chỉ

STT	Môn học	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
	Luận văn thạc sĩ	12	X	
	Tổng cộng:	12		

2.4. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

Trường Đại học Nam Cần Thơ đảm bảo các điều kiện về thư viện, trang thiết bị CSVC phục vụ nghiên cứu học tập. Thư viện DNC từ khi thành lập đã từng bước hoàn thiện CSVC đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và học tập của CBGV, người học. Thư viện trường là tòa nhà 4 tầng hiện đại diện tích 3.800m² có hệ thống máy điều hòa và nối mạng internet – wifi, hệ thống camera. Thư viện truyền thống 115 chỗ ngồi. Thư viện điện tử 108 máy tính, 212 chỗ ngồi, trong đó khu vực phòng máy gồm 108 máy, khu vực đọc sách; khu vực học nhóm (học tập thư giãn).

Với hơn hơn 80 phòng học, phòng thí nghiệm và phòng thực hành đủ không gian để người học tiến hành các giờ thực hành và thí nghiệm theo yêu cầu của các ngành đào tạo. Các xưởng thực hành, máy tính được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, hiện đại có chất lượng. Với 80 máy chiếu và 600 máy tính được kết nối mạng internet để phục vụ cho giảng dạy và quản lý.

2.5. Đề cương chi tiết học phần

Phụ lục đính kèm

Cần Thơ, ngày 01 tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

TS. Nguyễn Văn Quang

PHẦN 4. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo để thích ứng với tình hình phát triển kinh tế xã hội & ngăn ngừa, hạn chế rủi ro có thể xảy ra.

Năm 2021, sự bùng phát trở lại và kéo dài của đại dịch COVID-19 đã tác động không nhỏ đến mọi mặt kinh tế - xã hội của Việt Nam khiến nhiều địa phương trên cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, các chỉ số chính của nền kinh tế đều sụt giảm, sức mua của người dân giảm mạnh, đời sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Trong khi biến thể Delta và sau đó là biến thể Omicron khiến nhiều nước trên thế giới “chao đảo”. Trường Đại học Nam Cần Thơ cũng là một trong những cơ sở đào tạo đã hứng chịu nhiều ảnh hưởng từ đại dịch này. Tuy nhiên, cùng với sự lãnh đạo đúng đắn và nắm bắt tình hình để thích ứng với đại dịch trong thời kì mới của Đảng và Nhà Nước ta, Việt Nam nói chung và cơ sở đào tạo nói riêng đã từng bước phục hồi và phát triển mạnh mẽ hơn sau đại dịch. Qua những kinh nghiệm đã trải qua sau đại dịch, cơ sở đào tạo đã rút ra được những bài học để dự báo, giải quyết những rủi ro có thể xảy ra khi triển khai tuyển sinh khi mở ngành cũng như đánh giá được những điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo cụ thể như sau:

1.1. Về điểm mạnh của cơ sở đào tạo:

- Về cơ sở vật chất: Trường Đại học Nam Cần Thơ đã đầu tư, xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kiến trúc hiện đại để phục vụ cho mục đích học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí, trau dồi kỹ năng chuyên môn để phát triển năng lực bản thân của từng học viên, sinh viên.

- Đội ngũ giảng viên: Giàu kinh nghiệm kết hợp giảng dạy, dẫn dắt các đội ngũ giảng viên trẻ để tăng tính năng động, sáng tạo nhưng vẫn giữ được giá trị cốt lõi, tính kế thừa những giá trị từ lớp giảng viên giàu kinh nghiệm mang lại.

- Mô hình phát triển của cơ sở đào tạo có tính đổi mới, hiện đại: trường hướng về “phát triển doanh nghiệp trong lòng trường Đại học” vì vậy sinh viên được tiếp cận nhiều hơn với doanh nghiệp từ khi còn trong ghế nhà trường để thích nghi với chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay và hướng tới cuộc cách mạng công nghiệp 5.0 sắp tới. Ngoài ra, trường Đại học Nam Cần Thơ còn rất chú trọng phát triển chuyển đổi số trong quản lý, đổi mới phương pháp dạy và học. trường đã xây dựng thư viện điện tử, trung tâm công nghệ phần mềm, xây dựng hệ thống quản lý giáo dục, sinh viên trong nội bộ nhà trường &

trường đã xây dựng hệ thống dạy trực tuyến để thích ứng với tình hình mới sau đại dịch.

Với những ưu điểm kể trên, trường Đại học Nam Cần Thơ có đầy đủ năng lực để có thể dự báo được những rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành đào tạo.

1.2. Về điểm yếu của cơ sở đào tạo:

- Cơ sở giáo dục còn non trẻ: Trường Đại học Nam Cần Thơ được thành lập ngày 25/01/2013 theo quyết định số 230/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở đào tạo đã có hơn 09 năm xây dựng và phát triển. Thời gian thành lập, xây dựng và phát triển tuy còn khiêm tốn nhưng trường đã phát triển một cách mạnh mẽ và chú trọng vào công tác đầu tư, phát triển cơ sở giáo dục tuy nhiên việc sơ suất trong công tác quản lý, giảng dạy không tránh được những sai sót. Cơ sở giáo dục đã từng bước khắc phục những hạn chế về kinh nghiệm và hướng đến phát triển bền vững và trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực uy tín cho khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

- Xây dựng cơ sở vật chất song song với phát triển đào tạo: Trong những năm đầu thành lập vì điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, trường Đại học Nam Cần Thơ đã vừa phải phát triển giáo dục đào tạo song song phát triển cơ sở vật chất nên đã gặp rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý, giảng dạy. Tuy nhiên đến năm 2022, trường đã cơ bản hoàn thiện và đáp ứng đầy đủ những hạn mục, những công trình, cơ sở vật chất để phục vụ sinh viên, học viên yên tâm đến trường để học tập, nghiên cứu, trao đổi và phát triển bản thân.

Trường Đại học Nam Cần Thơ đang từng bước phát triển và khắc phục những điểm yếu còn tồn đọng để hướng tới những giá trị cốt lõi và trở thành địa chỉ cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao tại Đồng bằng Sông Cửu Long.

2. Báo cáo, thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo:

- Thông tư mới đã có quy định cụ thể 02 trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo của cơ sở đào tạo như tự chủ mở ngành khi chưa đủ được điều kiện được tự chủ mở ngành theo quy định; tự chủ mở ngành khi chưa đủ một trong các điều kiện quy định. Quan trọng hơn, cơ sở bị đình chỉ ngành đào tạo sẽ không được tự chủ mở ngành trong 5 năm. Nếu cơ sở giáo dục bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo, trường sẽ có những phương án, giải pháp cụ thể như sau:

- Ưu tiên đưa ra những giải pháp trấn an tâm lý của sinh viên, học viên và phải đảm bảo những quyền lợi, lợi ích của họ được đặt lên hàng đầu;

- Tìm hiểu nguyện vọng của sinh viên, học viên đề tư vấn chuyển những ngành còn được cấp phép đào tạo tại cơ sở giáo dục sao cho phù hợp với quy chế đào tạo của cơ sở giáo dục và Bộ giáo dục & Đào tạo Việt Nam;
- Tìm kiếm những cơ sở giáo dục uy tín trong khu vực để liên hệ chuyển trường cho những học viên, sinh viên đúng theo quy chế, quy định hiện hành nếu không đồng ý chuyển ngành còn được đào tạo tại cơ sở đào tạo;
- Thỏa thuận, bồi hoàn chi phí học tập, tuyển sinh đến thời điểm sinh viên, học viên còn đang theo học nếu không đồng ý với các cách giải quyết nêu trên.

Trường đại học Nam Cần Thơ

PHẦN 5. PHỤ LỤC CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

- [1] Quyết định của Hội đồng trường về việc thống nhất chủ trương mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.
- [2] Quyết định thành lập ban xây dựng đề án mở ngành đào tạo
- [3] Quyết định thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo
- [4] Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
- [5] Quyết định ban hành chương trình đào tạo
- [6] Biên bản thẩm định chương trình đào tạo
- [7] Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng khoa học và đào tạo
- [8] Đề cương chi tiết môn học
- [9] Phụ lục 3: Xác nhận điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo
- [10] Lý lịch khoa học và văn bằng của đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình.
- [11] Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục
- [12] Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
- [13] Một số công trình khoa học của đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: TRIẾT HỌC

2. Mã môn học: NVTH 501

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Lí luận chính trị - Khoa Cơ bản

5. Mục tiêu môn học:

Trang bị cho học viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận Triết học Mác – Lênin.

Nâng cao khả năng vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác – Lênin vào nghiên cứu các khoa học cụ thể, cũng như phân tích những vấn đề thực tiễn của cuộc sống đang đặt ra.

6. Mô tả tóm tắt môn học

- Ở bậc học thạc sĩ, học viên sẽ được học các chương chuyên sâu, những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển của triết học nói chung và các trường phái triết học nói riêng qua các cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình trong lịch sử.

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu phổ biến, tức là phương pháp biện chứng duy vật. Đó là hệ thống lý luận được hình thành trên cơ sở các nguyên lý, qui luật và phạm trù của phép biện chứng duy vật. Phương pháp này đòi hỏi tính khách quan của sự xem xét, tính toàn diện, nguyên tắc phát triển, tính thống nhất giữa logic và lịch sử.

- Vị trí học phần: Môn triết học nằm trong phần 1 – phần kiến thức chung trong chương trình đào tạo.

7. Nội dung

Chương	Nội dung cơ bản	Số tiết
1	Khái niệm về triết học và lịch sử triết học 1.1. Khái niệm về triết học 1.2. Khái luận về lịch sử triết học 1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu triết học và lịch sử triết học	8
2	Khái niệm về triết học Phương Đông 2.1. Triết học Ấn Độ	8

Chương	Nội dung cơ bản	Số tiết
	2.2. Triết học Trung Quốc 2.3. Khái lược về lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	
3	Khái niệm về triết học Phương Tây 3.1. Triết học Hy Lạp cổ đại 3.2. Triết học Tây Âu thời Trung cổ 3.3. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng và cận đại 3.4. Một số trào lưu triết học Phương Tây hiện đại	8
4	Khái lược lịch sử triết học Mác – Lênin 4.1. Điều kiện và tiền đề ra đời; đối tượng và đặc điểm của triết học Mác – Lênin 4.2. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và triết học Mác - Lênin	8
5	Chủ nghĩa duy vật biện chứng – cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học 5.1. Thế giới quan và thế giới quan duy vật 5.2. Nội dung, bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân của thế giới quan khoa học 5.3. Nguyên tắc khách quan và việc vận dụng nó vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay	7
6	Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của triết học Mác – Lênin 6.1. Thực tiễn và lý luận 6.2. Những yêu cầu cơ bản của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn 6.3. Vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam hiện nay	7
7	Vấn đề giai cấp dân tộc nhân loại trong thời đại hiện nay và vận dụng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 7.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp 7.2. Quan hệ giai cấp với dân tộc và nhân loại trong thời đại hiện nay	7
8	Quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người và vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay 8.1. Một số quan điểm triết học phi Mác-xít về con người 8.2. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người 8.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người trong sự nghiệp cách	7

Chương	Nội dung cơ bản	Số tiết
	mạng	

8. Tài liệu tham khảo

- [1] Triết học gồm 3 tập: tập 1, 2, 3 (dùng cho NCS và học viện cao học không thuộc chuyên ngành triết học), NXB CTQG, Hà Nội 1999
- [2] Hệ tư tưởng Đức (Mác & Ăngghen)
- [3] Tuyên ngôn Đảng Cộng Sản (Mác & Ăngghen)
- [4] Biện chứng của tự nhiên (Ăngghen)
- [5] Nhập môn triết học Phương Tây; Samuel Enoch Stumpt; NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, năm 2004
- [6] Lịch sử phép biện chứng; NXB Chính trị Quốc gia, năm 1998
- [7] Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam; Nguyễn Hùng Hậu; NXB Khoa học xã hội Hà Nội, năm 2002
- [8] Bút ký triết học; Lênin; NXB Chính trị Quốc gia, năm 1996
- [9] Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần VI, VII, VIII, IX, X

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022
P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: TIẾNG ANH

2. Mã môn học: DLNN 502

3. Số tín chỉ: 4 (3 LT; 01 TH)

5. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn tiếng Anh - Khoa Ngữ Văn

5. Mục tiêu môn học

5.1. Kiến thức: giúp học viên có kiến thức về

5.1.1. Từ vựng liên quan đến ngành du lịch, nhà hành, khách sạn

5.1.2. Loại hình tour, tuyến điểm

5.1.3. Điều hành tour

5.1.4. Y tế du lịch

5.1.5. Tâm lí du khách, quảng bá và phát triển du lịch

5.2. Kỹ năng: Môn học giúp học viên rèn kỹ năng

5.2.1. Đọc hiểu các thông tin liên quan đến lĩnh vực du lịch lữ hành

5.2.2. Sử dụng từ vựng thích hợp trong ngữ cảnh

5.2.3. Nghe và giao tiếp cơ bản trong ngành du lịch

5.2.4. Dịch một số quảng cáo du lịch, lịch trình

5.2.5. Ghi chú, điền biểu mẫu, soạn quảng cáo, lập và đánh giá lịch trình

5.2.6. Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm

5.3. Thái độ

Người học có nhận thức đúng về vai trò môn học đối với kiến thức về du lịch lữ hành, và công việc.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Học phần này gồm 9 chủ điểm nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản tiếng Anh sử dụng trong chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, các tuyến điểm du lịch, loại hình tour, các nghiệp vụ du lịch, đại lí du lịch, dịch vụ nhà hàng khách sạn, quảng bá du lịch và y tế du lịch; nhờ đó học viên có thể đọc các văn bản bằng tiếng Anh và có thể giao tiếp bằng tiếng Anh trong lĩnh vực du lịch, phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu sau này.

7. Nội dung

Buổi	Nội dung	Số tiết
1	Tourism industry	5
2	Tourist destinations	5
3	Types of tours	5
4	Revision + Presentation	5
5	Tourism operators	5
6	Accommodation and catering	5
7	Categorisation of hotels and other accommodation units	5
8	Revision + Presentation	5
9	Tour brochures	5
10	Service and safety	5
11	A tourism and travel promotional campaign	5
12	Revision + test	5

8. Tài liệu tham khảo

- [1] Evans, V., Dooley, J., Gza V. (2011). *Career paths: Tourism*. Express Publishing.
- [2] Harding, K., & Henderson, P. (1995). *High Season: English for the Hotel and Tourist Industry*. Publisher: Oxford University Press
- [3] Kim, Y. & Son, K. (2010). *English Communication for Your Career: Air Travel and Tourism*. NXB Tổng hợp TP. HCM
- [4] Lee, Y. & Michael, A. P. (2010). *English Communication for Your Career: Hospitality*. NXB Tổng hợp TP. HCM
- [5] Margaret, O & Iwonna, (2004). *English for International Tourism* (3rd Ed.). Longman
- [6] McBurney, N (1996). *Tourism*. New Jersey: Prentice Hall.
- [7] Mol, H. & Phillips, T. (2009). *English for Tourism and Hospitality in Higher Education Studies*. Reading: Garnet Education.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Bài tập, kiểm tra, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Du Hạ Long

Trường đại học Nam Cần Thơ

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

2. Mã môn học: DLPP 503

3. Số tín chỉ: 3 (2,0 LT, 1,0 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học:

Cung cấp cho người học cách thức tự nghiên cứu một vấn đề trong thực tiễn kinh tế, trong lĩnh vực kinh doanh. Giúp người học biết lựa chọn hướng tự nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu và đạo đức nghiên cứu khoa học; các kỹ năng thực hiện nghiên cứu như thiết kế nghiên cứu, thu thập, xử lý và phân tích số liệu v.v... Môn học giới thiệu cho học viên những nguyên tắc về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, đồng thời trang bị những phương pháp để thực hiện một đề tài nghiên cứu trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý

Sau khi học môn này, học viên có thể ứng dụng kết hợp với kiến thức môn học chuyên môn để hình thành đề cương nghiên cứu và giải quyết một đề tài nghiên cứu hoặc LVTN Cao học của mình.

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	ĐẠI CƯƠNG VỀ NGHIÊN CỨU TRONG QTDN VÀ QTDN DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH <ul style="list-style-type: none"> • Nhận thức luận và tri thức khoa học • Cơ sở khoa học của phương pháp nghiên cứu • Nghiên cứu trong QTDN dịch vụ Du lịch và lữ hành • Quá trình nghiên cứu • Nghiên cứu và ra quyết định trong quản lý Câu hỏi ôn tập và bài tập chương	4
2	THIẾT KẾ MỘT DỰ ÁN NGHIÊN CỨU <ul style="list-style-type: none"> • Phân loại nghiên cứu • Quá trình thiết kế nghiên cứu 	4

Chương	Nội dung	Số tiết
	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng và đánh giá đề cương nghiên cứu • Nghiên cứu định tính Câu hỏi ôn tập và bài tập chương	
3	NGUỒN DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP <ul style="list-style-type: none"> • Dữ liệu thứ cấp • Dữ liệu sơ cấp • Dữ liệu thực nghiệm Câu hỏi ôn tập và bài tập chương	4
4	CHỌN MẪU <ul style="list-style-type: none"> • Khái niệm và quá trình chọn mẫu • Chọn mẫu theo xác suất • Chọn mẫu phi xác suất • Xác định cỡ mẫu Câu hỏi ôn tập và bài tập chương	5
5	KỸ THUẬT ĐO VÀ THU THẬP DỮ LIỆU <ul style="list-style-type: none"> • Khái niệm chung • Các loại thang đo • Thang đo thái độ/thang đo nhiều biến • Sai lệch trong đo đạc • Thiết kế bảng câu hỏi Câu hỏi ôn tập và bài tập chương.	5
6	PHÂN TÍCH DỮ LIỆU <ul style="list-style-type: none"> • Xử lý dữ liệu • Phân tích đơn biến Câu hỏi ôn tập và bài tập chương	4
7	BÁO CÁO KẾT QUẢ <ul style="list-style-type: none"> • Tổng quan về báo cáo kết quả nghiên cứu • Các thành phần của một báo cáo nghiên cứu • Các nguyên tắc khi viết báo cáo nghiên cứu • Thuyết trình kết quả nghiên cứu Giới thiệu về cách thực hiện Luận văn Thạc sỹ	4

8. Tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tiếng Việt

[1] Nguyễn Đình Thọ, 2011. *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. TP HCM: NXB Lao động – Xã hội.

[2] Nguyễn Đình Thọ, 2007. *Ứng dụng phương pháp nghiên cứu định lượng*. Trường ĐH Kinh tế Tp HCM.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

[3] Hair et al., 1998. *Multivariate Data Analysis*. 5th Ed. New Jersey, Prentice - Hall.

[4] Sekaran, U., 2003. *Research Methods for Business: A Skill Building Approach*. 4th Ed. John Wiley & Sons, Inc.

[5] William M. K. Trochim., 2006. *Research Methods Knowledge Bass*. 3th Ed

[6] Useful websites:

- Free electronic scholarly journals:

<http://www.bl.uk/collections/wider/periodicalres.html#freeelecj>

- Statistics E-book: <http://www.statsoft.com/textbook/stathome.html>

- SPSS online tutorials:

<http://www.spsstools.net/spss.htm#SpecializedTutorials>

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c





TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **KINH TẾ HỌC DU LỊCH**

2. Mã môn học: DLKT 504

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học:

Cung cấp cho người học những lý thuyết về kinh tế trong du lịch, cách thức đánh giá tác động của hoạt động kinh tế trong du lịch, nhưng lý thuyết về phát triển bền vững và chính sách cho phát triển du lịch để từ đó học viên có tầm nhìn tổng quan trong nhiên cứu một vấn đề trong thực tiễn du lịch hay xây dựng những định hướng hoặc định các chính sách phát triển du lịch.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Nắm bắt các lý thuyết về kinh tế du lịch như lý thuyết về tiêu dùng du lịch; phân tích cầu du lịch, cung du lịch; phân tích chi phí sản xuất cũng như phân tích doanh thu về du lịch... để từ đó học viên có thể vận dụng đánh giá hiệu quả hoạt động hay tác động về kinh tế đối với một đơn vị, vùng hay lãnh thổ du lịch. Bên cạnh đó môn học cũng cung cấp các kiến thức về đánh giá tác động về kinh tế của các loại hình du lịch; các phương pháp đánh giá tác động về kinh tế môi trường; các nguyên tắc và chính sách phát triển bền vững trong du lịch.

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	<p>Vai trò của ngành công nghiệp du lịch đối với kinh tế vùng</p> <p>1.1. Giới thiệu về ngành công nghiệp du lịch</p> <p>1.2. Các hình thức du lịch</p> <p>1.3. Mục tiêu và tầm quan trọng của du lịch đối với tăng trưởng kinh tế vùng</p> <p>1.4. Chính sách thúc đẩy hoạt động du lịch đóng góp cho sự phát triển kinh tế vùng</p> <p>Thảo luận, bài tập chương</p>	5

Chương	Nội dung	Số tiết
2	<p>Lý thuyết về tiêu dùng trong du lịch</p> <p>2.1. Sự thỏa dụng trong du lịch</p> <p>2.2. Lợi ích cận biên</p> <p>2.3. Phân tích đường bàng quang trong tiêu dùng du lịch</p> <p>2.4. Đường ngân sách hoặc đường giá trong phân tích tiêu dùng du lịch</p> <p>2.5. Cân bằng tiêu dùng trong du lịch</p> <p>2.6. Thặng dư tiêu dùng</p> <p>2.7. Quyền của người tiêu dùng trong du lịch</p> <p>Thảo luận, bài tập chương</p>	6
3	<p>Phân tích cầu trong du lịch</p> <p>3.1. Cầu và nhu cầu trong du lịch</p> <p>3.2. Bản chất đặc điểm của nhu cầu du lịch</p> <p>3.3. Các phương pháp đánh giá nhu cầu trong du lịch</p> <p>3.4. Dự báo nhu cầu du lịch</p> <p>3.5. Phân tích đường cầu trong du lịch</p> <p>3.6. Sự co giãn của cầu trong du lịch.</p> <p>3.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự co giãn của cầu trong du lịch</p> <p>Thảo luận, bài tập chương</p>	10
4	<p>Phân tích cung trong du lịch</p> <p>3.1. Những vấn đề cơ bản về cung trong du lịch</p> <p>3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung trong du lịch</p> <p>3.3. Lý thuyết về cận biên trong du lịch</p> <p>3.4. Đường cong Isoquant</p> <p>3.5. Điểm cân bằng trong quá trình sản xuất sản phẩm dịch vụ</p> <p>Thảo luận, bài tập chương</p>	10
5	<p>Chi phí sản xuất sản phẩm dịch vụ du lịch</p>	7

Chương	Nội dung	Số tiết
	5.1. Các khái niệm về chi phí sản xuất sản phẩm dịch vụ du lịch 5.2. Đường cong chi phí và chi phí trung bình 5.3. Đặc điểm của đường cong chi phí trong dài hạn 5.4. Mối quan hệ giữa chi phí biên và chi phí bình Thảo luận, bài tập chương	
6	Phân tích doanh thu trong kinh doanh dịch vụ du lịch 6.1. Tổng doanh thu 6.2. Doanh thu trung bình 6.3. Doanh thu biên 6.4. Mối quan hệ giữa giá và doanh thu và phân tích điểm hòa vốn trong kinh doanh dịch vụ du lịch. 6.5. Quản lý hiệu xuất (yield management) trong du lịch Thảo luận, bài tập chương	7
7	Phân tích tác động của kinh tế và các phương pháp đánh giá kinh tế môi trường trong hoạt động du lịch 7.1. Tác động của kinh tế đến du lịch 7.2. Ảnh hưởng của du lịch đại chúng đối với du lịch. 7.3. Cân bằng các mục tiêu kinh tế - văn hóa – môi trường trong phát triển du lịch bền vững 7.4. Các phương pháp đánh giá kinh tế môi trường trong hoạt động du lịch Thảo luận, bài tập chương	8
8	Chính sách cho phát triển du lịch bền vững 8.1 Tác động của các loại hình đối với hoạt động du lịch: Du lịch thể thao (Sports tourism); Du lịch văn hóa (cultural tourism); du lịch sinh thái (Eco-tourism) v.v... 8.2. Mục tiêu và nguyên tắc phát triển du lịch bền vững 8.3. Chính sách cho phát triển du lịch bền vững Thảo luận, bài tập chương	7

8. Tài liệu tham khảo:

Danh mục tài liệu tiếng Việt

- [1] Nguyễn Quyết Thắng, 2014. *Tập bài giảng Kinh tế du lịch*. Khoa Quản trị Du lịch – Nhà hàng – Khách sạn. Trường Đại học Công Nghệ Tp HCM.
- [2] Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, 2009. *Giáo trình Kinh tế du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

- [3] Beech, J., Simon, C., 2006. *The Business of Tourism Management*, Pearson Education Limited, England.
- [4] Jonathan H., 2005. *Accounting and Financial Analysis in the Hospitality Industry*. Oxford, UK : Elsevier Butterworth-Heinemann.
- [5] Medlik, S., Ingram, H., 2000. *The Business of Hotels*. 4th Ed. Oxford: Butterworth-Heinemann.
- [6] Sinclair, M.T., Stabler, M., 2002. *The economics of tourism*. Simultaneously published in the USA and Canada by Routledge.
- [7] Các tài liệu từ các trang web và sách báo khác.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



HIỆU TRƯỞNG

 TRƯỜNG

 ĐẠI HỌC

 NAM CẦN THƠ



TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH**
2. Mã môn học: DLQD 505
3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)
4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch
5. Mục tiêu môn học

Cung cấp cho học viên cao học khái niệm, nội dung quản lý nhà nước về du lịch để vận dụng trong quá trình nghiên cứu, tiếp cận thực tiễn quản lý nhà nước về du lịch ở nước ta hiện nay. Giúp học viên cao học có kiến thức và kỹ năng phân tích những vấn đề liên quan đến công tác quản lý nhà nước về du lịch trong thực tiễn.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Môn học Quản lý nhà nước về du lịch được giảng cho học viên cao học vào học kỳ thứ ... Môn học giúp học viên hệ thống hoá một cách khái quát những khái niệm và vấn đề lý luận liên quan đến quản lý nhà nước về ngành và lãnh thổ, nhấn mạnh quản lý nhà nước về kinh tế và về văn hoá (là hai lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quản lý nhà nước về du lịch); giới thiệu cho học viên những khái niệm liên quan về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch; đặc điểm quản lý nhà nước về du lịch; nội dung của quản lý nhà nước về du lịch; bộ máy và phân cấp quản lý nhà nước về du lịch; những yêu cầu, nguyên tắc trong quản lý nhà nước về du lịch; và đổi mới quản lý nhà nước về du lịch trong giai đoạn tới.

Sau khi học môn này, học viên cao học có thêm kiến thức và kỹ năng, kinh nghiệm quản lý nhà nước về du lịch, có thể ứng dụng kết hợp với kiến thức môn học chuyên môn để xây dựng được những đề cương nghiên cứu giải quyết một đề tài nghiên cứu hoặc luận văn tốt nghiệp cao học của mình hoặc tăng cường năng lực làm việc trên cương vị làm việc, nhất là những công chức và viên chức nhà nước làm việc trong lĩnh vực du lịch.

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	KHÁI QUÁT VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THEO NGÀNH VÀ LĨNH VỰC 1.1. Chức năng của nhà nước trong quản lý ngành, lĩnh vực	8

Chương	Nội dung	Số tiết
	<p>1.2. Đối tượng, phạm vi, nội dung hoạt động kinh tế, văn hoá cần được Nhà nước quản lý</p> <p>1.3. Phương thức quản lý nhà nước đối với kinh tế và văn hoá</p> <p>Tóm tắt Chương 1, thảo luận và câu hỏi ôn tập</p>	
2	<p>KHÁI NIỆM LIÊN QUAN VÀ VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH</p> <p>2.1. Những khái niệm chủ yếu liên quan đến quản lý nhà nước về du lịch</p> <p>2.2. Vai trò và đặc điểm của quản lý nhà nước về du lịch</p> <p>Tóm tắt Chương 2, thảo luận và câu hỏi ôn tập</p>	8
3	<p>NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH</p> <p>3.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch</p> <p>3.2 Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động du lịch</p> <p>3.3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về du lịch</p> <p>3.4. Tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ</p> <p>3.5. Tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch để xây dựng quy hoạch phát triển du lịch, xác định khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch</p> <p>3.6. Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về du lịch; hoạt động xúc tiến du lịch ở trong nước và nước ngoài</p> <p>3.7. Quy định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, sự phối hợp của các cơ quan nhà nước trong việc quản lý nhà nước về du lịch</p> <p>3.8. Cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về hoạt động du lịch</p> <p>3.9. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về du lịch</p>	8

Chương	Nội dung	Số tiết
	Tóm tắt Chương 3, thảo luận và câu hỏi ôn tập	
4	BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH 4.1. Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch 4.2. Phân cấp quản lý nhà nước về du lịch ở Việt Nam Tóm tắt Chương 4, thảo luận và câu hỏi ôn tập	8
5	ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN TỚI 5.1. Một số kinh nghiệm quản lý phát triển du lịch của nước ngoài 5.2. Nội dung đổi mới công tác QL nhà nước về DL ở Việt Nam Tóm tắt Chương 5, thảo luận và câu hỏi ôn tập	8
6	ÔN TẬP, TIỂU LUẬN VÀ TỔNG KẾT MÔN HỌC ĐỀ THI	5

8. Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng cộng sản Việt Nam, 2006 và 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- [2] Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hoà, 2008. *Kinh tế du lịch*. Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [3] Đồng Ngọc Minh và Vương Lôi Đình, 2000. *Kinh tế Du Lịch và Du lịch học*. TP Hồ Chí Minh - NXB Trẻ.
- [4] Denny G. R., Michael J. O., 2009. *Quản lý và vận hành khách sạn*. Hà Nội - NXB Lao động.
- [5] Nguyễn Ngọc Hiến, 2007. *Quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội*. Hà Nội - NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [6] Nguyễn Văn Lưu, 2002. *Quản lý nhà nước về du lịch*. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Nguyễn Văn Lưu, 2011. *Phát triển nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch*. NXB Văn hóa Thông tin.
- [8] Nguyễn Văn Lưu, 2014. *Tập bài giảng : Quản lý nhà nước về du lịch*. Trường ĐH Công Nghệ Tp HCM.

- [9] Bùi Văn Nhơn, 2008. *Quản lý và phát triển nguồn nhân lực xã hội*. Hà Nội: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [10] Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, 2011. *Chiến lược phát triển nguồn nhân lực văn hoá, thể thao và du lịch Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*. Hà Nội.
- [11] Tổng cục Du lịch, 2012. *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*, 2012. Hà Nội.
- [12] Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2011. *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*, Hà Nội.
- [13] Luật di sản văn hoá, 2009. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- [14] Luật doanh nghiệp, 2012. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- [15] Luật Du lịch, 2005. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- [16] Báo cáo tổng kết công tác năm của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch từ 2008 - 2017.
- [17] Báo cáo tổng kết của Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch các địa phương.
- [18] Các tài liệu từ các trang web và sách báo khác.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c


HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 NAM CẦN THƠ

TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022
P. TRƯỞNG KHOA


ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **QUẢN TRỊ TOUR DU LỊCH**

2. Mã môn học: DLQT 506

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

Cung cấp cho học viên cao học khái niệm, nội dung quản trị về hoạt động du lịch lữ hành, thiết kế chương trình du lịch và tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch. Giúp học viên cao học có kiến thức và kỹ năng phân tích những vấn đề liên quan đến công tác quản trị và điều hành chương trình tour du lịch

6. Mô tả tóm tắt môn học

Môn học quản trị tour du lịch được giảng cho học viên cao học vào học kỳ thứ 2. Môn học giúp học viên hệ thống hoá một cách khái quát những khái niệm và vấn đề kiến thức cơ bản về hoạt động du lịch lữ hành, thiết kế chương trình du lịch và tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch

Sau khi học môn này, học viên cao học có thêm kiến thức và kỹ năng, kinh nghiệm quản trị chương trình du lịch, có thể ứng dụng kết hợp với kiến thức môn học chuyên môn để xây dựng và thiết kế các chương trình tham quan du lịch và quản lý chất lượng các chương trình tour du lịch, tính giá các chương trình tour du lịch hiệu quả trên cương vị là nhà quản lý điều hành chương trình tour du lịch.

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	Thiết kế, giới thiệu và bán chương trình du lịch 1.1. Điều tra thị trường du lịch 1.2. Thiết kế chương trình du lịch 1.3. Thử nghiệm và định giá chương trình du lịch 1.4. Xác định các điều kiện, điều khoản của chương trình du lịch 1.5. Xây dựng phương án dự phòng ứng cứu 1.6. Tổ chức giới thiệu và bán chương trình du lịch Tóm tắt Chương 1 và câu hỏi ôn tập	5
2	Chương 2. Thực hiện, điều hành chương trình du lịch	5

Chương	Nội dung	Số tiết
	2.1. Chuẩn bị thực hiện 2.2. Điều hành chương trình du lịch 2.3. Hoạt động nghiệp vụ sau khi kết thúc chương trình du lịch Tóm tắt Chương 2 và câu hỏi ôn tập	
3	Chương 3. Quan hệ hợp tác trong lữ hành 3.1. Quan hệ với các nhà cung cấp dịch vụ du lịch 3.2. Nhiệm vụ ổn định và phát triển nguồn khách 3.3. Hợp đồng du lịch Tóm tắt Chương 3 và câu hỏi ôn tập	5
4	Chương 4. Đại lý du lịch 4.1. Vai trò, nhiệm vụ của đại lý du lịch 4.2. Những hoạt động chủ yếu của đại lý du lịch Tóm tắt Chương 4 và câu hỏi ôn tập	4
5	Chương 5: Quản trị chi phí tour 5.1 Các yếu tố chi phí trong tour du lịch 5.2. Kiểm soát các chi phí cố định 5.3. Kiểm soát các chi phí biến đổi 5.4 Quản lý các yếu tố phát sinh Tóm tắt Chương 5 và câu hỏi ôn tập	6
6	Chương 6: Quản trị chất lượng tour du lịch 6.1. Các yếu tố cấu thành chất lượng tour du lịch 6.2. Các mô hình kiểm soát chất lượng tour 6.3. Kiểm soát cách thức tổ chức quản lý tour Tóm tắt Chương 6 và câu hỏi ôn tập	5
*	PHÂN THỰC HÀNH	
	XÂY DỰNG ĐỀ ÁN QUẢN TRỊ TOUR DU LỊCH <i>Học viên xây dựng một đề án quản trị tour du lịch (là một tuyến đi kèm bất kỳ tại Việt Nam)</i>	30

8. Tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tiếng Việt

- [1] Nguyễn Văn Mạnh và Phạm Hồng Chương, 2009. *Quản trị kinh doanh lữ hành*. Hà Nội: NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân.
- [2] Hà Thùy Linh, 2006. *Nghiệp vụ kinh doanh lữ hành*. NXB Hà Nội.
- [3] Đặng Thanh Vũ, 2013. *Tập bài giảng Quản trị tour du lịch*. Trường ĐH Công Nghệ Tp HCM.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

- [4] Bhatia, A. K., 2001. *Tourism Management and Marketing*, Sterling Publishers.
- [5] Bhatia, A. K., 2002. *International Tourism Management*, Sterling Publishers.
- [6] David, W., Martin, O., 2001. *Tourism Management*. John Wiley & Sons Australia, Ltd.
- [7] Foster, D. L., 1993. *The Business of Travel: Agency Operation and Administration*. Mc Graw-Hill International Editions.
- [8] Harding, K., 1998. *Going International*. Oxford: Oxford University Press.
- [9] Keith, H., 2002. *Conducting Tour*. Oxford: University Press.
- [10] Ramsey, D., 1995. *The Upstart Guide to Owning and Managing a Travel Service*. Upstart Publishing.
- [11] Các tài liệu từ các trang web và sách báo khác.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



HIỆU TRƯỞNG

 TRƯỜNG

 ĐẠI HỌC

 NAM CẦN THƠ



TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC DU LỊCH**

2. Mã môn học: DLQC 507

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học:

Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp du lịch và lữ hành, giúp học viên có thể hiểu biết và nhận biết được vị thế của các doanh nghiệp trên thị trường đồng thời nâng cao khả năng nghiên cứu thị trường của học viên.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược trong danh nghiệp du lịch; các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có sứ mạng, mục tiêu dài hạn và các chiến lược kinh doanh cấp công ty và quốc tế.

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	<p>GIỚI THIỆU VỀ CHIẾN LƯỢC DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH</p> <p>1.1. Tầm quan trọng của Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành</p> <p>1.2. Khái niệm chiến lược</p> <p>1.3. Quá trình Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành</p> <p>Thảo luận, bài tập chương</p>	5
2	<p>PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI DN DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH</p> <p>2.1. Môi trường tổng quát</p>	8

Chương	Nội dung	Số tiết
	2.2. Môi trường cạnh tranh 2.3. Các yếu tố đặc thù của môi trường ảnh hưởng đến chiến lược của doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành 2.4. Thu thập thông tin và dự báo môi trường kinh doanh Thảo luận, bài tập chương	
3	PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BÊN TRONG DN DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH 3.1. Giá trị doanh nghiệp 3.2. Các vấn đề khác trong phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành 3.3. Thực hiện những so sánh có ý nghĩa 3.4. Liên kết các điều kiện bên trong và bên ngoài (SWOT)	8
4	SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU 4.1. Sứ mạng-bản tuyên ngôn của doanh nghiệp du lịch 4.2. Mục tiêu Thảo luận, bài tập chương	5
5	CHIẾN LƯỢC CẤP CÔNG TY 5.1. Sự tăng trưởng và phát triển của công ty 5.2. Thị trường khách nội địa với một lĩnh vực kinh doanh trong doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành 5.3. Hội nhập dọc, mở rộng thị trường 5.4. Đa dạng hoá, mở rộng hoạt động sang những lĩnh vực kinh doanh mới trong du lịch 5.5. Giai đoạn cắt giảm và thay đổi 5.6. Các phương pháp phân tích cấu trúc kinh doanh áp dụng trong doanh nghiệp du lịch Thảo luận, bài tập chương	10
6	CHIẾN LƯỢC CẤP KINH DOANH, CẤP CHỨC NĂNG 6.1. Nền tảng của chiến lược cấp kinh doanh trong doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành	

Chương	Nội dung	Số tiết
	6.2. Chọn lựa chiến lược cạnh tranh tổng quát trong doanh nghiệp du lịch 6.3. Chiến lược chi phí thống nhất 6.4. Chiến lược đầu tư 6.5. Chiến lược cạnh tranh và cấu trúc ngành 6.6. Chiến lược cấp chức năng Thảo luận, bài tập chương	10
7	CHIẾN LƯỢC KINH DOANH DU LỊCH QUỐC TẾ 7.1. Tầm quan trọng của viễn cảnh toàn cầu trong du lịch 7.2. Chiến lược xâm nhập trong việc mở rộng quốc tế 7.3. Khung để hình thành các chiến lược vận hành toàn cầu trong du lịch 7.4. Chiến lược kinh doanh quốc tế và lợi thế cạnh tranh Thảo luận, bài tập chương	8
8	KẾ HOẠCH, HÀNH ĐỘNG VÀ HỘI NHẬP 8.1. Bối cảnh cho việc hiểu biết những vấn đề thực hiện 8.2. Những khía cạnh chiến thuật của thực hiện chiến lược 8.3. Đạt tới sự hội nhập: Thách thức chủ yếu trong thực hiện chiến lược của doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành Thảo luận, bài tập chương	6

8. Tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tiếng Việt

[1] Nguyễn Văn Hóa, 2012. *Tập bài giảng Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp dịch vụ - du lịch*. Trường ĐH Công Nghiệp Tp HCM.

[2] Nguyễn Hữu Lam, 2002. *Quản trị chiến lược*. NXB Thông kê.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

[3] Evans, N., Campbell, D., Stonehouse, G., 2003. *Strategic Management for Travel and Tourism*. Oxford: Butterworth-Heinemann.

[4] Harrison, J. S., Enz, C.A., 2004. *Hospitality Strategic Management: Concepts and Cases*. Wiley, Chichester.

- [5] Olsen, M. D., 2004. Literature in Strategic Management in the Hospitality Industry. *International Journal of Hospitality Management*, 23: 411-424.
- [6] Porter, M., 1996. *What is Strategy?* Harvard Business Review, Nov/Dec.
- [7] Các tài liệu từ các trang web và sách báo khác.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Du Hạ Long

Trường đại học Nam

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH**
2. Mã môn học: DLQN 508
3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)
4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
5. Mục tiêu môn học:

Nâng cao kỹ năng quản trị nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch cho học viên. Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể đảm trách nhiệm vụ quản trị nhân sự cho cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị nghiên cứu, đào tạo, công ty, tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch hay các tổ chức khác.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Cung cấp những kiến thức tổng quát về quản trị NNL lĩnh vực du lịch; phân tích yêu cầu công việc, kế hoạch tuyển dụng, quy trình tuyển dụng ứng cử viên tối ưu, công tác đào tạo, bố trí, phát triển năng lực của nhân viên, các hình thức và biện pháp động viên khuyến khích về tinh thần và vật chất...

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân sự trong tổ chức, đơn vị kinh doanh du lịch, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về quản lý nhân sự. Tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động. Học phần bao gồm các nội dung huấn luyện về các kỹ năng quản lý nhân sự, kỹ năng giao tiếp, quan hệ với người lao động...

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	<p>NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QTNNL VÀ QTNNL DU LỊCH</p> <p>1.1. Khái niệm, Vai trò của QTNNL trong du lịch.</p> <p>1.2. Mục đích, các chức năng quản trị NNL</p> <p>1.3. Các chi tiêu đánh giá chất lượng quản trị NNL lĩnh vực du lịch</p> <p>1.4. Những cơ sở khoa học của QTNNL</p> <p>Câu hỏi ôn tập và bài tập chương.</p>	4

Chương	Nội dung	Số tiết
2	<p>MÔI TRƯỜNG QUẢN TRỊ>NNL DU LỊCH</p> <p>2.1. Phương pháp tiếp cận hệ thống với việc QTNNL lĩnh vực du lịch</p> <p>2.2. Những tác động của môi trường bên ngoài đối với công tác quản trị>NNL doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành.</p> <p>2.3. Những ảnh hưởng của môi trường bên trong đến QTNNL doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành.</p> <p>Câu hỏi ôn tập và bài tập chương.</p>	5
3	<p>PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC</p> <p>3.1. Định nghĩa</p> <p>3.2. Ý nghĩa, tác dụng của phân tích công việc.</p> <p>3.3. Nội dung chính của bản mô tả công việc và tiêu chuẩn công việc.</p> <p>3.4. Các phương pháp phân tích công việc.</p> <p>3.5. Các phương pháp thu thập thông tin để phân tích công việc trong doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành.</p> <p>Câu hỏi ôn tập và bài tập chương.</p>	5
4	<p>LẬP KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG DOANH NGHIỆP DU LỊCH</p> <p>4.1. Định nghĩa</p> <p>4.2. Quy trình lập kế hoạch nhân sự trong doanh nghiệp du lịch</p> <p>4.3. Các loại kế hoạch nhân sự trong du lịch</p> <p>Câu hỏi ôn tập và bài tập chương.</p>	4
5	<p>TUYỂN DỤNG VÀ QUY TRÌNH TUYỂN DỤNG TRONG DU LỊCH</p> <p>5.1. Mục đích tuyển dụng</p> <p>5.2. Quy trình tuyển dụng trong du lịch</p> <p>5.3. Các nguồn nhân lực trong du lịch</p> <p>5.4. Các phương pháp tuyển dụng thường sử dụng trong du lịch</p> <p>5.5. Chuẩn bị tuyển dụng</p> <p>5.6. Phương pháp chọn lựa thường sử dụng trong du lịch</p> <p>5.7. Chuẩn bị tuyển dụng</p> <p>5.8. Tiêu chuẩn chọn lựa</p> <p>5.9. Đánh giá kết quả chọn lựa</p>	6

Chương	Nội dung	Số tiết
	Câu hỏi ôn tập và bài tập chương.	
6	HƯỚNG DẪN NHÂN VIÊN MỚI TRONG DU LỊCH 6.1. Mục đích. 6.2. Chuẩn bị nhân viên mới 6.3. Đón tiếp 6.4. Giới thiệu về tổ chức và những qui định về tổ chức 6.5. Hướng dẫn làm quen với công việc Câu hỏi ôn tập và bài tập chương.	5
7	ĐÀO TẠO TRONG DOANH NGHIỆP DU LỊCH 7.1. Lý do đào tạo và đào tạo lại nhân viên trong du lịch 7.2. Mục đích, yêu cầu 7.3. Các hình thức đào tạo nhân viên trong du lịch 7.4. Các phương pháp đào tạo nhân viên trong du lịch 7.5. Quy trình lập kế hoạch đào tạo nhân viên trong du lịch 7.6. Đánh giá hiệu quả đào tạo nhân viên trong du lịch Câu hỏi ôn tập và bài tập chương.	6
8	PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP 8.1. Vì sao doanh nghiệp phải đầu tư cho việc phát triển nhân viên 8.2. Vòng đời nghề nghiệp trong du lịch 8.3. Các phương pháp phát triển nhân viên trong du lịch Câu hỏi ôn tập và bài tập chương.	5
9	LƯƠNG BỔNG, ĐÃI NGỘ VÀ CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH, KỶ LUẬT LAO ĐỘNG TRONG DU LỊCH 9.1. Lương bổng & đãi ngộ trong du lịch 9.2. Các yếu tố quyết định đến lương bổng, đãi ngộ 9.3. Các phương pháp ấn định mức lương trong du lịch 9.4. Các biện pháp khuyến khích lao động trong du lịch 9.5. Các biện pháp kỷ luật lao động trong du lịch Câu hỏi ôn tập và bài tập chương.	5

8. Tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tiếng Việt

[1] Trần Kim Dung, 2005. *Quản trị nguồn nhân lực*. NXB Thống kê

- [2] Hồ Công Dũng, 2013. *Tập bài giảng Quản trị nguồn nhân lực du lịch*. Trường Đại học Công nghệ Tp HCM.
- [3] Nguyễn Thanh Hội, 1998. *Quản trị nhân sự*. NXB Thống kê
- [4] Nguyễn Hữu Lam, 1996. *Hành vi tổ chức*. NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Hữu Thân, 1999. *Quản trị nhân sự*. NXB Thống kê

Danh mục tài liệu tiếng Anh

- [6] Dennis, N., 1998. *Human Resource Management for the Hospitality and Tourism*. Published by Elsevier Ltd.
- [7] Hoque, K., 2000. *Human Resource Management in the Hotel Industry*. Routledge.
- [8] Torrington, D., 1994. *International Human Resource Management – Think Globally. Act Locally*. Prentice Hall.
- [9] Vroom, E.V.H., 1964. *Work and Motivation*. New York: John Wiley.

10. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c





TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022
P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **TÀI CHÍNH DU LỊCH**
2. Mã môn học: DLTC 509
3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)
4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch
5. Mục tiêu môn học:

Hoàn thành môn học này người học có thể thực hiện việc phân tích và hoạch định tài chính doanh nghiệp du lịch, nhận dạng và đo lường rủi ro của dự án và rủi ro doanh nghiệp du lịch và một số vấn đề trong thực hiện kinh doanh quốc tế. Hiểu rõ các chế độ chính sách của Nhà nước và của các nước trên thế giới về lĩnh vực tài chính du lịch. Tổ chức, triển khai xây dựng chiến lược phân tích du lịch và có khả năng học tập ở trình độ cao hơn

6. Mô tả tóm tắt môn học

Môn học này dành cho các sinh viên cao học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trong các trường dạy về quản lý. Môn học giới thiệu các nghiệp vụ, quản trị tài chính chuẩn mực và những tiến bộ mới nhất liên quan đến vấn đề quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch trên thế giới. Học phần nhằm trang bị kiến thức về phân tích hoạt động kinh tế; phân tích khách và doanh thu; phân tích chi phí và giá thành dịch vụ du lịch ở doanh nghiệp; phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp du lịch; phân tích hiệu quả kinh tế ngành du lịch.

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
	PHẦN 1: TÀI CHÍNH DU LỊCH	
1	<p>BẢN CHẤT, CHỨC NĂNG, TỔ CHỨC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VÀ TÀI CHÍNH DU LỊCH</p> <p>1.1. Bản chất và chức năng tài chính doanh nghiệp và tài chính doanh nghiệp du lịch</p> <p><i>1.1.1 Bản chất của tài chính doanh nghiệp</i></p> <p><i>1.1.2 Chức năng của tài chính doanh nghiệp – doanh nghiệp du lịch</i></p>	3

Chương	Nội dung	Số tiết
	<p>1.2. Vai trò, vị trí chức của tài chính doanh nghiệp trong hệ thống tài chính quốc gia</p> <p>1.2.1 Ngân sách nhà nước</p> <p>1.2.2 Các định chế tài chính trung gian</p> <p>1.2.3 Tài chính của các tổ chức xã hội và dân cư</p> <p>1.2.4 Tài chính các doanh nghiệp</p> <p>1.3. Các nhân tố quyết định đến tổ chức tài chính của từng doanh nghiệp du lịch</p> <p>1.3.1 Chế độ sở hữu và hình thức kinh doanh (loại hình doanh nghiệp)</p> <p>1.3.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh</p> <p>1.3.3 Chế độ hoạch toán kinh tế áp dụng tại đơn vị</p> <p>1.4. Bộ phận tài chính trong doanh nghiệp du lịch</p>	
2	<p>MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ NỘI DUNG CÔNG TÁC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP DU LỊCH</p> <p>2.1. Môi trường kinh doanh</p> <p>2.2. Môi trường tài chính</p> <p>2.3. Nội dung công tác tài chính doanh nghiệp du lịch</p> <p>2.3.1 Bản chất của việc lập kế hoạch chiến lược</p> <p>2.3.2 Phân bố cấp bậc trong việc lập kế hoạch chiến lược</p> <p>2.3.3 Tiến trình lập và thực hiện kế hoạch</p> <p>2.4. Lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp du lịch</p> <p>2.4.1 Quy trình lập kế hoạch tài chính</p> <p>2.4.2 Ý nghĩa của kế hoạch kinh doanh và tài chính doanh nghiệp</p> <p>2.4.3 Thời gian lập kế hoạch</p>	4
3	<p>QUẢN LÝ VỐN CỔ ĐỊNH VÀ VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN</p> <p>3.1. Khái niệm tài sản cố định, phân loại tài sản cố định và vốn cố định</p> <p>3.1.1 Khái niệm tài sản cố định và vốn cố định</p>	5

Chương	Nội dung	Số tiết
	<p>3.1.2 Phân loại tài sản cố định trong doanh nghiệp</p> <p>3.1.3 Đánh giá tài sản cố định</p> <p>3.2. Khấu hao tài sản cố định</p> <p>3.2.1 Khái niệm khấu hao tài sản cố định và quỹ khấu hao</p> <p>3.2.2 Nguyên tắc tính và đối tượng phải tính khấu hao tài sản cố định</p> <p>3.2.3 Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định</p> <p>3.2.4 Lập kế hoạch tăng, giảm và khấu hao tài sản cố định</p> <p>3.3. Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp du lịch</p> <p>3.3.1 Ý nghĩa đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp du lịch</p> <p>3.3.2 Lựa chọn phương án đầu tư dài hạn – thẩm định dự án đầu tư</p> <p>3.3.3 Kế hoạch đầu tư dài hạn của doanh nghiệp du lịch</p> <p>3.4. Quản lý tài sản cố định, vốn cố định và vốn đầu tư dài hạn</p> <p>3.4.1 Bảo toàn vốn cố định</p> <p>3.4.2 Giám đốc tình hình sử dụng và tăng giảm tài sản cố định</p> <p>3.4.3 Quản lý quỹ khấu hao</p> <p>3.4.4 Quản lý vốn đầu tư dài hạn</p> <p>3.4.5 Quản lý chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang</p>	
4	<p>QUẢN LÝ DOANH THU, VỐN, CHI PHÍ KINH DOANH VÀ GIÁ THÀNH DỊCH VỤ DU LỊCH</p> <p>4.1. Quản lý doanh thu</p> <p>4.1.1. Khái niệm về doanh thu</p> <p>4.1.2. Phương pháp xác định doanh thu</p> <p>4.1.3. Quản lý doanh thu</p> <p>4.2. Quản lý vốn</p> <p>4.2.1. Khái niệm, cấu thành và chu chuyển vốn lưu động</p> <p>4.2.2. Lập kế hoạch vốn lưu động định mức</p>	4

Chương	Nội dung	Số tiết
	<p>4.2.3. Lập kế hoạch nguồn vốn lưu động định mức</p> <p>4.2.4. Quản lý vốn lưu động</p> <p>4.2.5. Quản lý vốn vay trong doanh nghiệp du lịch</p> <p>4.2.6. Thanh toán không dùng tiền mặt trong doanh nghiệp du lịch</p> <p>4.3. Quản lý chi phí và giá thành dịch vụ du lịch</p> <p>4.3.1. Khái niệm giá thành và phân loại chi phí</p> <p>4.3.2. Lập kế hoạch chi phí kinh doanh</p> <p>4.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng và các biện pháp chủ yếu nhằm hạ thấp chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp du lịch</p>	
5	<p>QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP DU LỊCH</p> <p>5.1. Vị trí, ý nghĩa và nội dung kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp du lịch.</p> <p>5.1.1 Vị trí của kế hoạch tài chính trong DN du lịch.</p> <p>5.1.2 Ý nghĩa của kế hoạch tài chính trong DN du lịch.</p> <p>5.1.3 Nội dung của kế hoạch tài chính trong DN du lịch</p> <p>5.2. Lập kế hoạch tài chính và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính.</p> <p>5.2.1 Đánh giá chung tình hình tài chính</p> <p>5.2.2 Đánh giá khả năng thanh toán</p> <p>5.2.4. Phân tích khả năng sinh lời của doanh nghiệp</p> <p>5.2.5. Phân tích giá trị đồng tiền theo thời gian</p> <p>5.2.6. Phân tích điểm hoà vốn</p>	4
	PHẦN 2: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DU LỊCH	
6	<p>KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH TẾ</p> <p>6.1. Khái niệm về phân tích hoạt động kinh tế và hoạt động kinh doanh</p> <p>6.2. Đối tượng của phân tích hoạt động kinh tế</p>	3

Chương	Nội dung	Số tiết
	<p>6.3. Sử dụng các phương pháp – kỹ thuật phân tích, các phương pháp dự đoán và tổ chức công tác phân tích tại các cấp của ngành du lịch Việt Nam</p> <p><i>6.3.1 Sử dụng các phương pháp kỹ thuật phân tích</i></p> <p><i>6.3.2 Phân loại và tổ chức công tác hoạt động kinh doanh</i></p> <p><i>6.3.3 Thực trạng về việc sử dụng các phương pháp và tổ chức công tác phân tích ở các cấp của ngành du lịch Việt Nam trong thời gian qua</i></p> <p>6.4 Phương hướng hoàn thiện hệ thống thông tin kinh tế trong ngành du lịch Việt Nam</p>	
7	<p>PHÂN TÍCH SẢN PHẨM, KHÁCH VÀ DOANH THU CỦA TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH</p> <p>7.1. Phân tích sản phẩm, khách và doanh thu hãng lữ hành</p> <p><i>7.1.1. Phân tích thực trạng sản phẩm của hãng lữ hành</i></p> <p><i>7.1.2. Phân tích thực trạng thị trường của hãng lữ hành</i></p> <p><i>7.1.3. Phân tích thị trường tiềm năng và động cơ của hãng lữ hành</i></p> <p><i>7.1.4. Phân tích thường xuyên tình hình khách và doanh thu hãng lữ hành</i></p> <p>7.2. Phân tích sản phẩm, khách và doanh thu khách sạn</p> <p><i>7.2.1. Phân tích sản phẩm khách sạn</i></p> <p><i>7.2.2. Phân tích thị trường của khách sạn</i></p> <p><i>7.2.3. Phân tích các chỉ số hoạt động của khách sạn</i></p> <p><i>7.2.4. Phân tích thường xuyên tình hình khách và doanh thu khách</i></p> <p>7.3. Phân tích sản phẩm, khách và doanh thu nhà hàng</p> <p><i>7.3.1. Phân tích sản phẩm nhà hàng</i></p> <p><i>7.3.2. Phân tích thị trường</i></p> <p><i>7.3.3. Phân tích các chỉ tiêu hoạt động của nhà hàng</i></p> <p><i>7.3.4. Phân tích động thái về mối quan hệ giữa số đêm trọ của khách so với bữa ăn được phục vụ trong khách sạn</i></p>	4

Chương	Nội dung	Số tiết
	7.3.5. Phân tích thường xuyên tình hình khách và doanh thu nhà hàng	
8	<p>PHÂN TÍCH CHI PHÍ KINH DOANH VÀ GIÁ THÀNH DOANH NGHIỆP DU LỊCH</p> <p>8.1. Khái niệm chi phí kinh doanh và giá thành</p> <p>8.2. Phân tích tổng quát tình hình chi phí</p> <p>8.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí</p> <p>8.3.1 Nhân tố giá cả dịch vụ cung ứng</p> <p>8.3.2 Nhân tố giá cả chi phí kinh doanh</p> <p>8.3.3 Nhân tố khối lượng dịch vụ cung ứng</p> <p>8.3.4 Nhân tố kết cấu dịch vụ cung ứng</p> <p>8.3.5 Nhóm các nhân tố khác</p> <p>8.4. Phân tích tình hình chi phí theo chức năng hoạt động</p> <p>8.5. Phân tích giá thành theo các khoản mục</p> <p>8.5.1 Phân tích chi phí nguyên vật liệu</p> <p>8.5.2 Phân tích chi phí tiền lương – bảo hiểm xã hội – chi phí nhân công trực tiếp</p> <p>8.5.3 Xác định chi phí bất biến và chi phí khả biến</p> <p>8.6. Phân tích thường xuyên tình hình chi phí kinh doanh của doanh nghiệp du lịch</p>	4
9	<p>PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP DU LỊCH</p> <p>9.1. Đánh giá chung tình hình tài chính</p> <p>9.2. Phân tích cơ cấu vốn và nguồn vốn</p> <p>9.3. Phân tích tình hình quản lý – sử dụng tài sản lưu động và tài sản cố định của doanh nghiệp du lịch</p> <p>9.3.1 Phân tích tình hình tài sản lưu động</p> <p>9.3.2 Phân tích tình hình tài sản cố định</p> <p>9.4. Phân tích khả năng thanh toán</p> <p>9.4.1 Hệ số thanh toán hiện thời</p>	5

Chương	Nội dung	Số tiết
	<p>9.4.2 Hệ số thanh toán nhanh</p> <p>9.4.3 Hệ số các khoản thu</p> <p>9.4.4 Hệ số thanh toán</p> <p>9.5. Phân tích hệ số vòng quay vốn</p> <p>9.5.1 Hệ số vòng quay hàng tồn kho</p> <p>9.5.2 Hệ số vòng quay đối tượng chiếm dụng</p> <p>9.5.3 Hệ số vòng quay cố định</p> <p>9.6. Phân tích khả năng sinh lời của doanh nghiệp</p> <p>9.6.1 Mức lời trên tài sản lưu động</p> <p>9.6.2 Mức lời thuần sau khi nộp thuế lợi tức</p> <p>9.6.3 Mức lời thuần trên doanh thu</p> <p>9.6.4 Mức lời thuần so với vốn sở hữu</p> <p>9.6.5 Mức lời thuần so với vốn cố định</p> <p>9.6.6 Lợi tức của mỗi cổ phần (hay cổ tức)</p> <p>9.6.7 Phân tích khả năng sinh lời qua chỉ số DUPONT</p> <p>9.7. Phân tích giá trị đồng tiền</p> <p>9.8. Phân tích điểm hòa vốn và doanh thu mong muốn</p> <p>9.8.1 Doanh thu hòa vốn</p> <p>9.8.2 Thời gian hòa vốn</p>	
10	<p>PHÂN TÍCH NGÀNH DU LỊCH</p> <p>10.1. Hệ thống biểu mẫu thống kê – phân tích thực trạng kinh doanh của hãng lữ hành</p> <p>10.2. Hệ thống biểu mẫu thống kê và phân tích thực trạng của các cơ sở kinh doanh lưu trú</p> <p>10.3. Hệ thống biểu mẫu thống kê và phân tích thực trạng kinh doanh của nhà hàng</p> <p>10.4. Hệ thống biểu mẫu thống kê và phân tích ở các cơ quan quản lý du lịch tại địa phương</p> <p>10.5. Hệ thống biểu mẫu thống kê và phân tích các cơ quan quản lý du lịch trung ương</p>	4

Chương	Nội dung	Số tiết
	<p>10.5.1 Phân tích sản phẩm du lịch Việt Nam</p> <p>10.5.2 Phân tích cạnh tranh</p> <p>10.5.3 Phân tích các yếu tố của cung du lịch</p> <p>10.5.4 Phân tích thị trường hiện tại của ngành du lịch Việt Nam</p> <p>10.5.5 Phân tích thị trường tiềm năng và động cơ</p> <p>10.5.6 Phân tích các chỉ số đánh giá hiệu quả kinh tế của ngành du lịch địa phương và ngành du lịch quốc gia</p> <p>10.5.7 Các phương pháp phân tích tính hấp dẫn của sản phẩm du lịch</p>	
	Ôn tập	5

8. Tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tiếng Việt

- [1] Nguyễn Văn Hóa, 2014. *Giáo trình Tài chính du lịch*. Trường Đại học Công Nghệ Tp HCM (Lưu hành nội bộ).
- [2] Nguyễn Văn Hóa, 2014. *Giáo trình Phân tích tài chính du lịch*. Trường Đại học Công Nghệ Tp HCM (Lưu hành nội bộ).
- [3] TS Nguyễn Văn Hóa, 2014. *Sử dụng các công cụ phân tích hoạt động kinh tế vào việc nghiên cứu hoạt động kinh doanh du lịch Việt Nam*. Trường ĐH Công Nghiệp Tp.HCM.
- [4] Nguyễn Quyết Thắng, 2005. *Hướng dẫn thống kê và phân tích trong kinh doanh*. Tài liệu tập huấn cho cán bộ thống kê và phân tích. Công ty du lịch Hương Giang.
- [5] Nguyễn Hải Sơn, 2005. *Quản trị tài chính*, NXB Thống kê.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

- [6] Brigham, E., Ehrhardt, M., 2013. *Financial Management: Theory & Practice*. 14th Ed. Mason, OH: South-Western.
- [7] Brealey, R., Meyers, S., Allen, F., 2013. *Principles of Corporate Finance*, 11th Ed., New York, NY: McGraw-Hill.
- [8] Harris, P., Mongiello, M., 2006. *Accounting and Financial Management: Developments in the international hospitality industry*. Oxford: Elsevier Butterworth-Heinemann.

- [9] Michael. M. C., 2004. *Hospitality Management Accounting*.
- [10] Jonathan, H., 2005. *Accounting and Financial Analysis in the Hospitality Industry*. Oxford: Elsevier Butterworth-Heinemann.
- [11] Shim, J., Siegel, J., 2008. *Financial Management*, 3rd Ed. Hauppauge, NY: Barron's
- [12] Các tài liệu từ các trang web và sách báo khác.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **QUẢN TRỊ DU LỊCH BỀN VỮNG**

2. Mã môn học: DLQB 510

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên nắm vững cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tế về du lịch bền vững, phát triển khu du lịch vững, phát triển kinh doanh du lịch các loại hình du lịch như văn hóa, sinh thái, ... theo hướng bền vững.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Trình bày các khái niệm du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững; các nguyên tắc, điều kiện và tài nguyên để phát triển du lịch bền vững gắn với lợi ích kinh tế - xã hội và cộng đồng địa phương, gắn với bảo vệ giá trị văn hoá bản địa truyền thống, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương, thiết kế các phương tiện phục vụ du lịch bền vững và cơ sở hạ tầng, ...

Nghiên cứu đề ra các quy chế, chính sách, phát triển hoạt động kinh doanh du lịch bền vững ở các đơn vị du lịch, hãng lữ hành (quản trị kinh doanh, sản phẩm và phân phối sản phẩm du lịch sinh thái, thoả mãn nhu cầu của khách du lịch sinh thái, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đóng góp cho sự bảo tồn và phát triển bền vững, Marketing và khuyến mãi, ...).

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	<p>CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ DU LỊCH BỀN VỮNG</p> <p>1.1. Tổng quan về phát triển bền vững</p> <p>1.2. Một số quan điểm về phát triển bền vững</p> <p>1.3. Phát triển du lịch bền vững</p> <p>1.4. Các điều kiện để phát triển du lịch bền vững</p> <p>1.5. Du lịch bền vững gắn với hoạch định phát triển</p> <p>Tóm tắt Chương 1, thảo luận và câu hỏi ôn tập</p>	5
2	<p>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH</p>	8

Chương	Nội dung	Số tiết
	2.1. Môi trường du lịch và bảo vệ môi trường du lịch 2.2. Các tác động của du lịch đến môi trường 2.3. Sự cố môi trường và hiểm họa trong hoạt động du lịch 2.4. Các giải pháp bảo vệ môi trường tài nguyên du lịch Tóm tắt Chương 2, thảo luận và câu hỏi ôn tập	
3	CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ TÀI NGUYÊN TRONG PHÁT TRIỂN BỀN DU LỊCH VỮNG 3.1. Tài nguyên du lịch trong phát triển du lịch bền vững 3.2. Các phương pháp đánh giá giá trị tài nguyên cho phát triển du lịch bền vững 3.3. Cơ sở để đánh giá sự phát triển du lịch bền vững đối với một khu hay một Tour du lịch. Tóm tắt Chương 3, thảo luận và câu hỏi ôn tập	8
4	PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG GẮN LIỀN VỚI DU LỊCH SINH THÁI 4.1. Du lịch sinh thái 4.2. Các nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững 4.3. Các khía cạnh phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững Tóm tắt Chương 4, thảo luận và câu hỏi ôn tập	8
5	PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG 5.1. Vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch bền vững 5.2. Nguyên tắc trong hoạch định, phát triển du lịch gắn với cộng đồng 5.3. Các mô hình phát triển du lịch gắn với lợi ích cộng đồng 5.4. Giám sát và quản lý du lịch vì lợi ích cộng đồng Tóm tắt Chương 5, thảo luận và câu hỏi ôn tập	9
6	QUY HOẠCH DL BỀN VỮNG 6.1. Vấn đề cơ bản về quy hoạch du lịch 6.2. Những đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch 6.3. Những bước cơ bản của quy hoạch và thiết kế du lịch theo hướng bền vững 6.4. Các nguyên tắc quy hoạch du lịch theo hướng bền vững. Tóm tắt Chương 6, thảo luận và câu hỏi ôn tập	7

8. Tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tiếng Việt

- [1] Nguyễn Văn Hóa, 2004. *Hoạch định và phát triển du lịch bền vững Tp HCM từ nay đến năm 2010*.
- [2] Nguyễn Quyết Thắng, 2013. *Tập bài giảng: Quản trị du lịch bền vững*. Trường ĐH Công Nghệ Tp HCM.
- [3] Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch, 2000. *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Hà Nội.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

- [4] Frangialli, F., Toepfer, F., 2005. *Making Tourism More Sustainable: A Guide for Policy Makers*. UNEP and WTO.
- [5] Lindberg, K., Hawkins, D.E., 1993. *Ecotourism: A Guide for Planners and Managers*. The Ecotourism Society.
- [6] Neto, F., 2003. *A New Approach to Sustainable Tourism Development: Moving Beyond Environmental Protection*. DESA Discussion Paper No. 29
- [7] Rainforest, A., 2003. *Guide for Sustainable Tourism Best Practices*. Sustainable Tourism Division.
- [8] Waver, D., 2006. *Sustainable Tourism. Theory and Practice*. Oxford: Butterworth- Heinemann.
- [9] Các tài liệu từ các trang web và sách báo khác.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c

 **HIỆU TRƯỞNG**
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NAM CẦN THƠ

TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **MARKETING ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH**

2. Mã môn học: DLMD 511

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Trang bị cho học viên cao học những kiến thức và hiểu biết cần thiết về marketing điểm đến du lịch, các yếu tố tác động đến hoạt động marketing điểm đến và những nội dung chính của marketing điểm đến du lịch.

- Về kỹ năng: Giúp học viên cao học phân biệt được những điểm giống và khác nhau giữa marketing điểm đến du lịch và marketing của doanh nghiệp du lịch, marketing sản phẩm du lịch làm cơ sở xây dựng và quản lý marketing cho điểm đến du lịch.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Môn học marketing điểm đến du lịch giới thiệu cho học viên cao học những khái niệm cơ bản về marketing, điểm đến du lịch và marketing điểm đến du lịch; xác định và phân tích các yếu tố vĩ mô và vi mô, yếu tố bên trong và bên ngoài, các cơ chế tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động marketing điểm đến du lịch của các chủ thể tham gia hoạt động marketing điểm đến du lịch; đề cập đến các nội dung chính của marketing của một điểm đến du lịch (bao gồm: Lựa chọn mục tiêu chiến lược; phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu; sử dụng marketing hỗn hợp cho hoạt động marketing điểm đến du lịch).

Sau khi học môn này, học viên cao học có thêm kiến thức và kỹ năng, kinh nghiệm quản trị marketing điểm đến du lịch, có thể kết hợp với kiến thức môn học chuyên môn để xây dựng được những đề cương nghiên cứu giải quyết một đề tài nghiên cứu liên quan đến marketing của một điểm đến nhất định nào đó hoặc làm luận văn tốt nghiệp cao học về marketing điểm đến du lịch.

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	KHÁI QUÁT VỀ MARKETING ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH 1.1. Marketing và marketing điểm đến du lịch	8

Chương	Nội dung	Số tiết
	1.2. Nhu cầu và thói quen tiêu dùng, hành vi của khách hàng về điểm đến du lịch <i>Tóm tắt nội dung, thảo luận và câu hỏi ôn tập chương 1</i>	
2	CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MARKETING ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH 2.1. Các yếu tố môi trường bên ngoài 2.2. Các yếu tố của môi trường bên trong 2.3. Phân tích SWOT của điểm đến du lịch (Phân tích thách thức, cơ hội, hạn chế, điểm mạnh của điểm đến du lịch) <i>Tóm tắt nội dung, thảo luận và câu hỏi ôn tập chương 2</i>	8
3	MARKETING ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH 3.1. Xu hướng thị trường du lịch tại điểm đến 3.2. Phân khúc thị trường: Các chiến lược marketing cơ bản 3.3. Marketing hỗn hợp 3.4. Hoạch định chiến lược chiêu thị điểm đến 3.5. Chiêu thị điểm đến du lịch cho khách du lịch 3.6. Hệ thống phân phối du lịch cho khách du lịch 3.7. Chiêu thị điểm đến dành cho doanh nghiệp du lịch <i>Tóm tắt nội dung, thảo luận và câu hỏi ôn tập chương 3</i>	8
4	XÂY DỰNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC MARKETING ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH 4.1. Khái niệm, mục tiêu và nội dung xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược marketing cho điểm đến du lịch 4.2. Phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị cho điểm đến du lịch 4.3. Kế hoạch hóa marketing điểm đến du lịch 4.4. Quản lý hoạt động marketing của điểm đến du lịch 4.5. Các chiến lược Marketing điểm đến du lịch <i>Tóm tắt nội dung, thảo luận và câu hỏi ôn tập chương 4</i>	8
5	QUẢN TRỊ THÔNG TIN ĐIỂM ĐẾN VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ĐIỆN TỬ 5.1. Thị trường và công nghệ 5.2. Doanh nghiệp điện tử 5.3. Marketing điện tử và quản trị quan hệ khách hàng 5.4. Những phương pháp mới tiếp cận thông tin điểm đến	8
	ÔN TẬP VÀ TỔNG KẾT MÔN HỌC	5

8. Tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tiếng Việt

- [1] Đoàn Liêng Diễm, 2014. *Tập bài giảng Marketing đi kèm đến du lịch*. Trường Đại học Công Nghệ Tp.HCM.
- [2] Nguyễn Văn Lưu, 2009. *Thị trường du lịch*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
- [3] Trần Ngọc Nam và Trần Huy Khang, 2001. *Marketing du lịch*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2004. *Cẩm nang marketing và xúc tiến du lịch bền vững ở Việt Nam*, Hà Nội.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

- [5] Cathy, H. C., Powers, T., 2002. *Marketing Hospitality*. (3rd ed.). Hoboken, New Jersey: John Wiley & Sons, Inc.
- [6] Robert D.R., David, C.B., 2006. *Hospitality marketing management*. 4th Ed. Hoboken, New Jersey. John Wiley & Sons, Inc.
- [7] Morrison, M., 1998. *Marketing lĩnh vực lữ hành và khách sạn*. (Tập 1, 2). Hà nội: Sách dịch do Tổng cục Du lịch phát hành.
- [8] Philip, K., John. B., James, M., 2003. *Marketing for Hospitality and Tourism*, 3th Ed. Prentice Hall.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c





TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022
P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **KINH TẾ LƯỢNG NÂNG CAO**

2. Mã môn học: DLKL 512

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

- Cung cấp phương pháp phân tích định lượng các mối quan hệ trong kinh tế bằng mô hình qui tuyến tính, phi tuyến và hồi qui có biến giả, đánh giá độ tin cậy thang đo và phân tích nhân tố khám phá dựa trên cơ sở dữ liệu thu thập từ thực tế nhằm hỗ trợ ra quyết định và dự báo kinh tế trong môi trường kinh doanh.

- Cung cấp các phương pháp kiểm định để lựa chọn mô hình phù hợp với các biến kinh tế đang khảo sát.

- Người học biết cách lập các mô hình hồi qui tuyến tính và phi tuyến. (2) Diễn giải ý nghĩa của các hệ số hồi quy. (3) Ước lượng, kiểm định các mô hình hồi quy

- Có khả năng kiểm định và đánh giá được sự tác động của các biến kinh tế

- Có khả năng phân tích và dự báo được các hiện tượng kinh tế đơn giản

6. Mô tả tóm tắt môn học

Các nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: xây dựng và ước lượng mô hình hồi qui hai biến; hồi qui bội; hồi qui với biến giả, và các vấn đề về hiệu chỉnh mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi; tự tương quan; chọn mô hình và kiểm định việc định dạng mô hình. Bên cạnh đó, học phần trang bị các kiến thức về phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) đối với các biến là biến khái niệm, được đo lường bằng thang đo nhiều chỉ báo.

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	Giới thiệu môn học	6
	Nghiên cứu định lượng là gì?	
	Mục tiêu của nghiên cứu định lượng?	
	Lịch sử các phương pháp định lượng	

Chương	Nội dung	Số tiết
2	Hồi quy tuyến tính	6
	Bản chất của hồi quy	
	Mô hình hồi quy tuyến tính đơn biến và đa biến	
	Mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính	
	Mức độ giải thích của mô hình hồi quy tuyến tính	
	Hiện tượng vi phạm các giả định của mô hình hồi quy tuyến tính	
	Mức ý nghĩa của hệ số hồi quy	
	Ý nghĩa kinh tế của hệ số hồi quy	
3	Hồi quy nhị phân	6
	Hàm hồi quy nhị phân	
	Mức độ phù hợp của mô hình hồi quy nhị phân	
	Mức độ giải thích của mô hình hồi quy nhị phân	
	Khả năng dự báo đúng của mô hình hồi quy nhị phân	
	Mức ý nghĩa của hệ số hồi quy	
	Ý nghĩa kinh tế của hệ số hồi quy nhị phân	
4	Đánh giá độ tin cậy của thang đo	6
	Thang đo nhiều chỉ báo	
	Hệ số Cronbach's Alpha	
5	Phân tích nhân tố khám phá	6
	Sử dụng phân tích nhân tố khám phá để làm gì	
	Hệ số KMO và Kiểm định Barlett	
	Các phương pháp rút trích, giá trị Eigen và Các phép xoay nhân tố	
	Tổng phương sai giải thích	
	Ma trận nhân tố và hệ số tải nhân tố	
	Ma trận trọng số nhân tố	

Thực hành

	Nội dung	Số tiết
Bài 1.	Hồi quy tuyến tính đơn biến	3
Bài 2.	Hồi quy tuyến tính đa biến	3
Bài 3.	Hồi quy nhị phân	2
Bài 4.	Đánh giá độ tin cậy thang đo	2
Bài 5.	Phân tích nhân tố khám phá	2
Bài 6.	Bài tập thực hành tổng hợp	3

8 Tài liệu học tập:

- [1] Giáo trình kinh tế lượng , Hoàng Ngọc Nhậm (CB), Đại học Kinh tế, NXB Hà Nội, 2007
- [2] Câu hỏi và Bài tập môn học kinh tế lượng , Phạm Thị Thắng, NXB Tài chính, Hà Nội, 2007
- [3] Bài giảng kinh tế lượng, Nguyễn Quang Dũng, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2008
- [4] Kinh tế lượng trong ứng dụng tài chính ngân hàng (Lý thuyết, bài tập và bài giải), Phạm Trí Cao, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2009
- [5] Bài tập kinh tế lượng, Nguyễn Thị Ngọc Thanh (CB), Đại học Kinh tế, NXB Hà Nội, 2007

10. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



 HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 NAM CẦN THƠ
 TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022
P. TRƯỞNG KHOA


 ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **QUẢN TRỊ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH**
2. Mã môn học: DLQĐ 513
3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)
4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
5. Mục tiêu môn học

Trang bị cho người học những kiến thức căn bản nhất về quản trị điểm đến du lịch, làm cơ sở cho việc nghiên cứu vận dụng trong thực tế thu hút khách du lịch đến địa phương, tạo ra nhiều sản phẩm cho điểm đến góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh giữa các địa phương với nhau đồng thời góp phần nâng cao hoạt động du lịch Việt Nam.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Quản trị điểm đến du lịch ngày càng có vị trí quan trọng trong các chương trình đào tạo quản trị du lịch đặc biệt trong bối cảnh các điểm du lịch luôn phải phải cạnh tranh với nhau để thu hút khách du lịch đến thăm quan. Các chiến lược xây dựng sản phẩm điểm đến hấp dẫn không chỉ cung cấp những trải nghiệm tuyệt vời cho du khách cũng như khả năng quản lý và kiểm soát những tác động của hoạt động kinh doanh du lịch đến các cộng đồng địa phương và môi trường xung quanh. Môn học cung cấp thêm các kiến thức về định vị thương hiệu, phát triển sản phẩm điểm đến để người học xây dựng các chiến lược cho điểm đến nhằm thu hút khách đến, tạo ra sự cạnh tranh và phát triển sản phẩm du lịch của địa phương.

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	<p>TỔNG QUAN QUẢN TRỊ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH</p> <p>1.1. Khái niệm về điểm đến du lịch</p> <p>1.2. Khái niệm về quản trị điểm đến du lịch</p> <p>1.3. Tầm quan trọng của quản trị điểm đến du lịch</p> <p>1.4. Quản trị điểm đến du lịch: Những điểm tương đồng và khác biệt so với các lĩnh vực khác</p> <p>1.5. Chương trình khung cho chiến lược phát triển điểm đến du lịch</p>	6

Chương	Nội dung	Số tiết
	Tóm tắt Chương 1, thảo luận và câu hỏi ôn tập	
2	<p>ĐỊNH VỊ VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH</p> <p>2.1. Định vị năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch</p> <p>2.2. Xây dựng thương hiệu điểm đến du lịch</p> <p>Tóm tắt Chương 2, thảo luận và câu hỏi ôn tập</p>	4
3	<p>PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH TẠI ĐIỂM ĐẾN</p> <p>3.1. Chiến lược sản phẩm</p> <p>3.2. Quản trị chu kỳ sống sản phẩm tại điểm đến</p> <p>3.3. Phát triển danh mục sản phẩm và sản phẩm mới</p> <p>3.4. Thúc đẩy phát triển du lịch tại các công ty lữ hành vừa và nhỏ</p> <p>3.5. Quản trị sự kiện tại các điểm đến du lịch</p> <p>3.6. Quản trị các tài nguyên du lịch các di sản văn hoá bản địa</p> <p>Tóm tắt Chương 3, thảo luận và câu hỏi ôn tập</p>	7
4	<p>ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRẢI NGHIỆM CỦA DU KHÁCH TẠI ĐIỂM ĐẾN</p> <p>4.1. Đảm bảo chất lượng tại điểm đến và các trải nghiệm</p> <p>4.2. Xây dựng và phát triển đội ngũ lao động</p> <p>4.3. Làm việc với cộng đồng địa phương</p> <p>4.4. Tiếp cận điểm đến</p> <p>4.5. Vai trò của trung tâm thông tin du lịch cho khách du lịch</p> <p>Tóm tắt Chương 4, thảo luận và câu hỏi ôn tập</p>	6
5	<p>CÔNG TÁC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ ĐIỂM ĐẾN</p> <p>5.1. Vai trò và trách nhiệm quản trị điểm đến và marketing điểm đến</p> <p>5.2. Mối liên kết dọc và liên kết ngang: Vai trò điều phối của quản trị điểm đến khu vực</p>	7

Chương	Nội dung	Số tiết
	5.3. Quản trị doanh nghiệp nhà nước 5.4. Xây dựng chiến lược và kế hoạch quản trị điểm đến 5.5. Các tiêu chuẩn quản trị điểm đến 5.6. Theo dõi và đánh giá Tóm tắt Chương 5, thảo luận và câu hỏi ôn tập	
*	PHẦN THỰC HÀNH	
6	XÂY DỰNG ĐỀ ÁN QUẢN TRỊ ĐIỂM ĐẾN <i>Học viên xây dựng một đề án quản trị điểm đến (là một địa phương, vùng du lịch tại Việt Nam)</i>	30

8. Tài liệu tham khảo

- [1] World Tourism Organization, World Travel and Tourism Council and Earth Council, 1996. Agenda 21 for the Travel and Tourism Industry, (Online), available: http://www.destinationmarketing.org/web_images/DMAIspecialreport2006.pdf (11-04-07).
- [2] Bornhorst, T., Ritchie, B. J.R., Sheehan, L., 2010. Determinants of tourism success for DMOs & destinations: An empirical examination of stakeholders' perspectives. *Tourism Management*, 5: 572-589.
- [3] Buhalis, D., 2000. Marketing the competitive destination of the future. *Tourism Management*, 1: 97-116.
- [4] Enright, M. J., Newton, J., 2004. Tourism destination competitiveness: a quantitative approach. *Tourism Management*, 6: 777-788.
- [5] Heath, E. T., Hall, G., 1992. *Marketing Tourism Destinations*. John Wiley and Sons, USA.
- [6] Howie, F., 2003. *Managing the tourist destination*. Cengage Learning EMEA Tourism. Oxford.
- [7] Kozak, M., Baloglu, S., 2011. *Managing and Marketing Tourist Destinations: Strategies to Gain a Competitive Edge*. 1th Ed. New York: ISBN 0-203-84230-8.
- [8] Morgan, N. et al., 2002. *Destination Branding: Creating the Unique Destination Proposition*. Oxford: Butterworth- Heineman.
- [9] World Tourism Organization, 2007. *A Practical Guide to Tourism Destination Management*. Madrid: ISBN: 978-92-844-1243-3.
- [10] World Tourism Organization and European Travel Commission, 2007. *Handbook on Tourism Market Segmentation: Maximising Market Effectiveness*. UNWTO, Madrid.

10. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiêu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Du Hạ Long

Trường đại học Nam Cần Thơ

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **THỐNG KÊ PHÂN TÍCH VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU**

2. Mã môn học: DLTK 514

3. Số tín chỉ: 2 (1,5 LT, 0,5 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

Mục tiêu của môn học nhằm trang bị cho người học kiến thức lý thuyết cơ bản về việc lập các mô hình hồi quy, mô hình dự báo và mô hình ra quyết định, đồng thời giúp người học có thể sử dụng các phần mềm thống kê và ra quyết định chuyên dùng để giải quyết các vấn đề thực tiễn nhằm áp dụng trong lĩnh vực du lịch.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Đây là môn học ứng dụng thực tế trong đó các học viên trước tiên sẽ học lý thuyết sau đó sẽ sử dụng các phần mềm chuyên dùng để phân tích những vấn đề khác nhau trong lĩnh vực lập mô hình hồi quy, mô hình dự báo và mô hình ra quyết định trong quản lý nhằm áp dụng trong lĩnh vực du lịch.

Phần chính của môn học sẽ được tập trung vào kỹ thuật hồi quy và dự báo cũng như các kỹ thuật hỗ trợ ra quyết định. Phân tích hồi quy dữ liệu chéo và dự báo các chuỗi thời gian là những kỹ thuật rất hữu dụng để phân tích các thông tin và dữ liệu thực nghiệm. Ngoài ra nội dung của môn học cũng giới thiệu các công cụ hỗ trợ ra quyết định trong quản lý.

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	Nhắc lại một số nội dung cơ bản của xác suất và thống kê 1.1. Xác suất 1.2. Các tham số thống kê 1.3. Biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất 1.4. Lấy mẫu và phân phối mẫu 1.5. Các ứng dụng thực hành trên Excel	5
2	Ước lượng các tham số thống kê 2.1. Ước lượng điểm	7

Chương	Nội dung	Số tiết
	2.2. Ước lượng khoảng 2.3. Các ứng dụng thực hành trên Excel và Eview	
3	Kiểm định giả thuyết thống kê 3.1. Những khái niệm về việc kiểm định giả thuyết thống kê 3.2. Các bước kiểm định giả thuyết thống kê 3.3. Kiểm định giả thuyết về các tham số thống kê 3.4. Kiểm định giả thuyết về qui luật phân phối xác suất 3.5. Kiểm định giả thuyết về tính độc lập của hai thuộc tính 3.6. Các ứng dụng thực hành trên Excel và Eview	7
4	Phân tích tương quan và hồi qui 4.1. Các khái niệm chung 4.2. Phân tích tương quan 4.3. Phân tích hồi qui 4.4. Các ứng dụng thực hành trên Excel và Eview	6
5	Phân tích hồi qui đơn biến 5.1. Lập mô hình 5.2. Các giả thiết về mô hình 5.3. Thực hiện hồi qui 5.4. Giải thích và Kiểm định mô hình 5.5. Các ứng dụng thực hành trên Excel và Eview	5
6	Phân tích hồi qui đa biến 6.1. Lập mô hình 6.2. Các giả thiết về mô hình 6.3. Thực hiện hồi qui 6.4. Giải thích và Kiểm định mô hình 6.5. Biến định tính 6.6. Các ứng dụng thực hành trên Excel và Eview	6
7	Các vấn đề trong phân tích hồi qui đa biến 7.1. Đa cộng tuyến 7.2. Dạng hàm số 7.3. Phương sai thay đổi 7.4. Tương quan chuỗi 7.5. Các ứng dụng thực hành trên Excel và Eview	5
8	Giới thiệu chung về dự báo theo chuỗi thời gian	5

Chương	Nội dung	Số tiết
	8.1. Khái niệm chung 8.2. Các bước của quá trình dự báo 8.3. Lựa chọn phương pháp dự báo <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phương pháp giản đơn ▪ Phương pháp trung bình trượt ▪ Phương pháp làm trơn hàm mũ ▪ Phương pháp ARIMA 8.4. Các ứng dụng thực hành trên Excel và Eview	
9	Cơ sở của lý thuyết ra quyết định 9.1. Khái niệm chung 9.2. Các bước trong lý thuyết ra quyết định 9.3. Các môi trường ra quyết định 9.4. Các mô hình ra quyết định 9.5. Phân tích cận biên (Marginal Analysis) 9.6. Các ứng dụng thực hành trên ABQM	5
10	Cây quyết định & lý thuyết độ vị lợi 10.1. Khái niệm chung 10.2. Cây quyết định 10.3. Xác định xác suất trong cây quyết định bằng công thức Bayes 10.4. Lý thuyết về độ vị lợi 10.5. Các ứng dụng thực hành trên ABQM	5
11	Qui hoạch tuyến tính 11.1. Giới thiệu về bài toán qui hoạch tuyến tính 11.2. Phương pháp đồ thị 11.3. Các ứng dụng thực hành trên ABQM	4

8. Tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tiếng Việt

[1] Cao Hào Thi, 2014. *Tập bài giảng Thống kê ứng dụng trong kinh doanh*. Khoa Quản Lý Công Nghiệp. Trường Đại học Công Nghệ Tp HCM.

[2] Nguyễn Thông và Cao Hào Thi, 1998. *Phương Pháp Định Lượng Trong Quản Lý*. Nhà xuất bản thống kê.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

[3] Collin, J.W., Patrick, B., James, C.D., David, V.H., 1998. *Brief Business Statistics*. Allyn and Bacon, Inc.

[4] Barry, R., Ralph, M.S., 1997. *Quantitative Analysis for Management*. Prentice Hall.

[5] David, R. A., Dennis, J. S., Thomas, A. W., 2005. *Statistics for Business and Economics*. 9th Ed. South-Western: Thomson.

[6] Ramu, R., 2001. *Kinh tế lượng nhập môn và áp dụng*. 5th Ed. Harcourt College Publisher. (Bản Dịch, Cao Hào Thi và Cộng Sự.)

[7] Các tài liệu từ các trang web và sách báo khác.

9. Phương pháp đánh giá môn học

T	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 NAM CẦN THƠ

TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA


ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **VĂN HÓA ĐA QUỐC GIA**

2. Mã môn học: DLVH 515

3. Số tín chỉ: 2 (1,5 LT, 0,5 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

- Trình bày và giải thích được kiến thức đại cương về lịch sử, văn hóa các khu vực trên thế giới như văn hóa Đông Nam Á, văn hóa Đông Bắc Á, văn hóa Nam Á, văn hóa Trung Đông

- Ả Rập, văn hóa Âu-Mỹ, có khả năng vận dụng tri thức và phương pháp liên ngành trong tiếp cận và nghiên cứu lĩnh vực quản trị khách sạn, nhà hàng.

- Trình bày và vận dụng những kiến thức cơ sở ngành như lịch sử văn hóa Việt Nam, lịch sử văn hóa thế giới.

- Trình bày và vận dụng sáng tạo những kiến thức về văn hóa Việt Nam, văn hóa thế giới trong tiếp cận và nghiên cứu lĩnh vực quản trị khách sạn, nhà hàng.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Giới thiệu có hệ thống tiến trình lịch sử văn hoá, triết học, tính cách văn hoá, đặc điểm văn hoá giáo tiếp và thành tựu cơ bản của các nền văn hóa phương Đông tiêu biểu như các nước ASEAN (Đông Nam Á), Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc (Đông Bắc Á), Ấn Độ và các nước Nam Á, khối Ả-rập – Trung Đông và khối Âu-Mỹ. Với khối kiến thức này, sinh viên có thể tự so sánh với trường hợp văn hoá Việt Nam với thế giới, rút ra được những đặc trưng, quy luật tiêu biểu, đồng thời đi sâu nghiên cứu các lĩnh vực của từng nền văn hoá cụ thể.

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	<p>KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VĂN HÓA ĐA QUỐC GIA</p> <p>1.1. Các khái niệm liên quan</p> <p>1.1.1. Văn hoá và các đặc trưng cơ bản</p> <p>1.1.2. Văn hoá và văn minh</p>	6

Chương	Nội dung	Số tiết
	1.1.3. Khái niệm đa quốc gia 1.2. Phương Đông và phương Tây 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. So sánh các đặc trưng cơ bản của văn minh phương Đông và phương Tây 1.3. Khái quát các nền văn minh thế giới cổ đại 1.3.1. Ai Cập, Lưỡng Hà 1.3.2. Các nền văn Hồi giáo: Ả-rập, Ba Tư 1.3.3. Các nền văn minh vùng Viễn Đông: Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản 1.3.4. Văn minh Hy Lạp-La Mã	
2	VĂN HOÁ ĐÔNG NAM Á 2.1. Định vị văn hoá Đông Nam Á 2.2. Đặc điểm cơ bản văn hoá Đông Nam Á 2.3. Các nền văn hoá tiêu biểu 2.3.1. Thái Lan 2.3.2. Malaysia 2.3.3. Singapore 2.3.4. Indonesia	8
3	VĂN HOÁ ĐÔNG BẮC Á 3.1. Định vị văn hoá Đông Bắc Á 3.2. Văn hoá Trung Hoa 3.3. Văn hoá Hàn Quốc 3.4. Văn hoá Nhật Bản	6
4	VĂN HOÁ NAM Á 4.1. Định vị văn hoá Nam Á 4.2. Đặc điểm cơ bản văn hoá Nam Á 4.3. Các nền văn hoá tiêu biểu 4.3.1. Ấn Độ 4.3.2. Pakistan và Bangladesh 4.3.3. Srilanka	6
5	VĂN HOÁ TRUNG ĐÔNG – Ả RẬP 5.1. Định vị văn hoá 5.2. Đặc điểm cơ bản văn hoá Trung Đông .	5

Chương	Nội dung	Số tiết
	5.3. Đặc điểm cơ bản văn hoá Ả Rập	
6	VĂN HOÁ ÂU – MỸ 6.1. Định vị văn hoá Âu-Mỹ 6.2. Đặc điểm cơ bản văn hoá châu Âu 6.3. Đặc điểm cơ bản văn hoá Bắc Mỹ	6
7	TỪ VĂN HÓA VIỆT NAM NHÌN RA VĂN HÓA THẾ GIỚI 7.1. Nhận thức – triết học 7.2. Tư tưởng – tôn giáo 7.3. Văn hóa giao tiếp 7.4. Hệ thống tính cách văn hóa	6
*	ÔN TẬP	2

8. Tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tiếng Việt

- [1] Baaren, Th.V., 2004. *Hồi giáo*. Dịch từ tiếng Anh. Người dịch Trịnh Huy Hoá. NXB Trẻ.
- [2] Nguyễn Tấn Đắc, 2000. *Văn hoá Ấn Độ*. NXB TP HCM.
- [3] Đàm Gia Kiện, 1993. *Lịch sử văn hoá Trung Quốc*. NXB Khoa học Xã hội.
- [4] Vũ Dương Ninh, 2006. *Lịch sử văn minh thế giới*. NXB Giáo dục.
- [5] Mai Hà Phương, 2014. *Tập bài giảng Văn hóa đa quốc gia*. Trường Đại học Công Nghệ Tp HCM.
- [6] Mark Kishlansky. *Văn minh phương Tây*. Dịch từ tiếng Anh. Người dịch Lê Thanh. NXB Văn hóa Thông tin.
- [7] Đặng Hữu Toán và cộng sự, 2005. *Các nền văn hoá Thế giới*. NXB Từ điển Bách Khoa.
- [8] Lương Duy Thứ. *Đại cương văn hoá phương Đông*. NXB ĐHQG Tp HCM.
- [9] Sansom George, 1990. *Lược sử văn hoá Nhật Bản*. NXB KHXH.
- [10] Will, D., 1990. *Lịch sử văn hoá Trung Quốc*. Dịch từ tiếng Anh. Người dịch Nguyễn Hiến Lê. NXB Tp HCM.
- [11] Will, D., 1992. *Lịch sử văn minh Ấn Độ*. Dịch từ tiếng Anh. Người dịch Nguyễn Hiến Lê. NXB ĐH Sư Phạm.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

[12] Edward, M.B., 1999. *Western civilization and their history*. W.W. Norton& Company, Inc.

[13] Phillip, E.B. *Adventures in the human spirit*. 6th Ed. Prentice Hall.

[14] Các tài liệu từ các trang web và sách báo khác.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ DU LỊCH**

2. Mã môn học: DLTC 516

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

Môn học nhằm trang bị cho học viên kiến thức tổng quan về toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế trong du lịch, các cam kết về hội nhập và quá trình thực hiện. Đồng thời giúp học viên đánh giá được các cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế tại đơn vị mình

6. Mô tả tóm tắt môn học

Môn học gồm ba chương cung cấp khái quát các kiến thức tổng quan cho người học, giúp người học có cái nhìn tổng quan về hội nhập quốc tế, tìm hiểu các cam kết khi gia nhập các tổ chức kinh tế trên thế giới. Đồng thời, tìm ra các cơ hội và thách thức cho du lịch trong quá trình hội nhập

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	<p>NHẬN THỨC VỀ TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA CỦA DU LỊCH VIỆT NAM</p> <p>1.1. Khái niệm, hình thức, mức độ của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>1.2. Những tác động cơ bản của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>1.3. Mục tiêu, quan điểm phương châm và quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam</p> <p>1.4. Những thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</p>	8
2	<p>CAM KẾT VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA DU LỊCH VIỆT NAM</p> <p>2.1. Cam kết trong Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)</p>	8

Chương	Nội dung	Số tiết
	2.2. Cam kết về FTA 2.3. Tình hình thực hiện các cam kết	
3	XU HƯỚNG TOÀN CẦU HOÁ, KHU VỰC HOÁ KINH TẾ TRONG DU LỊCH 3.1. Xu hướng toàn cầu hoá trong du lịch 3.2. Hệ quả của toàn cầu hoá trong du lịch 3.3. Xu hướng khu vực hoá kinh tế trong du lịch 3.4. Hệ quả của khu vực hoá kinh tế trong du lịch	10
4	TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HOÁ, KHU VỰC HOÁ ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN 4.1. Tác động tích cực của toàn cầu hoá, khu vực hoá trong du lịch đối với các nước đang phát triển 4.2. Tác động tiêu cực của toàn cầu hoá, khu vực hoá trong du lịch đối với các nước đang phát triển 4.3. Đối sách của các nước đang phát triển đối với toàn cầu hoá, khu vực hoá trong du lịch	10
5	NHỮNG CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ ĐẶT RA CHO DU LỊCH VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỚI DU LỊCH THẾ GIỚI VÀ ASEAN 5.1. Những cơ hội 5.2. Những thách thức 5.3. Những giải pháp của ngành Du lịch cần tiến hành sau khi đất nước gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới	7
*	ÔN TẬP	2

8. Tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tiếng Việt

- [1] Hoàng Thị Chinh và cộng sự, 1998. *Giáo trình Kinh tế Quốc tế*. NXB Giáo dục,
[2] Dương Phú Hiệp và cộng sự, 2001. *Toàn cầu hóa kinh tế*. NXB Khoa học Xã hội.

- [3] Nguyễn Văn Lưu, 2013. *Xuất khẩu tại chỗ thông qua du lịch*. NXB Văn hoá Thông tin
- [4] Nguyễn Văn Lưu, 2012. *Du lịch Việt Nam hội nhập với các nước ASEAN*. NXB Văn hoá Thông tin.
- [5] Nguyễn Văn Lưu, 2010. *Hợp tác hành lang Đông Tây*. Bộ Ngoại Giao.
- [6] Nguyễn Văn Lưu, 2010. *Du lịch ngành kinh tế xuất khẩu vô hình và tại chỗ*. NXB ĐH Quốc Gia.
- [7] Lưu Thanh Tâm, 2014. *Tập bài giảng Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế về du lịch*. Trường Đại Học Công Nghệ Tp HCM.
- [8] Paul, R.K., Maurice, O., 1996. *Kinh tế học quốc tế – Lý thuyết và chính sách*. Tập I: Bản dịch Những vấn đề về thương mại quốc tế. NXB Chính trị quốc gia.
- [9] Thomas, L. F., 2005. *Chiếc Lexus và cây ô liu*. Dịch từ tiếng Anh. Người dịch Lê Minh. NXB Khoa học xã hội.
- [10] John, H.J., 2001. *Hệ thống thương mại thế giới – Luật và chính sách về các quan hệ kinh tế quốc tế*. Dịch từ tiếng Anh. Người dịch Phạm Viêm Phương và Huỳnh Văn Thanh. NXB Thanh Niên.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

- [11] Bernard, H. et al., 2002. *Development Trade and the WTO*. The World Bank.
- [12] James, R.M. et al., 1995. *International Trade – Theory and Evidence*. Mc Graw-Hill International Editions.
- [13] Dominick, S., 1990. *International Economics*. 3rd Ed. Macmillan Publishing Company.
- [14] Các tài liệu sách báo và các trang web khác

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c


HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 NAM CẦN THƠ

TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022
P. TRƯỞNG KHOA


ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **QUẢN TRỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ DU LỊCH**

2. Mã môn học: DLQD 517

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có kiến thức về dự án đầu tư; các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của dự án; nội dung kinh tế kỹ thuật của một dự án đầu tư, hồ sơ; trình tự lập và trình một dự án đầu tư; cơ sở pháp lý, phương pháp và kỹ thuật thẩm định dự án đầu tư. Hướng dẫn sinh viên sử dụng phần mềm MS Excel trong việc lập và thẩm định tài chính dự án đầu tư, hướng dẫn xây dựng phương án tài chính dự án đầu tư

6. Mô tả tóm tắt môn học

Trình bày cơ sở lý luận về dự án đầu tư, chọn thời điểm đầu tư, phương pháp xác định các chỉ tiêu tính toán và đánh giá hiệu quả tài chính của dự án đầu tư. Trình tự lập và thẩm định dự án đầu tư gồm nội dung kinh tế kỹ thuật tổng quát, nội dung kinh tế kỹ thuật của nghiên cứu tiền khả thi, nội dung kinh tế kỹ thuật của nghiên cứu khả thi ; hồ sơ dự án đầu tư; Sử dụng phần mềm MS Excel trong việc lập và thẩm định tài chính dự án đầu tư, hướng dẫn xây dựng phương án tài chính dự án đầu tư...

7. Nội dung

Chương	Nội dung	Số tiết
1	CƠ SỞ PHƯƠNG PHÁP LUẬN 1.1. Khái niệm đầu tư và dự án đầu tư du lịch 1.2. Phân loại đầu tư: 1.3. Phân loại dự án đầu tư trong du lịch 1.4. Dòng ngân lưu 1.5. Giá trị theo thời gian của tiền tệ Tóm tắt Chương 1 và câu hỏi ôn tập	6
2	THIẾT LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ DU LỊCH	5

Chương	Nội dung	Số tiết
	2.1. Vai trò của dự án đầu tư trong du lịch 2.2. Các bước hình thành và triển khai dự án đầu tư du lịch 2.3. Bố cục của một dự án đầu tư khả thi du lịch 2.4. Nghiên cứu một số nội dung chủ yếu của dự án khả thi 2.5. Ứng dụng ma trận dự án (Logical Framework Approach – LFA) trong phân tích và thẩm định dự án đầu tư Tóm tắt Chương 2 và câu hỏi ôn tập	
3	PHÂN TÍCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ 3.1. Lãi suất tính toán 3.2. Các phương pháp tính khấu hao 3.3. Các chỉ tiêu cơ bản dùng phân tích tài chính các dự án 3.4. Phân tích đầu tư theo các quan điểm khác nhau 3.5. Phân tích điểm hòa vốn (Break Even Point – BEP) Tóm tắt Chương 3 và câu hỏi ôn tập	6
4	THẨM ĐỊNH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ DU LỊCH 4.1. Vai trò của việc thẩm định các dự án đầu tư du lịch 4.2. Tổ chức thẩm định dự án đầu tư du lịch 4.3. Nội dung thẩm định các dự án đầu tư du lịch Tóm tắt Chương 4 và câu hỏi ôn tập	7
5	QUẢN TRỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ DU LỊCH 5.1. Lịch sử quản trị dự án 5.2. Quản trị thời gian thực hiện 5.3. Quản trị rủi ro thời gian thực hiện dự án đầu tư du lịch 5.4. Quản trị chi phí dự án đầu tư du lịch 5.5. Quản trị nguồn nhân lực dự án đầu tư du lịch 5.6. Tổ chức thực hiện quản lý dự án đầu tư du lịch Tóm tắt Chương 5 và câu hỏi ôn tập	6
*	PHẦN THỰC HÀNH	
6	THỰC HÀNH LẬP VÀ THẨM ĐỊNH MỘT DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG DU LỊCH 6.1. Thực hành lập dự án đầu tư du lịch 6.2. Thực hành thẩm định dự án đầu tư du lịch	30

8. Tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu tiếng Việt

- [1] Nguyễn Tấn Bình. *Phân tích hoạt động doanh nghiệp*. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh.
- [2] Bộ Tài Chính, 2003. *Chế độ tài chính về quản lý đầu tư và xây dựng*. Hà Nội.
- [3] Đinh Thế Hiền, 2002. *Excel ứng dụng trong quản trị tài chính*. NXB Thống kê.
- [4] Hà Thị Ngọc Oanh, 2006. *Đầu tư quốc tế và chuyên gia công nghệ ở Việt Nam*. NXB Lao động – Xã hội.
- [5] Nguyễn Xuân Thùy, 2005. *Quản trị dự án đầu tư*. NXB Thống kê.
- [6] Viện nghiên cứu Tin học và Kinh tế ứng dụng, 2006. *Lập, thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư*. NXB Thống kê.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

- [7] Jonathan, H., 2005. *Accounting and Financial Analysis in the Hospitality Industry*. Oxford: Elsevier Butterworth - Heinemann.
- [8] Medlik, S., Ingram, H., 2000. *The Business of Hotels*. 4th Ed. Oxford: Butterworth-Heinemann.
- [9] Nebel, Eddystone C., 1991. *Managing Hotels Effectively : Lessons from outstanding general managers*. New York: Wiley & son, inc.
- [10] Robert, M., 2010. *Hospitality investments and developments*. CBRE Hotels, Asia Pacific.
- [11] Các tài liệu từ các trang web và sách báo khác.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c

 **HIỆU TRƯỞNG**
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NAM CẦN THƠ
Quang

TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA


ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **MARKETING TRỰC TUYẾN TRONG DU LỊCH**

2. Mã môn học: DLMT 518

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

- Tự xây dựng được một kế hoạch E- Marketing hiệu quả
- Nắm bắt các công cụ E- Marketing trong du lịch
- Có thể tổ chức triển khai một chiến dịch E- Marketing

6. Mô tả tóm tắt môn học

E-Marketing là một trong những hình thức tiếp thị hiện đại, hiệu quả, chi phí thấp. Trên cơ sở hành vi của người tiêu dùng trực tuyến, các công cụ của E marketing cũng khác biệt với các công cụ truyền thống. Môn học giúp người học có thể khai thác tối đa cơ hội kinh doanh trên Internet thông qua hình thức tiếp thị mới mẻ này.

7. Nội dung

STT	Nội dung	Số tiết
1	Chương 1. TỔNG QUAN VỀ E-MARKETING Marketing và Internet Mô hình E- Marketing Đặc điểm của E-Marketing Hành vi người dùng trực tuyến Các nguyên lý E Marketing Xu hướng của E Marketing	15
2	Chương 2. CÁC CÔNG CỤ E-MARKETING Website, blog, microsite, e-store.... Marketing trên công cụ tìm kiếm (Search Engine Marketing) Marketing bằng truyền thông xã hội (Social Media Marketing),	15

STT	Nội dung	Số tiết
	Online PR, Viral Marketing Quảng cáo hiển thị trực tuyến (Display Ads) Email Marketing và Mobile marketing Quản trị hệ thống thông tin Marketing CRM – Quản lý quan hệ khách hàng, marketing tự động Ứng dụng E marketing trong thương mại điện tử	
3	Chương 3. PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI VÀ KẾ HOẠCH E-MARKETING Chiến lược E- Marketing Lập kế hoạch E- Marketing Triển khai chiến dịch E- Marketing Đánh giá hiệu quả chiến dịch E- Marketing	15

8. Tài liệu tham khảo

- [1] Philip Kotler, 2000, *Những nguyên lý tiếp thị*. Nhà xuất bản thống kê.
- [2] Philip Kotler, 1997, *Quản trị marketing*. Nhà xuất bản thống kê
- [3] Philip Kotler, 2006, *Mười sai lầm chết người của tiếp thị*, Nhà xuất bản trẻ.
- [4] Philip Kotler, 2007, *Kotler bàn về tiếp thị*, Nhà xuất bản trẻ.
- [5] E-Marketing (6th Edition) by Judy Strauss and Raymond Frost (Jul 4, 2011)
- [6] E-marketing –excellence (Third edition-2008); Dava Chaffey and PR Smith.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c


 HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 NAM CẦN THƠ
 TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022
P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **QUẢN TRỊ THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG**

2. Mã môn học: DLQU 519

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

- Mục tiêu chung: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tác nghiệp tại bộ phận thực phẩm và đồ uống trong khách sạn, nhà hàng.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về quản trị tác nghiệp tại bộ phận thực phẩm và đồ uống trong khách sạn, nhà hàng như: quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ; quản trị mua và dự trữ nguyên liệu và hàng hóa; quản trị hoạt động chế biến món ăn và pha chế đồ uống nhằm giúp cho sinh viên phát triển kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tác nghiệp tại bộ phận thực phẩm và đồ uống của một khách sạn, nhà hàng.

+ Học phần tham gia tạo các kỹ năng chuyên môn, bao gồm: kỹ năng hoạch định, tổ chức hoạt động chế biến món ăn, pha chế đồ uống; kỹ năng làm việc nhóm và làm báo cáo, trình diễn vấn đề trong tổ chức, doanh nghiệp.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Học phần Quản trị thực phẩm và đồ uống là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo. Nội dung học phần bao gồm: khái quát về quản trị tại bộ phận thực phẩm và đồ uống; quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ; quản trị mua và dự trữ nguyên liệu, hàng hóa; quản trị hoạt động chế biến món ăn và pha chế đồ uống.

7. Nội dung

TT	Nội dung	Số tiết
1	<p>Mở đầu</p> <p>Chương 1: Tổng quan về quản trị thực phẩm và đồ uống</p> <p>1.1. Khái quát về hoạt động của bộ phận thực phẩm và đồ uống</p>	5

TT	Nội dung	Số tiết
	1.1.1 Khái niệm, đặc điểm của bộ phận thực phẩm và đồ uống 1.1.2 Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của bộ phận thực phẩm và đồ uống 1.2 Nội dung quản trị thực phẩm và đồ uống 1.2.1 Khái niệm quản trị thực phẩm và đồ uống 1.2.2 Nội dung cơ bản quản trị thực phẩm và đồ uống	
2	Chương 2: Quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại bộ phận thực phẩm và đồ uống 2.1. Quản lý lao động tại bộ phận thực phẩm và đồ uống 2.1.1. Xác định nhu cầu và tuyển dụng lao động 2.1.2. Bố trí và sử dụng lao động 2.1.3. Đào tạo và đánh giá lao động 2.2. Quản lý trang thiết bị dụng cụ tại bộ phận thực phẩm và đồ uống 2.2.1 Nhu cầu trang thiết bị dụng cụ 2.2.2. Bố trí sắp xếp trang thiết bị dụng cụ 2.2.3. Kiểm soát trang thiết bị dụng cụ 2.3. Đảm bảo vệ sinh an toàn lao động 2.3.1. Đảm bảo vệ sinh lao động 2.3.2. Đảm bảo an toàn lao động	10
	Chương 3: Quản trị mua và dự trữ nguyên liệu, hàng hóa 3.1. Quản trị mua nguyên liệu, hàng hóa 3.1.1. Kế hoạch mua nguyên liệu, hàng hóa 3.1.2. Mua nguyên liệu, hàng hóa 3.2. Dự trữ nguyên liệu, hàng hóa 3.2.1. Tổ chức nhập, xuất nguyên liệu, hàng hóa 3.2.2. Bảo quản nguyên liệu, hàng hóa 3.3. An toàn vệ sinh thực phẩm 3.3.1. Khái niệm an toàn vệ sinh thực phẩm 3.3.2. Ô nhiễm thực phẩm 3.3.3. Các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	10
	Chương 4: Quản trị chế biến món ăn 4.1. Kỹ thuật chế biến món ăn	10

TT	Nội dung	Số tiết
	4.1.1. Phương pháp chế biến món ăn 4.1.2. Quy trình chế biến món ăn 4.1.3. Kỹ thuật trang trí món ăn, đồ uống 4.1.4. Đánh giá chất lượng sản phẩm ăn uống 4.2. Quản trị và vận hành chế biến món ăn 4.2.1. Quản trị và vận hành bếp bánh 4.2.2. Quản trị và vận hành bếp lạnh 4.2.3. Quản trị và vận hành bếp nóng 4.2.4. Quản trị và vận hành bếp tiệc 4.2.5. Quản trị và vận hành bếp căn tin	
3	Chương 5: Quản trị pha chế đồ uống 5.1. Kỹ thuật pha chế đồ uống 5.1.1. Phương pháp pha chế đồ uống 5.1.2. Quy trình pha chế đồ uống 5.2. Tổ chức pha chế đồ uống 5.2.1. Tổ chức hoạt động chuẩn bị 5.2.2. Tổ chức hoạt động pha chế 5.3. Kiểm soát hoạt động chế biến, pha chế và xử lý một số tình huống 5.3.1. Kiểm soát hoạt động chế biến, pha chế 5.3.2. Xử lý một số tình huống	10

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu bắt buộc:

- [1] . Lê Thanh Xuân và Nguyễn Đắc Cường, Lê Văn Thụ (1998), *Giáo trình Công nghệ chế biến sản phẩm ăn uống*, NXB Đại học Quốc gia (TLTK chính)
- [2]. Nguyễn Thị Tú (2005), *Giáo trình Nghiệp vụ phục vụ khách sạn*, NXB Thống kê
- [3]. John Cousin, David Lilicrap Suzanne Weekes (2014), *Food and Beverage Service-9th editon*, Hodder Education UR ed edition.

8.2. TLTK tham khảo

- [4]. Trường ĐH Thương mại (2013), *555 món ăn Việt Nam*, NXB Thống kê
- [5]. Lê Văn Thụ (2003), *Nghệ thuật trang trí món ăn và tiệc*, NXB Thống kê
- [6]. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2008), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[7]. Websites: <http://www.amthucvietnam.com>;

<http://www.anuongvietnam.com>

<http://www.hrdtourism.org.vn>

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH**
2. Mã môn học: DLQĐ 520
3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)
4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch
5. Mục tiêu môn học

Giúp người học nắm được vai trò quan trọng của quản trị điều hành đối với của hoạt động của một doanh nghiệp. Giúp các nhà quản trị thực hiện những kỹ năng điều hành nhằm đưa ra quyết định cần thiết trong sản xuất và kinh doanh. Nó là cơ sở để quá trình điều hành được tiến hành như một dòng chảy liên tục nhằm tăng năng suất lao động từ đầu ra và giảm chi phí của đầu vào.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Trong chương trình đại học, sinh viên đã bước đầu tiếp cận với học phần quản trị sản xuất và điều hành qua các nội dung chủ yếu thuộc các lĩnh vực sản xuất, ở chương trình đào tạo cao học theo hướng nghề nghiệp, học viên sẽ được nghiên cứu môn quản trị sản xuất và điều hành với những vấn đề sản xuất được đào sâu hơn và mở rộng hơn về lĩnh vực điều hành. Nội dung gồm các chương như sau: Chương 1: Tổng quan về điều hành. Chương 2: Xây dựng chiến lược điều hành. Chương 3: Kỹ năng phân bổ công việc. Chương 4: Kỹ năng đo lường công việc. Chương 5: Xây dựng hệ thống bảo trì. Chương 7: Xây dựng hệ thống JIT.

7. Nội dung

STT	Nội dung	Số tiết
1	Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU HÀNH 1. Mục tiêu của chương 2. Giới thiệu 3. Chức năng tổ chức kinh doanh 4. Bộ phận điều hành sản xuất 5. Hệ thống sản xuất cổ điển 6. Các học thuyết hiện đại và tương lai	5
2	Chương 2. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC ĐIỀU HÀNH	8

STT	Nội dung	Số tiết
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu của chương 2. Giới thiệu 3. Hệ thống 4. Quy trình xây dựng chiến lược 5. Xây dựng chiến lược quản trị điều hành 	
3	<p>Chương 3. KỸ NĂNG PHÂN BỐ CÔNG VIỆC</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu của chương 2. Giới thiệu 3. Cách sắp xếp theo lối cổ truyền 4. Sinh lý học về công nhân 5. Môi trường làm việc 6. Phạm vi ứng xử của phân bố công việc 7. Sự luân chuyển trong công việc 8. Mở rộng công việc 9. Nâng cao chất lượng công việc 10. Thiết kế công việc 11. Tiêu chuẩn sản xuất 	8
4	<p>Chương 4. KỸ NĂNG ĐO LƯỜNG CÔNG VIỆC</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu của chương 2. Giới thiệu 3. Chọn người lao động trung bình 4. Ghi giờ 5. Bấm giờ 6. Định mức thời gian <p>Định mức sản lượng</p>	8
5	<p>Chương 5. XÂY DỰNG HỆ THỐNG BẢO TRÌ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu của chương 2. Giới thiệu 3. Các loại bảo trì 4. Phương thức bảo trì phòng ngừa 5. Phương thức bảo trì hư hỏng 	8

STT	Nội dung	Số tiết
	6. Các hệ thống chuyên môn được áp dụng để bảo trì 7. Thảm định sự tin cậy của bảo trì 8. Hiệu quả của bảo trì phòng ngừa Hiệu quả của bảo trì hư hỏng	
6	Chương 6. XÂY DỰNG HỆ THỐNG JIT 1. Mục tiêu của chương 2. Giới thiệu 3. Mô hình lý thuyết sản xuất cổ điển 4. Mô hình hiện đại 5. Phương thức triển khai hệ thống JIT 6. Các ứng dụng hệ thống JIT 7. Cải tiến cấu trúc hệ thống JIT 8. Đánh giá hiệu quả hệ thống JIT	8

9. Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Tiến Dũng, 2010. Quản trị điều hành. NXB Lao Động
- [2] Hồ Tiến Dũng, 2007. Nâng cao kỹ năng điều hành sản xuất. NXB Đại Học Quốc Gia.
- [3] Production/Operations Management- Nollet, Kelada, Diorio
- [4] Đồng Thị Thanh Phương. Quản trị sản xuất và tác nghiệp.

10. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC
 NAM CẦN THƠ

TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022
P. TRƯỞNG KHOA


ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH**

2. Mã môn học: DLPT 521

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

Mục tiêu chung: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về sản phẩm du lịch, cách thiết kế một sản phẩm dịch vụ du lịch đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Mục tiêu cụ thể:

- Trang bị các kiến thức về ngành du lịch, các đơn vị lữ hành và các sản phẩm du lịch.

- Biết cách xây dựng, thiết kế chương trình du lịch đáp ứng nhu cầu khách hàng.

- Nắm được các kiến thức về việc phát triển sản phẩm du lịch bền vững.

- Biết vận dụng những kiến thức có được từ môn học để tác nghiệp khi ra trường, ứng dụng trong thực tiễn, cũng như tư vấn cho người thân, bạn bè, đồng nghiệp trong việc lựa chọn sản phẩm du lịch.

- Trang bị các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng trình bày, ...

6. Mô tả tóm tắt môn học

- Cung cấp kiến thức tổng quan về sản phẩm du lịch, các đặc tính các yếu tố cơ bản của sản phẩm du lịch.

- Cung cấp kiến thức về phân tích môi trường marketing trong du lịch, học viên nắm được cách phân tích thông tin, nhằm giúp cho học viên phân tích được các sản phẩm du lịch của công ty hay của đối thủ cạnh tranh.

- Khái niệm sản phẩm mới trong du lịch.

- Các bước để thiết kế sản phẩm du lịch.

- Quản trị chu kỳ sống sản phẩm du lịch

7. Nội dung

STT	Nội dung	Số tiết
1	Chương 1: Tổng quan về sản phẩm du lịch Các khái niệm cơ bản về sản phẩm du lịch Những đặc tính của sản phẩm du lịch Các yếu tố cơ bản của sản phẩm du lịch.	5
2	Chương 2. Phân tích môi trường du lịch Phân tích môi trường marketing trong du lịch Phân tích đối thủ cạnh tranh Phân tích sản phẩm	8
3	Chương 3. Sản phẩm mới trong du lịch Khái niệm sản phẩm mới. Các hình thức sản phẩm mới Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản phẩm mới; Quy trình phát triển sản phẩm mới Tình huống về phát triển sản phẩm du lịch	8
4	Chương 4. Đánh giá ý tưởng sản phẩm du lịch mới Nguồn hình thành ý tưởng Sàng lọc ý tưởng Phân biện và phát triển ý tưởng Thực hành: Đưa ra ý tưởng sản phẩm du lịch và phân biện	8
5	Chương 5. Phát triển sản phẩm du lịch Hoạch định chiến lược marketing Phân tích kinh doanh Phát triển sản phẩm Thương mại hóa sản phẩm Thực hành: thiết kế sản phẩm du lịch	8
6	Chương 6. Quản trị chu kỳ sống sản phẩm du lịch Giai đoạn giới thiệu sản phẩm	8

STT	Nội dung	Số tiết
	Giai đoạn phát triển	
	Giai đoạn bão hòa	
	Giai đoạn suy thoái	

9. Tài liệu học tập

- TS. Nguyễn Bá Lâm. Giáo trình tổng quan về du lịch và phát triển du lịch bền vững - Tài liệu nội bộ, 2007.

- Giáo trình marketing du lịch / Nguyễn Văn Mạnh, ...[et al.], NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2009.

- Đoàn Thị Mỹ Hạnh. Quản trị du lịch. Tài liệu nội bộ. Trường Đại học Mở TP.HCM, 2015.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c





TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022
P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **QUẢN TRỊ TRUYỀN THÔNG**

2. Mã môn học: DLTT 522

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

- Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về hệ thống các lý thuyết và phương pháp để quản lý nội dung ý nghĩa của thông điệp, phát triển khả năng truyền đạt thông tin và điều khiển thông tin được truyền đi theo ý muốn chủ quan.

- Nắm được các tri thức cơ bản về hệ thống lý thuyết truyền thông.

- Có khả năng phát hiện và phân tích các quy trình truyền thông đang được tiến hành dựa trên những lý thuyết cụ thể nào, từ đó đề xuất cách thức quản lý phù hợp.

- Nhận thức đúng về vai trò của ứng dụng lý thuyết một cách có hệ thống vào quy trình truyền đạt thông tin, biến giao tiếp tự phát thành giao tiếp chuyên nghiệp

- Nắm được các tri thức cơ bản về lý luận cũng như thực tiễn liên quan tới quản trị truyền thông nội bộ

- Có khả năng phát hiện và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động liên quan tới quản trị truyền thông nội bộ

6. Mô tả tóm tắt môn học

Môn học này giới thiệu các lý thuyết để quản lý nội dung ý nghĩa của thông điệp cũng như cách thức truyền thông điệp để biến hoạt động giao tiếp từ chỗ theo bản năng tự nhiên trở thành giao tiếp chuyên nghiệp, phục vụ cho nhu cầu truyền thông của các cá nhân và tổ chức. Học viên được học cách tiếp cận với các tình huống xảy ra tại nơi làm việc để phát triển khả năng truyền đạt thông tin và điều khiển các dòng thông tin theo ý muốn chủ quan của nhà truyền thông, nhằm đạt được những mục tiêu như giải quyết sự thay đổi, giảm thiểu độ không rõ ràng và tính phức tạp trong giao tiếp

7. Nội dung

STT	Nội dung	Số tiết
1	Chương 1. Tổng quan về quản lý truyền thông 1. Khái niệm 2. Các trường phái nghiên cứu quản lý truyền thông	5
2	Chương 2: Ứng dụng lý thuyết vào quản lý các yếu tố truyền thông 1. Yếu tố nhà truyền thông 2. Yếu tố thông điệp 3. Yếu tố hội thoại 4. Yếu tố mối quan hệ 5. Yếu tố nhóm 6. Yếu tố tổ chức 7. Yếu tố báo chí 8. Văn hóa và xã hội	15
3	Chương 3. Quản trị truyền thông doanh nghiệp 1. Khái niệm về quản trị truyền thông nội bộ 2. Vai trò, vị trí của quản trị truyền thông nội bộ 3. Các hoạt động quản trị truyền thông nội bộ 4. Lập kế hoạch quản trị truyền thông nội bộ Vai trò, vị trí của việc lập kế hoạch Công cụ xây dựng Kế hoạch quản trị truyền thông nội bộ Các bước xây dựng kế hoạch quản trị truyền thông nội bộ Các hoạt động Quản trị truyền thông trong doanh nghiệp 5. Các chiến dịch và hoạt động quản trị truyền thông nội bộ tiêu biểu và những bài học kinh nghiệm	10

8. Tài liệu học tập

- [1] Giáo trình Quan hệ công chúng ứng dụng, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo biên soạn.
- [2] Samy Cohen, 2003, Nghệ thuật phỏng vấn các nhà lãnh đạo, NXB Thông tấn, Hà Nội.
- [3] Hạ Diệp, 2004, 100 thương hiệu tạo dựng thành công, NXB Hải Phòng.

- [4] Johnston, J. and Zawawi, C. (Eds.), 2004, Public Relations: Theory and Practice, Allen & Unwin, Sydney.
- [5] Seitel, F. P., 2004, The practice of public relations, Pearson & Prentice Hall, New Jersey.
- [6] Sullivan, M. H., 2002, Một văn phòng báo chí có trách nhiệm, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ.
- [7] Theaker, A., 2004, The public relations handbook, Routledge, London and New York.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Du Hạ Long

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

(Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

1. Tên môn học: **PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG QUẢN TRỊ**

2. Mã môn học: DLPK 524

3. Số tín chỉ: 3 (2 LT, 1 TH)

4. Khoa, BM quản lý môn học: Bộ môn Du lịch

5. Mục tiêu môn học

- Trang bị những kiến thức về các lĩnh vực kỹ năng: kỹ năng cá nhân, kỹ năng giữa các cá nhân và kỹ năng nhóm.

- Trang bị kỹ năng quản trị, một lĩnh vực kỹ năng tác dụng hữu ích trong phạm vi đa dạng các tổ chức, giúp người học có khả năng thể hiện hành vi hiệu quả thực tiễn cuộc sống, hoạt động kinh doanh và phát triển nghề nghiệp.

- Môn học giúp người học nhận diện kỹ năng thông qua các trắc nghiệm, hiểu biết và định hướng thay đổi hành vi thông qua việc học tập các hành vi phù hợp với tính hiệu quả trong các lĩnh vực kỹ năng. Các bài tập thực hành và chương trình phát triển kỹ năng giúp người học rèn luyện nâng cao kỹ năng

- Cung cấp những kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kỹ năng và những hướng dẫn người học định hướng thay đổi hành vi

- Nhận diện kỹ năng trong mỗi lĩnh vực kỹ năng quản trị, qua đó nhận thức sự cần thiết và định hướng tập trung trong rèn luyện kỹ năng

- Có thể phân tích và hiểu biết những kỹ năng hiệu quả và không hiệu quả

- Có thể rèn luyện kỹ năng và thu nhập thông tin phản hồi trong quá trình nâng cao kỹ năng.

6. Mô tả tóm tắt môn học

Các lĩnh vực kỹ năng phân thành 3 nhóm kỹ năng là kỹ năng cá nhân, kỹ năng giữa các cá nhân và kỹ năng nhóm, gồm 8 loại kỹ năng tương ứng với 8 chương học. Mô hình phát triển kỹ năng được áp dụng vào trong mỗi loại kỹ năng này. Chương 1 – Tự nhận thức. Chương 2 – Quản trị stress cá nhân. Chương 3 – Giải quyết vấn đề theo kiểu phân tích và sáng tạo. Chương 4 – Huấn luyện, tư vấn và thuyết trình hỗ trợ. Chương 5 – Quyền lực và ảnh hưởng. Chương 6 – Động cơ thúc đẩy. Chương 7 – Quản trị xung đột. Chương 8 – Xây dựng và làm việc nhóm hiệu quả

7. Nội dung

TT	NỘI DUNG	Số tiết
1	Chương 1: TỰ NHẬN THỨC	2
	Tầm quan trọng của sự tự nhận thức	
	Điều thầm kín của tự nhận thức	
	Hiểu rõ và chấp nhận sự khác biệt giữa các cá nhân	
	Các yếu tố cốt lõi của tự nhận thức	
2	Chương 2: QUẢN LÝ SỰ CĂNG THẲNG TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ CÁ NHÂN THÔNG QUA QUẢN LÝ STRESS	4
	Quản lý stress	
	Hạn chế stress	
	Xây dựng sự hồi phục để kiểm soát stress	
	Các kỹ thuật làm giảm stress tạm thời	
3	Chương 3: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ MỘT CÁCH SÁNG TẠO	4
	Giải quyết vấn đề sáng tạo và cải tiến	
	Các bước trong tiến trình giải quyết vấn đề thông thường	
	Các yếu tố cản trở sự sáng tạo	
	Phá vỡ các ngăn cản cho tư duy sáng tạo	
	Những gợi ý áp dụng kỹ thuật giải quyết vấn đề	
	Thúc đẩy đổi mới	
4	Chương 4: HUẤN LUYỆN, TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG HỖ TRỢ	4
	Tầm quan trọng của truyền thông hiệu quả	
	Truyền thông hỗ trợ là gì?	
	Huấn luyện và tư vấn	
	Các nguyên tắc của truyền thông hỗ trợ	
	Phỏng vấn quản lý cá nhân	
5	Chương 5: QUYỀN LỰC VÀ ẢNH HƯỞNG	4
	Xây dựng nền tảng quyền lực và sử dụng sức ảnh hưởng khéo léo	
	Các chiến lược tạo dựng quyền lực trong tổ chức	
	Biến chuyển quyền lực thành ảnh hưởng	
	Hành động cương quyết: trung hòa các chiến lược gây ảnh hưởng	
	Tạo quyền lực cho người khác	
6	Chương 6: ĐỘNG CƠ THỨC ĐẨY	4
	Chẩn đoán những vấn đề thực hiện công việc	


TT	NỘI DUNG	Số tiết
	Thúc đẩy khả năng của các cá nhân	
	Nuôi dưỡng một môi trường làm việc thúc đẩy	
	Những nhân tố của một chương trình thúc đẩy hiệu quả	
7	Chương 7: QUẢN TRỊ XUNG ĐỘT	4
	Quản trị xung đột giữa các cá nhân	
	Các kiểu xung đột cá nhân	
	Lựa chọn phương pháp quản trị xung đột thích hợp	
	Giải quyết xung đột giữa các cá nhân	
8	Chương 8: XÂY DỰNG VÀ LÀM VIỆC NHÓM HIỆU QUẢ	4
	Phát triển nhóm và làm việc nhóm	
	Các lợi thế của nhóm	
	Lãnh đạo nhóm	
	Thành viên nhóm	
	Phát triển nhóm	

8. Tài liệu học tập

- [1] Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Thị Loan, *Phát triển kỹ năng quản trị*, NXB ĐH Kinh tế Đà Nẵng
- [2] John C. Maxwell, 2016. *Phát triển kỹ năng lãnh đạo*, NXB Lao động
- [3] Nguyễn Hữu Lam (2009), *Hành vi tổ chức*, NXB Lao động - Xã hội
- [4] Vũ Hoàng Ngân, Trương Thị Nam Thắng (2009), *Xây dựng và phát triển nhóm làm việc*, NXB Thống kê.

9. Phương pháp đánh giá môn học

TT	Phương pháp đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tiểu luận, thuyết trình	30	a
2	Chuyên cần	10	b
3	Thi cuối học kỳ (bắt buộc)	60	c



HIỆU TRƯỞNG

 TRƯỞNG

 ĐẠI HỌC

 NAM CẦN THƠ

 TS. Nguyễn Văn Quang

Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Du Hạ Long

PHỤ LỤC 3

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO*(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)***BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Cần Thơ, ngày 01 tháng 4 năm 2022***XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**Ngành dự kiến mở: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**Mã ngành: **8810103**Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ****1. VỀ GIẢNG VIÊN****MẪU 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo**

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Tri Khiêm, 01/01/1947	352331700	PGS, 2007	Tiến sĩ, Philippines, 1994	Kinh tế nông nghiệp	01/03/2013	Dài hạn	Hưu trí	42	1	10	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày đồng thỉnh giảng, ngày đồng thỉnh giảng; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	Đào Duy Huân, 25/12/1952	021606298	PGS, 2002	Tiến sĩ, 1988, Việt Nam	Kinh tế	01/03/2013	Dài hạn	Hưu trí	40	1	7	
3	Nguyễn Văn Áng, 20/08/1956	038056000017	PGS, 2002	Tiến sĩ, Việt Nam, 1995	Kinh tế, quản lý và kế hoạch hóa kinh tế quốc dân	01/12/2020	Dài hạn	Hưu trí	30	8	13	
4	Nguyễn Hồng Gấm	83060004895	GVC, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh doanh và Quản lý	01/09/2020	Dài hạn	5496025528	9		3	
5	Đoàn Hoài Nhân, 20/10/1980	89080000109		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế nông nghiệp	01/06/2020	Dài hạn	5003004654	3	2	19	
6	Phạm Minh Đức, 29/07/1966	270689207		Tiến sĩ, Philippines, 2019	Quản trị kinh doanh	15/05/2019	Dài hạn		20		2	
7	Đoàn Hữu Tiến, 17/11/1967			Tiến sĩ, Ấn Độ, 2015	Kinh tế nông nghiệp	01/09/2018	Dài hạn		6	2	2	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày đồng thỉnh giảng, ngày đồng; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	Võ Thành Khởi, 15/05/1966	321006740		Tiến sĩ, Singapore, 2008	Quản trị kinh doanh	30/06/2014	Dài hạn		8		3	
9	Nguyễn Việt Thị, 1988	351848784		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Lý luận và phương pháp dạy học BM Tiếng Anh	02/01/2016	Dài hạn		6		1	
10	Lưu Tiên Thuận, 14/06/1973	361431616	GVC, 2018	Tiến sĩ, Đài Loan 2012	Quản trị kinh doanh		Hợp đồng thỉnh giảng		10		10	
11	Nguyễn Quốc Nghị, 22/12/1982	086082000143		Tiến sĩ, Việt Nam 2016	Kinh tế nông nghiệp		Hợp đồng thỉnh giảng		7	9	27	
12	La Nguyễn Thùy Dung, 19/03/1977	361725204		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế nông nghiệp		Hợp đồng thỉnh giảng		8		2	
13	Đoàn Hồng Nguyễn, 17/10/1963	360429407		Tiến sĩ, Việt Nam, 2004	Ngữ văn		Hợp đồng thỉnh giảng			25	6	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày đồng thỉnh giảng, ngày đồng thỉnh giảng; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
14	Tăng Tân Lộc, 13/04/1980	362412831		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Ngôn ngữ học		Hợp đồng thỉnh giảng			2	4	
15	Bùi Thị Ngọc Phương, 15/06/1983	352428326		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Văn hóa dân gian		Hợp đồng thỉnh giảng			7	9	
16	Hồ Lê Thu Trang, 13/01/1983	092183003801		Tiến sĩ, Hong Kong, 2017	Quản trị khách sạn và Du lịch		Hợp đồng thỉnh giảng					
17	Đinh Ngọc Quyên, 1954	960033772		Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử		Hợp đồng thỉnh giảng		35	1	14	

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

MẪU 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Tri Khiêm	Phương pháp NCKH	(1, 1)	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
		Kinh tế học du lịch	(1, 1)	3				
2	Đào Duy Huân	Quản trị chiến lược du lịch	(1, 2)	3				
		Quản lý nhà nước về du lịch	(1, 1)	3				
3	Nguyễn Văn Áng	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	(1, 2)	3				
		Tài chính du lịch	(1, 2)			3		
4	Nguyễn Hồng Gấm	Quản trị dự án đầu tư du lịch	(2, 1)			3		
		Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về du lịch	(2, 1)			3		
5	Đoàn Hoài Nhân	Kinh tế lượng nâng cao	(2, 1)			3		
		Thống kê phân tích và xử lý dữ liệu	(1, 2)	3				
6	Phạm Minh Đức	Marketing trực tuyến trong du lịch	(1, 2)			3		
		Quản trị truyền thông	(2, 1)			3		
7	Đoàn Hữu Tiến	Quản trị du lịch bền vững	(1, 2)			3		
		Marketing điểm đến du lịch	(2, 1)			3		

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
8	Võ Thành Khôi	Quản trị điểm đến du lịch	(1, 2)			3		
9	Nguyễn Việt Thi	Anh văn	(1,1)	4				
10	Lưu Tiến Thuận	Marketing quốc tế	(1, 2)			3		Giảng viên thỉnh giảng chủ trì xây dựng thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
11	Nguyễn Quốc Nghi	Phát triển kỹ năng quản trị	(2, 1)			3		
12	La Nguyễn Thùy Dung	Quản trị truyền thông	(2, 1)	3				
13	Đoàn Hồng Nguyên	Văn hóa đa quốc gia	(2, 1)			3		
14	Tăng Tấn Lộc	Quản trị tour du lịch	(1, 2)	3				
15	Bùi Thị Ngọc Phương	Phát triển sản phẩm du lịch	(2, 1)			3		
16	Hồ Lê Thu Trang	Quản lý thực phẩm và đồ uống	(1, 2)			3		
		Quản trị điều hành	(1, 2)			3		
17	Đinh Ngọc Quyên	Triết học	(1,1)	3				
3 18	GVCH và GVTG	Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ	(2, 2)	12				

MẪU 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Du Hạ Long, Phó Trưởng khoa	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	

2. VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**MẪU 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu).**

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1	991/QĐ-SKH-CN	Cấp Thành phố	Xác định các sản phẩm hàng hóa chủ lực trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2007 – 2010 và hướng tới 2020	Chủ nhiệm TS Nguyễn Hồng Gấm	788/QĐ.SKH-CN, ngày 23/7/2012 của giám đốc sở KH-CN Tp Cần Thơ	3/8/2012	Loại khá	1/ GS.TS Võ Thanh Thu 2/ ThS Phạm Ngọc Thuận 3/ ThS Nguyễn Thị Lệ 4/ CN Nguyễn Ngọc Lang 5/ CN Đỗ Hữu Nghị 6/ CN Nguyễn Thị Ngọc Anh	
2	36/QĐ-SKH-CN	Cấp tỉnh	Xác định và phát triển sản phẩm	Chủ nhiệm TS Nguyễn	137/QĐ-SKH-CN,	24/10/2017	Loại C	1/ TS Huỳnh Thanh Nhã 2/ ThS Nguyễn Mỹ Linh	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			chủ lực tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030	Hồng Gấm	ngày 11/10/2017 của giám đốc sở KHCN tỉnh Sóc Trăng			3/ ThS Nguyễn Thị Ngọc Anh 4/ ThS Nguyễn Thành Long 5/ ThS Phạm Ngọc Thuận 6/ ThS Nguyễn Minh Thúy An 7/ ThS Võ Thái Nhựt 8/ ThS Đỗ Hữu Nghị 9/ ThS Nguyễn Thị Thúy Hồng	
3	TI.030718090658	Cấp tỉnh	Phát triển khởi nghiệp ở tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025	Thành viên Ban chủ nhiệm TS Nguyễn Hồng Gấm	191/QĐ-SKHCN ngày 10/9/2019 của giám đốc sở KHCN tỉnh Vĩnh Long	20/9/2019	Đạt	1/ GS.TS Võ Thanh Thu 2/ GS.TS Nguyễn Đông Phong 3/ GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân 4/ PGS.TS Lê Thị Lanh 5/ TS Nguyễn Hồng Gấm 6/ ThS Nguyễn Mạnh Hùng 7/ ThS Hồ Minh Trung 8/ ThS Hoàng Thu Hằng 9/ ThS Phạm Quang Văn 10/ CN Thụy Yên Phương	
4		Cấp Thành phố	Phát triển du lịch đường sông thành phố Cần	Thành viên Ts. Nguyễn Quốc Nghị					

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			Thơ						
5		Cấp tỉnh	Nghiên cứu các giải pháp tăng cường hiệu quả ứng dụng khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp ở tỉnh Bến Tre	Thành viên Ts. Nguyễn Quốc Nghi					
6		Cấp Thành phố	Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ở TP. Cần Thơ: thực trạng và giải pháp cải thiện	Chủ nhiệm Ts. Nguyễn Quốc Nghi					
7		Cấp tỉnh	Nghiên cứu xây dựng chuỗi giá trị Jasmin đạt chuẩn GlobalGAP	Chủ nhiệm PGS.Ts. Lê Nguyễn Đoàn Khôi		2019			
8		Cấp bộ	Kinh tế - xã hội	Chủ nhiệm		2021			

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			và quản lý nghề cá	PGS.Ts. Lê Nguyễn Đoàn Khôi					
9		Cấp bộ	Khả năng thâm nhập tài sản địa phương, hồi lộ và đổi mới sản phẩm của công ty con thuộc công ty đa quốc gia tại Việt Nam	Chủ nhiệm PGS.Ts. Võ Văn Dút		2019			
10		Cấp tỉnh	Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phục vụ phát triển nông thôn mới Huyện Châu Phú tỉnh An Giang	Chủ nhiệm PGS.Ts. Võ Văn Dút		2019			

MẪU 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Dao D.H (2021), “ <i>Restoration of production and business in the period after the covid-19 pandemic</i> ”, <i>Kỷ yếu hội thảo quốc tế, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 31/12/2021</i>	
2	Dao D.H (2021), “ <i>A review of research on customers’ experience, perceived value, satisfaction in the tourism industry in post-pandemic covid-19</i> ”, <i>Kỷ yếu hội thảo quốc tế, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 31/12/2021</i> Dao D.H (2021), “ <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng du khách về khách sạn Ninh Kiều 1</i> ”, <i>Tạp chí TC khoa học kinh tế và phát triển số 5/2021, Đại học Nam Cần thơ</i>	
3	Dao D.H (2021), “ <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên đối với công ty 622, Quân khu 9</i> ”, <i>Tạp chí TC khoa học kinh tế và phát triển số 11/2021, Đại học Nam Cần thơ</i>	
4	Dao D.H (2020), “ <i>The effect of emotional intelligence on turnover intention and the moderating role of perceived organizational support: Evidence from the banking industry of Vietnam. Sustainability</i> ”, https://doi.org/10.3390/su12051857 , 2020	
5	Dao D.H (2020), “ <i>Consumer-based brand equity on a consumer-packaged good industry: Case study on Vinamilk</i> ”, <i>Sustainability, 2019</i>	
6	Dao D.H (2018), “ <i>Retail market in Vietnam in the context of the network industry 4.0. In The 1st International Conference on Commerce and Distribution</i> ”, <i>Da Nang – Vietnam: Agriculture Publishing House, 2018, pp. 219–230</i>	
7	Dao D.H (2019), “ <i>Research for sharing economy business models and suggestions for mekong companies</i> ”, <i>International Workshop At Nam Can Tho University, 2019, pp. 114-128</i>	
8	Dao D.H (2019), “ <i>Factors affect the retail service quality of some of the coopmart in the region of cuu long river</i> ”, <i>International Workshop At Nam Can Tho University, 2019, pp. 140-149</i>	
9	Dao D.H (2019), “ <i>The Strategy of Innovative Development of Cross-Border E-Commerce Platforms in Vietnam</i> ”, <i>9-10 March 2019, Japan</i>	
10	Dao D.H (2019), “ <i>Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và gắn kết của viên chức đối với đài phát thanh và truyền hình, TP.</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>Cần Thơ</i> , TC khoa học kinh tế và phát triển, Đại học Nam Cần Thơ, 8-2019	
11	Dao D.H (2019), “Chiến lược phát triển kinh doanh dài phát thanh và truyền hình TP. Cần Thơ Tâm nhìn đến 2025”, TC khoa học kinh tế và phát triển, Đại học Nam Cần Thơ, 8-2019	
12	Dao D.H (2019), “Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn Đài truyền hình TP. Cần Thơ để cung cấp dịch vụ quảng cáo”, TC khoa học Đại học Tây Đô, 6-2019.	
13	Dao D.H (2018), “Đào tạo nguồn nhân lực cho hệ thống ngân hàng thương mại trong CM 4.0”, NXB thông tin truyền thông, 2018, pp. 69-79	
14	Dao D.H (2018), “Ngành học quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh CMCN 4.0”, Tạp chí trường ĐH TC-Marketing, 2018, pp. 48-59	
15	Dao D.H (2018), “Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tự nguyện của các công ty khi công bố thông tin niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán”, TC khoa học Kinh tế và phát triển, Đại học Nam Cần Th, 8-2018	
16	Dao D.H (2018), “Bán hàng đa kênh cơ hội và thách thức cho DN vừa và nhỏ Việt Nam; kỹ yếu hội thảo trường đại học Tài chính- Marketing”, Tạp chí trường Đại học TC-Marketing, 2018, pp. 70- 82.	
17	Dao D.H (2018), “Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên trung tâm truyền hình Việt Nam tại Cần Thơ”, TC khoa học kinh tế và phát triển, Đại học Nam Cần Thơ, 2018, pp. 3-17	
18	Dao D.H (2018), “Ảnh hưởng của trải nghiệm khách hàng đối với thương hiệu trong thị trường điện thoại thông minh, tại TP. Hồ Chí Minh”, Hội thảo quốc tế, NXB Nông Nghiệp, 2018	
19	Dao D.H (2018), “Thương mại Việt Nam : Hiện trạng và giải pháp phát triển 2030”, Hội thảo quốc tế Đại học Đà Nẵng, NXB Đà Nẵng, 2018	
20	Dao D.H (2018), “Cam nhận thương hiệu điện thoại thông minh của khách hàng tại TP.HCM”, Hội thảo quốc tế Đại học Đà Nẵng, NXB Đà Nẵng, 2018	
21	Dao D.H (2018), “Các yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả của kiểm soát ngân sách qua kho bạc tỉnh An Giang”, Tạp chí nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế, Đại học Tây Đô, 2018	
22	Dao D.H (2018), “Hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo Đại học”, NXB Đại học Đà Nẵng, 2018, pp. 625-632	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
23	Dao D.H (2018), “Ngành bán lẻ trong cuộc CM 4.0 Tại Việt Nam”, <i>Tạp chí trường Đại học Tài chính Marketing</i> , 2018, pp. 70-82	
24	Dao D.H (2018), “Đào tạo nguồn nhân lực cho ngành ngân hàng”, <i>Tạp chí nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế</i> , Đại học Tây Đô, 2018	
25	Dao D.H (2017), “Nâng cao hiệu quả quản trị dự án vốn nhà nước tại TP. Cần Thơ”, 2017	
26	Dao D.H (2017), “Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của giao dịch viên tối với công việc, tại ACB”, <i>TC khoa học phát triển và hội nhập</i> , Đại học kinh tế - Tài chính TP.HCM, 2017, pp. 193-200	
27	Dao D.H (2017), “Quỹ bảo hiểm hưu trí”, <i>Tạp chí nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế</i> , Đại học Tây Đô, 2017	
28	Dao D.H (2020), “The Impact of Perceived Brand Globalness on Consumers’ Purchase Intention and the Moderating Role of Consumer Ethnocentrism: An Evidence from Vietnam”, <i>Journal of International Consumer Marketing</i> , 2020, pp. 47-68	
29	Dao D.H (2020), “The Effect of Emotional Intelligence on Turnover Intention and the Moderating Role of Perceived Organizational Support: Evidence from the Banking Industry of Vietnam”, <i>Sustainability</i> , 2020	
30	Dao D.H (2020), “Vietnamese Consumer Attitudes towards Smartphone Advertising”, <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020, pp. 195-204	
31	Dao D.H (2020), “An Empirical Assessment of Organizational Commitment and Job Performance: Vietnam Small and Medium-Sized Enterprises”, 2020, pp. 277-286	
32	Dao D.H (2020), “A research on factors affecting the job satisfaction and organizational loyalty of medical doctors at public hospitals in Vietnam”, <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020	
33	Dao D.H (2020), “The Determinants of Entrepreneurial Cognitions: Start-Up Intentions of Ho Chi Minh City University Students, Vietnam”, <i>Entrepreneurship and Sustainability Issues</i> , 2020	
34	Dao D.H (2020), “A Model of Factors Affecting Entrepreneurial Intention among Information Technology Students in Vietnam”, <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020	
35	Dao D.H (2020), “Customer Satisfaction with Less than Container Load Cargo Services in HoChiMinh City, Vietnam”, <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
36	Dao D.H (2020), <i>"The Influence of Website Quality on Consumer's E-Loyalty through The Mediating Role of E-Trust and E-Satisfaction: An Evidence from Online Shopping in Vietnam"</i> , <i>Uncertain Supply Chain Management</i> , 2020, pp. 351-370	
37	Dao D.H (2020), <i>"The impact of human resource management practices on employee engagement and moderating role of gender and marital status: An evidence from the Vietnamese banking industry"</i> , <i>Management Science Letters</i> , 2020, pp. 1633-1648	
38	Dao D.H (2020), <i>"A Model of Organizational Culture for Enhancing Organizational Commitment in Telecom Industry: Evidence from Vietnam"</i> , <i>WSEAS Transactions on Business and Economics</i> , 2020, pp. 215-224	
39	Dao D.H (2020), <i>"A Model of Factors Influencing Behavioral Intention to Use Internet Banking and the Moderating Role of Anxiety: Evidence from Vietnam"</i> , <i>WSEAS Transactions on Business and Economics</i> , 2020	
40	Dao D.H (2020), <i>"An empirical analysis of mobile banking adoption in Vietnam"</i> , <i>Gestao E Sociedade</i> , 2020, pp. 3365-3393	
41	Dao D.H (2020), <i>"A Model of Factors Affecting Savings Deposit Decision of Individual Customers at Vietnamese Commercial Banks"</i> , <i>Journal of Asian Finance Economics and Business</i> , 2020	
42	Dao D.H (2020), <i>"The Effect of Heuristic and Herding Biases on Investment Decision Making and Investment Performance: A Survey on Individual Investors at The Vietnamese Stock Exchange"</i> , <i>International Journal of Management and Decision Making</i> , 2020	
43	Dao D.H (2020), <i>"Exploring the Relationship between WeChat Usage and E-purchase Intention during the COVID-19 Pandemic among University Students in China"</i> , <i>SAGE Open</i> , 2020	
44	Dao D.H (2020), <i>"Determinates of factors influencing job satisfaction and organizational loyalty"</i> , <i>Management Science Letters</i> , 2020	
45	Dao D.H (2020), <i>"A Model of Factors Affecting Entrepreneurial Intention among Information Technology Students in Vietnam"</i> , <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020	
46	Dao D.H (2020), <i>"Customer Satisfaction with Less than Container Load Cargo Services in HoChiMinh City, Vietnam"</i> , <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020	
47	Dao D.H (2020), <i>"The impact of social support on job-related behaviors and the moderating role of locus of control: Evidence from the Vietnamese banking industry"</i> , <i>Cogent Business & Management</i> , 2020	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
48	Dao D.H (2021), "The effect of social support on job performance through the mediating role of organizational commitment and innovative work behavior in The Vietnam Small and Medium-Sized Enterprises", <i>International Journal of Organizational Analysis</i> , 2021	
49	Dao D.H (2021), "The Antecedents and Consequences of Work-Family Balance among Female Faculty: A Study of Bangladesh", <i>Journal of Educational Psychology</i> , 2021	
50	Dao D.H (2021), "The effect of transformational leadership on employee work outcomes through the mediating role of public service motivation and the moderating role of power distance: An evidence from local governmental organizations in Vietnam", <i>American Review of Public Administration</i> , 2021	
51	Dao D.H (2021), "A model of human resource management practices for employee engagement to enhancing service-oriented organizational citizenship behaviors and the moderating role of positive psychological capital: Evidence from the Vietnamese banking industry", <i>Organizational Behavior and Human Decision Processes</i> , 2021	
52	Dao D.H (2021), "How Store Image Affect New International Fashion Brand Loyalty in Hochiminh City", <i>Transportation Research Procedia</i> , 2021	
53	Dao D.H (2021), "The effect of service quality on passenger loyalty and the mediating roles of perceive value, airline image, passenger trust, and satisfaction: A Study of domestic flights with Vietnamese Low-Cost Airlines", <i>Transportation Research Procedia</i> , 2021	
54	Dao D.H (2020), "Ảnh hưởng của vốn tâm lý, tính cách cá nhân đến sự gắn kết công việc của nhân viên khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh", <i>Tạp chí khoa học trường Đại học Trà Vinh</i> , 2020	
55	Dao D.H (2020), "Đo lường chất lượng dịch vụ tiền gửi tiết kiệm cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Mười năm nhìn lại", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ</i> , 2020	
56	Dao D.H (2020), "Tác động của các yếu tố hành vi đến quyết định và hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán TP. Hồ Chí Minh", <i>Tạp chí Kinh tế - Kỹ Thuật</i> , 2020	
57	Dao D.H (2020), "Nâng cao sự gắn kết của nhân viên với tổ chức: nghiên cứu thực nghiệm tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hùng Cá", <i>Tạp chí khoa học Văn Hiến</i> , 2020	
58	Dao D.H (2020), "Giáo trình Cao học Quản trị Chiến lược- Cập nhật BSC", NXB Tài chính, 2020	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
59	Dao D.H (2019), “ <i>Giáo trình cao học phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh cập nhật SmartPLS</i> ”, NXB Tài chính, 2019	
60	Dao D.H (2019), “ <i>The effect of transformational leadership on job performance through the mediation of job satisfaction: The case of Vietnamese state-owned organizations</i> ”, The Korean Association for Public Administration, 2019	
61	Dao D.H (2019), “ <i>The effect of Emotional intelligence on Turnover intention through the mediation of work-life conflict: The case of commercial bankers in Vietnam</i> ”, Theory and Applications in the Knowledge Economy Conference, 2019	
62	Dao D.H (2019), “ <i>Strategies Influencing Work-Family Balance among Female Faculty: A Study of Bangladesh</i> ”, NIDA International Conference for Case Studies on Development Administration, Bangkok, Thailand	
63	Dao D.H (2019), “ <i>An Integrated Model for Customer’s E-Loyalty: An Evidence from Online Shopping in Vietnam</i> ”, Third International Workshop on Entrepreneurship in Electronic and Mobile Business (IWEMB 2019) Conference in Vestfold, Norway	
64	Dao D.H, “ <i>An empirical analysis of mobile banking adoption in Can Tho city, Vietnam</i> ”, NCTU international conference, Can Tho, Vietnam	
65	Dao D.H, “ <i>Ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa doanh nghiệp đến sự gắn bó của nhân viên với tổ chức tại Công ty CP CMC Telecom Thành Phố Hồ Chí Minh</i> ”, Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật	
66	Dao D.H (2017), “ <i>Ảnh hưởng của các yếu tố chất lượng cuộc sống nơi làm việc đến sự gắn kết với tổ chức của nhân viên ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu tại TP. HCM</i> ”, Tạp chí khoa học Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học, 2017	
67	Dao D.H (2017), “ <i>Improving the quality of human resources in the administrative units in O Mon district</i> ”, International conference, Can Tho, Vietnam, 2017	
68	Nguyen H.G (2017), “ <i>Rào cản trong thương mại quốc tế và giải pháp vượt qua cho các doanh nghiệp chế biến nông sản ở ĐBSCL</i> ”, Bài báo, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 03, 2017	
69	Nguyen H.G (2017), “ <i>Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển kinh tế - xã hội ĐBSCL một cách bền vững</i> ”, Bài báo, Tạp chí Khoa học Cần Thơ, số 04(62), 2017.	
70	Nguyen H.G (2018), “ <i>Tăng cường quản lý hoạt động liên kết đào tạo nhằm góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ĐBSCL hiện nay</i> ” Bài báo, Tạp chí Khoa học Cần Thơ, số 01(69), 2018	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
71	Nguyen H.G (2018), “Chuyên đổi mô hình tăng trưởng kinh tế đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu Thực trạng và giải pháp” <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Social, Ecological and Economic Transformation in VietNam: Theories and Practices, 2018</i>	
72	Nguyen H.G (2018), “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ĐBSCL, thực trạng và giải pháp”, <i>Kỷ yếu Hội thảo, Trường Đại học Kinh tế TP HCM, NXB Thông tin và Truyền thông, ISBN: 978-604-80-3565-5</i>	
73	Nguyen H.G (2019), “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ĐBSCL - Thực trạng và giải pháp”, <i>Bài báo, Tạp chí Khoa học Cần Thơ số 01(67)</i>	
74	Nguyen H.G (2019), “Chuyên đổi mô hình tăng trưởng kinh tế đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu Thực trạng và giải pháp”, <i>Bài báo, VNU Journal of Science: Policy and Management Studies, Vol. 35, No. 2 (2019) 84-95; e-ISSN 2588-1116</i>	
75	Nguyen H.G (2020), “Nguồn nhân lực chất lượng cao với sự nghiệp phát triển thành phố Cần Thơ theo tinh thần Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị”, <i>Tạp chí Khoa học & Kinh tế phát triển Số 9 2020 ISSN 2588 – 1272</i>	
76	Nguyen Q.N (2021), “The Effect of Employees' Job Satisfaction on Customer Satisfaction and Loyalty: An Empirical Study in Vietnam”, <i>The Journal of Asian Finance, Economics and Business, 8(12), pp. 253-260</i>	
77	Nguyen Q.N (2021), “Impacts of pushing and pull factors on tourist satisfaction and return intention towards river tourism in Can Tho city, Vietnam”, <i>GeoJournal of Tourism and Geosites, vol.38, No.4, pp. 1011-1016</i>	
78	Nguyen Q.N (2021), “The role of relationship quality and loyalty between rice farmers and food companies in supply chain”, <i>The role of relationship quality and loyalty between rice farmers and food companies in supply chain, pp. 851-856</i>	
79	Nguyen Q.N (2021), “The relationships among service failure, service recovery, customer satisfaction and trust at international hospitals: A Case in Vietnam”, <i>Uncertain Supply Chain Management. Vol.9 (2021), pp. 887-896.</i>	
80	Nguyen Q.N (2021), “Factors impacting online complaint intention and service recovery expectation: The case of e-banking service in Vietnam”, <i>International Journal of Data and Network Science. Vol.5 (2021), pp. 659-666</i>	
81	Nguyen Q.N (2021), “The importance of website quality to brand loyalty: The case study of beauty salons in Vietnam”, <i>International Journal of Data and Network Science. Vol.5 (2021), pp. 775-784.</i>	
82	Nguyen Q.N (2021), “The Impact of Service Recovery on Satisfaction and Word of Mouth of International Tourists Towards	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>Homestays: An Empirical Study in Vietnam</i> , <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> . Vol.8, No 8, pp. 593-600.	
83	Nguyen Q.N (2020), "Creativity of Tour Guides in the Mekong Delta, Vietnam", <i>International Journal of Progressive Sciences and Technologies</i> . Vol.2, No.2, pp. 235-238	
84	Nguyen Q.N (2020), "The impact of occupational stress on job satisfaction and job performance of banking credit officers", <i>Management Science Letters</i> , Vol.10, Issue 16, pp. 3891-3898.	
85	Nguyen Q.N (2020), "The impacts of listening to customer satisfaction and loyalty towards banks", <i>ESPACIOS</i> , Vol. 41 (32), pp. 202-210	
86	Nguyen Q.N (2020), "Permission email marketing affects customers' perception, attitude, and intention of using e-banking services in Vietnam", <i>International Journal of Advanced Trends in Computer Science and Engineering</i> , Vol. 9 (5), pp. 8988-8994.	
87	Nguyen Q.N (2020), "Factors Affecting Tourist Satisfaction with Culinary Specialties of An Giang Province", <i>Vietnam, European Academic Research</i> , Vol.8, Issue 1 , pp.359- 369.	
88	Nguyen Q.N (2020), "Factors affecting creativity of university lecturers in Vietnam", <i>ESPACIOS</i> , Vol. 41(23) Scopus Index , pp. 201- 210	
89	Nguyen Q.N (2020), "Relationships among novelty seeking, satisfaction, return intention, and willingness to recommend of foreign tourists in Vietnam", <i>Management Science Letters</i> , Vol.10 Issue 10. Scopus Index, pp. 2249- 2258	
90	Nguyen Q.N (2020), "Application of Lean Management Tool to Improve Working Efficiency of Tay Do University's Units", <i>International Journal of Business Marketing and Management</i> , Vol 5, Issue 2 , pp.49-56	
91	Nguyen Q.N (2019), "Giải pháp hoàn thiện chuỗi giá trị lúa gạo huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ", <i>Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ</i> . Tập 55, Số 1D, pp.101- 108	
92	Nguyen Q.N (2019), "Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của người nộp thuế thu nhập cá nhân ở TP. Cần Thơ", <i>Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật</i> , số 2, pp.44-53	
93	Nguyen Q.N (2019), "Analyze the relationship between foreign ownership proportion and total factor productivity of pharmaceutical firms in Vietnam", <i>International Journal of Social Science and Economic Research</i> , Vol. 4, No. 8., pp.5354- 5369	
94	Nguyen Q.N (2019), "The role of employees in organizational branding: Case study of Vietnamese commercial banking system",	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>International Journal of Scientific and Education Research, Vol. 3, No.3., pp.67-77</i>	
95	Nguyen Q.N (2019), "Factors influencing the labor restructuring from agriculture to non-agriculture sectors in Can Tho city", <i>International Journal of Scientific and Education Research, Vol. 3, No.2., pp.64-74</i>	
96	Nguyen Q.N (2019), "Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hấp dẫn của loại hình du lịch nông thôn ở huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Nai, số 14, pp.29-38</i>	
97	Nguyen Q.N (2018), "Mối quan hệ giữa chất lượng website, ấn tượng thương hiệu và lòng trung thành ngân hàng", <i>Tạp chí Ngân hàng, số 20,10, pp.23-29</i>	
98	Nguyen Q.N (2018), "Hàm ý quản trị nâng cao hiệu quả công việc của nhân viên ngành du lịch ở Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến, tập 6 số 2, pp.79-85</i>	
99	Nguyen Q.N (2018), "Agricultural commodity development: A case study of farming households in Chau Thanh A district, Hau Giang province", <i>The International Journal of Engineering and Science, Vol. 7, Issue 10, Ver IV, pp. 68-74</i>	
100	Nguyen Q.N (2018), "Factors Influencing The Relationship Quality Between Shrimp Farmers And Processing Enterprises In The Mekong Delta", <i>International Journal of Business and Management Invention, Vol. 7, Issue 9, pp.45-51</i>	
101	Nguyen Q.N (2018), "Factors Affecting The Collective Trademark Building Intention Of Fruit Farming Households In Phong Dien District, Can Tho City", <i>The International Journal of Engineering and Science, Vol. 7, Issue 9, pp.48-53</i>	
102	Nguyen Q.N (2018), "Giải pháp tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển du lịch vùng ĐBSCL", <i>Tạp chí Du lịch Việt Nam, số 05, pp. 60-61</i>	
103	Nguyen Q.N (2018), "Phân tích chuỗi giá trị chôm chôm ở Phong Điền, TP. Cần Thơ", <i>Tạp chí Hội nhập và Phát triển, số 5+6, pp.64-72</i>	
104	Nguyen Q.N (2018), "Khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm sú ở khu vực ĐBSCL", <i>Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật, số 22, pp.1-8</i>	
105	Nguyen Q.N (2018), "Mức giá mong đợi của du khách đối với đặc sản nhà làm ở huyện Phong Điền", <i>Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, tập 56, pp.115- 125</i>	
106	Nguyen Q.N (2018), "Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu học tập từ xa ở khu vực ĐBSCL", <i>Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, tập 54, pp.175- 186</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
107	Nguyen Q.N (2017), "Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khi tham gia nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ Trường Đại học Cần Thơ", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ</i> , số 51C, pp.41-52	
108	Nguyen Q.N (2017), "Factors affecting the local residents' support on tourism development in Phong Dien district, Can Tho city", <i>American Journal of Theoretical and Applied Business</i> , Volume 3, Issue 2, pp.31-35	
109	Nguyen Q.N (2017), "So sánh hiệu quả tài chính chăn nuôi sinh thái và chăn nuôi truyền thống: trường hợp ở huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ</i> , số 50D, pp.80-86	
110	Nguyen Q.N (2017), "Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dự án phi chính phủ ở tỉnh Sóc Trăng", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Nai</i> , số 05, pp.31-40	
111	Nguyen Q.N (2017), "Xu hướng lựa chọn điểm mua hàng của du khách khi đến quận Ninh Kiều", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ</i> , số 48C, pp.55-63	
112	Lưu Tiến Thuận (2017), "Does customer experience management impact customer loyalty shopping at supermarket? The case in the Mekong Delta, Vietnam", <i>UHD- CTU Annual Economics and Business Conference Proceeding</i> , ISSN: 2472-9329, P73-83.	
113	Lưu Tiến Thuận (2017), "Phân tích và đánh giá vị trí hệ thống cửa hàng bán lẻ tại Cần Thơ qua việc ứng dụng hệ thống thông tin địa lý, <i>UHD- CTU Annual Economics and Business Conference Proceeding</i> ", ISSN: 24729329, trang 671-684.	
114	Lưu Tiến Thuận (2017), "Đánh giá ảnh hưởng của giá trị khách hàng đến hành vi của khách hàng tại các siêu thị điện thoại trên địa bàn TPCT", <i>UHD- CTU Annual Economics and Business Conference Proceeding</i> , ISSN: 2472-9329, trang 713-726	
115	Lưu Tiến Thuận (2017), "Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - Tổng kết một số vấn đề lý luận và đề xuất hướng nghiên cứu trong tương lai", <i>UHD- CTU Annual Economics and Business Conference Proceeding</i> , ISSN: 2472-9329, trang 698-712.	
116	Lưu Tiến Thuận (2017), "Tác động của quản trị quan hệ khách hàng đến sự hài lòng của khách hàng trên thị trường bán lẻ hiện đại tại TPCT", <i>Tạp chí Khoa học ĐHCT</i> , ISBN: 1859-2333, 48D, 54-65.	
117	Lưu Tiến Thuận (2017), "Hành vi tìm kiếm trực tuyến thông tin du lịch, Hội thảo "Ứng dụng CNTT trong du lịch: Xu hướng và giải pháp đón đầu trước hội nhập ngành du lịch Việt Nam", Trường ĐHKH TP HCM, ISBN: 978-604-922-510-9, 188-205.	
118	Lưu Tiến Thuận (2017), "Nghiên cứu ảnh hưởng của năng lực công ty và khả năng vượt rào cản thương mại quốc tế đến hiệu quả xuất khẩu - Trường hợp các công ty xuất khẩu thủy sản khu vực ĐBSCL", Hội thảo khoa học "TPP, AEC và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong hội nhập quốc tế", tại trường Đại học Ngoại Thương, ISBN: 978-604-73-5139-8, 87-104.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
119	Luu Tiến Thuận (2017), “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - Tổng kết một số vấn đề, chủ đề và đề xuất hướng nghiên cứu”, Tạp chí Khoa học Trường ĐHTC, ISBN: 1859-2333, 50D, 19-33	
120	Luu Tiến Thuận (2017), “Ảnh hưởng của năng lực công ty và khả năng vượt rào cản thương mại quốc tế đến hiệu quả xuất khẩu”, Tạp chí Công Thương, ISSN: 0866-7756, 9, 221-226.	
121	Luu Tiến Thuận (2017), “Trách nhiệm xã hội của ngân hàng thương mại cổ phần: nghiên cứu đa khía cạnh”, Tạp chí Kinh tế- Kỹ thuật, trường ĐH Kte Kthuat Bình Dương, 0866-7802, 19, 83-94.	
122	Luu Tiến Thuận (2017), “Impact of ECRM activity on quality and outcome relationship between bank and customers”, Tạp chí Công Thương, ISSN: 0866-7756, 10, 317-322	
123	Luu Tiến Thuận (2017), “Ảnh hưởng của các yếu tố quản trị quan hệ khách hàng đến lòng trung thành của khách hàng-Trường hợp các siêu thị tại TPCT”, Tạp chí Công Thương, ISSN: 0866-7756, 10, 145-151.	
124	Luu Tiến Thuận (2017), “Áp dụng phương pháp chi phí du hành để xác định giá trị cạnh quan của chợ nổi Cái Răng TP Cần Thơ”, Tạp chí khoa học và công nghệ nông nghiệp, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, ISSN: 2588-1256, 1(2), 285-292	
125	Luu Tiến Thuận (2017), “Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định và hành vi tìm kiếm trực tuyến thông tin du lịch của người dân TP Cần Thơ”, Tạp chí Khoa học Lạc Hồng, trường Đại học Lạc Hồng, 2525-2186, Số đặc biệt, 37-42	
126	Luu Tiến Thuận (2017), “Phân khúc thị trường khách hàng cá nhân đối với dịch vụ gửi tiền tiết kiệm ở các ngân hàng thương mại ở TP Cần Thơ”, Tạp chí Khoa học và Đào tạo, Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn, ISSN: 2354-0567, 44-53	
127	Luu Tiến Thuận (2017), “Đánh giá chất lượng dịch vụ, mức độ hài lòng và ý định hành vi của bệnh nhân - Trường hợp Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long”, Tạp chí Khoa học và Đào tạo, Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn, ISSN: 2354-0567, 4-18.	
128	Luu Tiến Thuận (2017), “Đánh giá tác động của quản lý quan hệ nhân viên đến năng suất làm việc ở tỉnh Trà Vinh”, Hội thảo quốc tế Nâng cao năng suất, hiệu quả và đổi mới sáng tạo của nền kinh tế Việt Nam, 24-11-2017 tại Hà Nội	
129	Luu Tiến Thuận (2017), “Phát triển du lịch sông nước ở TPCT: Thực trạng và giải pháp”, Hội thảo Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa sông nước ĐBSCL trong quá trình hội nhập và phát triển, 28-11-2017, ĐHTC, ISBN: 978-604-919-947-9, 266-274.	
130	Luu Tiến Thuận (2017), “Effect of job stress on job performance, job satisfaction and turnover intention”, Hội thảo quốc tế “The 6th international conference on emerging challenges: strategic integration ICECH 2017” (Hội thảo quốc tế lần thứ 6 về thử thách mới - Hội nhập chiến lược ICECH 2017), 1-12-2017, ĐH BK Hà Nội, ISBN: 978-604-95-0358-0, 385-392	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
131	Luu Tiên Thuận (2017), “Impact factors for the decision to use internet banking of customer”, Hội thảo quốc tế “Emerging issues in economics and business in the context of international integration - EIEB 2017” (Những vấn đề kinh tế và kinh doanh ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế) 5-12-2017 Hà Nội, ISBN: 978-604-946-330-3, 355-362.	
132	Luu Tiên Thuận (2017), “Ảnh hưởng của giá trị khách hàng đến hành vi mua lại của khách hàng”, Tạp chí Khoa học Quản lý và Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, ISSN: 2354- 1350, 4, 29-44	
133	Luu Tiên Thuận (2017), “A Literature Review on Organizational Culture and Organizational Effectiveness”, Hội thảo quốc tế “The 2nd UHD-CTU annual Economics and Business Conference, 15-12-2017, tại Trường ĐH Cần Thơ, ISSN: 2472-9329, Special issue, 1-13	
134	Luu Tiên Thuận (2017), “Does customer experience management impact customer loyalty shopping at supermarket? The case in the Mekong Delta, Vietnam”, Economic World, ISSN: 2328-7144, Vol.6 (1), 13-21.	
135	Luu Tiên Thuận (2018), “Study theo factor affecting the intention of social entrepreneurship of students, Can Tho University (Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp xã hội của sinh viên ĐHCĐ)”, Hội thảo quốc tế Kiến tạo hệ sinh thái khởi nghiệp - Yếu tố thành công đối với sinh viên (Start-up Ecosystem), ISSN: 0866-7802, Số đặc biệt, 57-65.	
136	Luu Tiên Thuận (2018), “Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nghề tại tỉnh Hậu Giang (Solution to improve quality of vocational training human resource)”, Tạp chí khoa học Đại học Cửu Long, ISSN: 2354-1423, 9, 28-35.	
137	Luu Tiên Thuận (2018), “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng”, Tạp chí Công nghệ ngân hàng, ISSN: 1859-3682, 148, 48-67.	
138	Luu Tiên Thuận (2018), “Ảnh hưởng của kế toán trách nhiệm đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long (The influence of responsibility accounting on firm performance in the Mekong delta)”, Tạp chí Khoa học Trường ĐHCĐ, ISSN: 1859-2333, 54, 4d, 168-177	
139	Luu Tiên Thuận (2018), “Tác động của việc sử dụng công cụ hỗ trợ bán hàng đến hiệu suất bán hàng của nhân viên: Nghiên cứu trường hợp tại các doanh nghiệp ở Thành phố Cần Thơ”, Tạp chí Kinh tế và phát triển, ISSN: 1859-0012, 254, 99-108.	
140	Luu Tiên Thuận (2018), “The effects of corporate social responsibility on brand equity and financial performance: The case of commercial banks in Mekong Delta”, Hội thảo Khoa học quốc gia “Phát triển kinh tế và kinh doanh ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa”, 21/12/2018 tại ĐHCĐ Cần Thơ, ISBN: 978-604-965-117-5 NXB ĐHCĐ, 414-437	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
141	Luu Tiến Thuận (2018), “Tác động của trách nhiệm xã hội đến nhận thức của nhân viên ngân hàng ở ĐBSCL”, Tạp chí Phát triển bền vững vùng, ISSN: 2354-0729, 8, No3, 105-115.	
142	Luu Tiến Thuận (2018), “A literature review on organizational culture and organizational effectiveness”, Tạp chí Khoa học Trường ĐHCT, ISSN: 1859-2333, 54, 4d, 24-36.	
143	Luu Tiến Thuận (2019), “Examine the determinant factors on financial leverage of Vietnamese commercial banks”, International Journal of Accounting, Finance and Business (IJAFB), eISSN: 0128-1844, Vol.4 Issues: 19, 72 - 85.	
144	Luu Tiến Thuận (2019), “Tác động của trách nhiệm xã hội và giá trị thương hiệu đến hiệu quả tài chính: trường hợp nhân viên ngành ngân hàng”, Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP HCM, ISSN: 1859-3453, 14 (3), 41-53.	
145	Luu Tiến Thuận (2019), “Trách nhiệm xã hội và lòng trung thành của khách hàng: trường hợp các ngân hàng thương mại cổ phần”, Tạp chí Kinh tế- Kỹ thuật, trường ĐH Kte Kthuat Bình Dương, ISSN: 0866-7802, 26, 46-56	
146	Luu Tiến Thuận (2019), “Mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội, giá trị thương hiệu và hiệu quả tài chính: Trường hợp các ngân hàng thương mại tại Đồng bằng sông Cửu Long”, Tạp chí Khoa học Trường ĐHCT, ISSN: 1859-2333, 55, Số chuyên đề Kinh tế, 85-94.	
147	Luu Tiến Thuận (2019), “Ảnh hưởng của các yếu tố quản trị trải nghiệm khách hàng đến lòng trung thành khách hàng - trường hợp các siêu thị tại thành phố Cần Thơ”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng, ISSN: 1859-1531, 17 (02), 1-4.	
148	Luu Tiến Thuận (2019), “Ảnh hưởng của quản trị quan hệ khách hàng và trải nghiệm khách hàng đến sự hài lòng và lòng trung thành khách hàng - trường hợp các siêu thị tại thành phố Cần Thơ”, Tạp chí Khoa học Thương Mại, trường Đại học Thương Mại, ISSN: 1859-3666, 135, 51-60.	
149	Luu Tiến Thuận (2019), “Tác động của trách nhiệm xã hội đến hiệu quả tài chính: Nghiên cứu tình huống các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam”, Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng, ISSN: 1859 - 011X, 211, 1-11.	
150	Luu Tiến Thuận (2019), “Tác động của động viên đến sự hài lòng và thực hiện công việc của nhân viên văn phòng ở các doanh nghiệp TP Cần Thơ”, Tạp chí Khoa học Lạc Hồng, ISSN: 2525-2186, 6, 17-22.	
151	Luu Tiến Thuận (2020), “Customer knowledge management - A case study of telecommunication companies at Can Tho city, International conference “Sustainable development and the role of universities in the Fourth industrial revolution”, Thai Nguyen University of Economics and Business Administration, Oct. 3-4, 2019.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
152	Luu Tiến Thuận (2020), “Applying the hexagonal model of national brands to local branding - the case of Can Tho city”, 1st International conference in Economics and Business, Dec. 6, 2019, Can Tho University, ISBN: 978-604-965-310-0, 559-573.	
153	Luu Tiến Thuận (2020), “Analyze the impact factors on tourist online information - seeking intension and behavior of tourist: The case of tourist destinatons in An Giang province”, 1st International conference in Economics and Business, Dec. 6, 2019, Can Tho University, ISBN: 978-604-965-310-0, 260-277.	
154	Luu Tiến Thuận (2020), “Investigating the effect of customer knowledge management on organizational agility - a study in Can Tho city”, 1st International conference in Economics and Business, Dec. 6, 2019, Can Tho University, ISBN: 978-604-965-310-0, 95-109	
155	Luu Tiến Thuận (2020), “Customer relationship management: A case study at local supermarkets in Can Tho city”, 1st International conference in Economics and Business, Dec. 6, 2019, Can Tho University, ISBN: 978-604-965-310-0, 308-326.	
156	Luu Tiến Thuận (2020), “Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua thực phẩm chức năng hỗ trợ điều trị thoái hóa khớp của người tiêu dùng- Trường hợp tại tỉnh Đồng Tháp”. Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP HCM. 15(8), 102-133	
157	Luu Tiến Thuận (2020), “Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ và đồng thuận xã hội đến sự hài lòng khách hàng sử dụng điện - Trường hợp công ty điện lực Hậu Giang”. Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP HCM. 15(8), 193-204.	
158	Luu Tiến Thuận (2021), “Tác động của quản trị tri thức khách hàng đến sự thích ứng tổ chức - phân tích đa nhóm với mô hình SEM”. Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới. 6(302), 50-63.	
159	Luu Tiến Thuận (2021), “Loại tri thức khách hàng nào tác động đến sự thích ứng của tổ chức? Trường hợp các doanh nghiệp ở TPCT”. Tạp chí nghiên cứu kinh tế. 10(521), 100-108.	
160	Luu Tiến Thuận (2021), “Nhận thức nghề nghiệp của người sử dụng lao động và sinh viên chuyên ngành kinh tế Trường cao đẳng FPT Polytechnic Cần Thơ”. Tạp chí Kinh tế và Dự báo. 03(793), 54-57.	
161	Luu Tiến Thuận (2021), “Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục mua ô tô thương hiệu Toyota của khách hàng tại Thành phố Vĩnh Long”. Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP HCM. 17(3), 137-148.	
162	Nguyễn Văn Tạc (2018). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng hiệu quả quy mô của nông hộ nuôi cá tra ở TP Cần Thơ. Tạp chí khoa học & Kinh tế Phát triển, Đại học Nam Cần Thơ. số 2, 67 – 78.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
163	Nguyễn Văn Tạc (2018). Bảo Hiểm Nông Nghiệp: Kinh nghiệm áp dụng ở các nước và khả năng áp dụng ở Việt Nam. Tạp chí khoa học & Kinh tế Phát triển, Đại học Nam Cần Thơ. số 3, 45 –57.	
164	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2018). Thiết kế và tính phí sản phẩm bảo hiểm cây lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 10 (485), 79 – 88.	
165	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2019). Mức sẵn lòng trả phí bảo hiểm cho sản xuất lúa của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 269, 72 – 81.	
166	Nguyễn Tri Khiêm và Lê Kiều Oanh (2019). Nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của phụ nữ nông thôn tại thành phố Cần Thơ. Tạp chí Khoa học & Kinh tế phát triển. Đại học Nam Cần Thơ, Số 7, 2019.	
167	Nguyễn Tri Khiêm và Nguyễn Minh Hiếu (2019). Nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động ở Tập đoàn Dầu khí. Tạp chí Khoa học & Kinh tế phát triển. Đại học Nam Cần Thơ, Số 5+6, 2019.	
168	Nguyễn Tri Khiêm và Nguyễn Lan Duyên (2019). Ảnh hưởng của quy mô đất đến năng suất nhân tố tổng hợp của hộ trồng lúa đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Kinh tế & Phát triển. Đại học kinh tế Quốc dân, Số 265, 2019.	
169	Nguyễn Tri Khiêm và Nguyễn Lan Duyên. Ảnh hưởng của quy mô đất đến tỉ suất lợi nhuận của hộ trồng lúa đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Kinh tế 55, 2019.	
170	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2020). Mức sẵn lòng trả phí bảo hiểm cho sản xuất lúa của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 1 (500), 86 – 96.	
171	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2020). Rice insurance premium design in the Mekong Delta. Proceedings of the first international Conference in Economics & Business. Can Tho University, ISBN: 978-604-965-310-0, 345-365.	
172	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2020). Willingness to pay for crop insurance of rice farmers in the Mekong Delta. Proceedings of the first international Conference in Economics & Business. Can Tho University, ISBN: 978-604-965-310-0, 366-382.	
173	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2021). Thiết kế và tính phí hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp. Trường hợp bảo hiểm cây lúa ở tỉnh Hậu Giang. Tạp chí Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn, số 2/2021, trang 141– 149.	
174	Đoàn Hoài Nhân và Đỗ Văn Xê (2016). Phân tích hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả phân phối nguồn lực của hộ trồng dưa hấu tại	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, (42), trang 9-14	
175	Đoàn Hoài Nhân và Đỗ Văn Xê (2016). Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả canh tác của hộ trồng dưa hấu tại thành phố Cần Thơ. Tạp chí Phát triển Kinh tế, 27(3), trang 98-116	
176	La Nguyễn Thùy Dung (2019), “Factors influencing linkage risk between farmers and enterprises in the shrimp supply chain: a case study of Bac Lieu province”. International Journal of Scientific and Education Research, 03(2), pp. 75-85,	
177	La Nguyễn Thùy Dung và Nguyễn Quốc Nghi (2020), “ANALYZE PRODUCTION EFFICIENCY AND SCALE EFFICIENCY OF RICE FARMING HOUSEHOLDS IN HAU GIANG PROVINCE”. International Journal of Trend in Scientific Research and Development. 4, pp. 525-527	
178	La Nguyễn Thùy Dung và Nguyễn Quốc Nghi (2020), “FACTORS AFFECTING ENTERPRISES’ ACCESS TO FORMAL CREDIT IN CAN THO CITY, VIETNAM”. International Journal of Trend in Scientific Research and Development. 4, pp. 617-620.	
179	La Nguyễn Thùy Dung, Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trinh (2021). EVALUATE THE FINANCIAL EFFICIENCY OF SEMI-INTENSIVE PRAWN FARMING: A CASE STUDY IN MY XUYEN DISTRICT, SOC TRANG PROVINCE. World Journal of Advanced Research and Reviews. 12. 478–482.	
180	La Nguyễn Thùy Dung, Nguyễn Quốc Nghi và Lê Kim Thanh (2021). FACTORS INFLUENCING MARKET ACCESS OF GREEN POMELO FARMERS IN BEN TRE PROVINCE. World Journal of Advanced Research and Reviews. 12, 256-260.	
181	Nguyễn Hữu Đăng (2017). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp tại tỉnh Kiên Giang. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Bức Tranh kinh tế dành cho doanh nghiệp 2017 (ISBN: 978-604-73-5181-7), trang 430-440.	
182	Bùi Thanh Thảo (2013). Ý thức về thân phận văn hóa trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965 – 1975. Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ, 29 (2013), trang 6-13	
183	Bùi Thanh Thảo (2015). Hình ảnh người chiến sĩ trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 4, 2015	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
184	Bùi Thanh Thảo (2015). Tâm thức lưu đày trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975. Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ, 39 (2015), trang 57-63	
185	Bùi Thị Ngọc Phương (2015). Tinh túy mâm cỗ ngày Xuân. Vietralvel, 2015	
186	Bùi Thị Ngọc Phương (2016). Lễ hội Bà Chúa Xứ và dịch vụ cho thuê heo quay: sự biến đổi linh hoạt của một hiện tượng văn hóa. Tạp chí chuyên ngành nghiên cứu văn hóa, 3/2016	
187	Bùi Thị Ngọc Phương (2017). Lễ hội Bà Chúa Xứ Núi Sam từ góc nhìn lễ vật. Tạp chí chuyên ngành, 2017	
188	Hồ Lê Thu Trang và Phạm Thị Kim Loan (2012). Các yếu tố quyết định sự hài lòng và sự sẵn lòng quay lại của khách nội địa đối với du lịch tỉnh Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học 2012:23b, 162-173	
189	Hồ Lê Thu Trang và Lại Ngọc Linh (2012). Phân khúc thị trường dịch vụ tour du lịch trọn gói tại thành phố Cần Thơ. Tạp chí Khoa học 2012:23b, 232-243	
190	Hồ Lê Thu Trang (2014). Tính bất quy phạm trong thơ chữ Hán Nguyễn Du (trường hợp thanh hiên thi tập). Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường ĐH Cần Thơ, Số 12, tháng 03/2014	
191	Hồ Lê Thu Trang và Trần Anh Hào (2014). Ảnh hưởng của các nhân tố tính cách thương hiệu laptop đến lòng trung thành của khách hàng tại thành phố Cà Mau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 35(2014), 57-65	
192	Hồ Lê Thu Trang (2017). Tính nước đôi trong truyện ngắn Con thú tật nguyên của Ngụy Ngữ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2017	
193	Tăng Tấn Lộc (2014). Đặc điểm các nhóm từ chỉ sông nước trong tiếng Việt ở Nam Bộ. Ngôn ngữ và Đời sống, Số 8 (226), 2014	
194	Tăng Tấn Lộc, Trần Thị Kiều Trang, Lê Văn Hiệu và Dương Thanh Xuân (2019). Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô, 2019	
195	Tăng Tấn Lộc, Lê Văn Hiệu và Dương Thanh Xuân (2019). Sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch ở thành phố Cần Thơ. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô, 2019	

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), "*Tên bài viết*", *tên tập san*, số, ki/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ (thông tin, ngày truy cập).
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), "*Tiêu đề bài viết*", *[trong] tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. VÊ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN PHỤC VỤ CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

MẪU 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		13,387			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	4	2,335	Hội thảo	(1, 1)	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	24	3,725	Lý thuyết	(1, 1)	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	50	5,108	Lý thuyết	(1, 1)	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	-			
1.5	Số phòng học đa phương tiện	13	1,638	Báo cáo, chuyên đề	(2, 1)	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	21	580			
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	3,504			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	64	46,555			

MẪU 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)	(8)	(9)
1	Triết học gồm 3 tập: tập 1, 2, 3 (dùng cho NCS và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học)		CTQG, Hà Nội 1999	3	Triết học	Triết học	(1, 1)	
2	Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam	Nguyễn Hùng Hậu	Khoa học xã hội Hà Nội, năm 2002	2			(1, 1)	
3	Career paths: Tourism	Evans, V., Dooley, J., Gza V.	Express Publishing, 2011	3	Tiếng Anh	Tiếng Anh	(1, 1)	
4	High Season: English for the Hotel and Tourist Industry	Harding, K., & Henderson, P.	Publisher: Oxford University Press, 1995	3			(1, 1)	
5	English Communication for Your Career: Air Travel and Tourism	Kim, Y. & Son, K.	Tổng hợp TP. HCM, 2010	3			(1, 1)	
6	English Communication for Your Career: Hospitality	Lee, Y. & Michael, A. P.	Tổng hợp TP. HCM, 2010	2			(1, 1)	
7	English for International Tourism	Margaret, O & Iwonna	2004	2			(1, 1)	
8	English for Tourism and	Mol, H. &	2009	2	(1, 1)			

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)	(8)	(9)
	Hospitality in Higher Education Studies,	Phillips, T.						
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Nguyễn Đình Thọ	Lao động – Xã hội, 2011	5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học	(1, 1)	
10	Ứng dụng phương pháp nghiên cứu định lượng	Nguyễn Đình Thọ	Trường ĐH Kinh tế Tp HCM, 2007	5			(1, 1)	
11	Research Methods for Business: A Skill Building Approach	Sekaran, U.	2003	3			(1, 1)	
12	Research Methods Knowledge Bass	William M. K. Trochim.	2006	2			(1, 1)	
13	Giáo trình Kinh tế du lịch	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	Lao động – Xã hội, 2009	5	Kinh tế học du lịch	Kinh tế học du lịch	(1, 1)	
14	The Business of Tourism Management	Beech, J., Simon, C.	2006	5			(1, 1)	
15	The economics of tourism	Sinclair, M.T., Stabler, M.	2002	5			(1, 1)	
16	Kinh tế du lịch	Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hoà	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008	5	Quản lý nhà nước về du lịch	Quản lý nhà nước về du lịch	(1, 1)	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)	(8)	(9)
17	Kinh tế Du Lịch và Du lịch học	Đông Ngọc Minh và Vương Lôi Đình	Trẻ, 2000	3			(1, 1)	
18	Quản lý và vận hành khách sạn	Denny G. R., Michael J. O.	Lao động, 2009	3			(1, 1)	
19	Quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh và Phạm Hồng Chương	ĐH Kinh Tế Quốc Dân, 2009	3	Quản trị tour du lịch	Quản trị tour du lịch	(2, 1)	
20	Nghiệp vụ kinh doanh lữ hành	Hà Thùy Linh	Hà Nội, 2006	5			(2, 1)	
21	International Tourism Management	Bhatia, A. K.	2002	3			(2, 1)	
22	Conducting Tour	Keith, H.	Oxford: University Press, 2002	3			(2, 1)	
23	Quản trị chiến lược	Nguyễn Hữu Lam	Thống kê, 2012	3			Quản trị chiến lược du lịch	Quản trị chiến lược du lịch
24	Strategic Management for Travel and Tourism	Evans, N., Campbell, D., Stonehouse, G.	2003	3	(2, 1)			
25	Hospitality Strategic Management: Concepts and	Harrison, J. S., Enz, C.A.	2004	3	(2, 1)			

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)	(8)	(9)
	Cases							
26	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Thống kê, 2005	3	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	(2, 1)	
27	Quản trị nhân sự	Nguyễn Thanh Hội	Thống kê, 1998	3			(2, 1)	
28	Human Resource Management in the Hotel Industry	Hoque, K.,	2000	3			(2, 1)	
29	Giáo trình Tài chính du lịch	Nguyễn Văn Hóa	2014	3	Tài chính du lịch	Tài chính du lịch	(2, 1)	
30	Giáo trình Phân tích tài chính du lịch	Nguyễn Văn Hóa	2014	5			(2, 1)	
31	Financial Management: Theory & Practice	Brigham, E., Ehrhardt, M.,	2013	3			(2, 1)	
32	Principles of Corporate Finance	Brealey, R., Meyers, S., Allen, F.,	2013	3			(2, 1)	
33	Accounting and Financial Management: Developments in the international hospitality industry	Harris, P., Mongiello, M.,	2006	3			(2, 1)	
34	Cơ sở khoa học và giải	Viện Nghiên	2000	3	Quản trị du lịch	Quản trị du	(2, 1)	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)	(8)	(9)
	pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam	cứu Phát triển Du lịch			bền vững	lich bền		
35	Making Tourism More Sustainable: A Guide for Policy Makers	Frangialli, F., Toepfer, F.,3	2005	3			(2, 1)	
36	Guide for Sustainable Tourism Best Practices	Rainforest, A.3,	2003	3			(2, 1)	
37	Sustainable Tourism. Theory and Practice	Waver,3 D.,	2006	3			(2, 1)	
38	Marketing du lịch	Trần Ngọc Nam và Trần Huy Khang	TP. Hồ Chí Minh, 2001	3			(1, 2)	
39	Thị trường du lịch	Nguyễn Văn Lưu	Đại học quốc gia Hà Nội, 2009	3			(1, 2)	
40	Marketing Hospitality	Cathy, H. C., Powers, T.	2002	3	Marketing điểm đến du lịch	Marketing điểm đến du lịch	(1, 2)	
41	Marketing for Hospitality and Tourism	Philip, K., John. B., James, M.,	2003	3			(1, 2)	
42	Hospitality marketing management	Robert D.R., David, C.B.,	2006	3			(1, 2)	
43	Câu hỏi và Bài tập môn học	Phạm Thị	Tài chính,	3	Kinh tế lượng	Kinh tế	(2, 1)	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)	(8)	(9)
	kinh tế lượng	Thăng	2007		nâng cao	lượng nâng cao		
44	Kinh tế lượng trong ứng dụng tài chính ngân hàng (Lý thuyết, bài tập và bài giải)	Phạm Trí Cao	Thống Kê, 2009	3			(2, 1)	
45	Giáo trình kinh tế lượng	Hoàng Ngọc Nhậm	Hà Nội, 2007	3			(2, 1)	
46	Managing the tourist destination	Howie, F.,	2003	3			(1, 2)	
47	Destination Branding: Creating the Unique Destination Proposition	Morgan, N. et al.,	2002	3	Quản trị điểm đến du lịch	Quản trị điểm đến du lịch	(1, 2)	
48	Handbook on Tourism Market Segmentation: Maximising Market Effectiveness	World Tourism Organization and European Travel Commission	2007	3			(1, 2)	
49	Phương Pháp Định Lượng Trong Quản Lý	Nguyễn Thông và Cao Hào Thi	1998	3	Thống kê phân tích và xử lý dữ liệu	Thống kê phân tích và xử lý dữ liệu	(1, 2)	
50	Statistics for Business and Economics	David, R. A., Dennis, J. S., Thomas, A.	2005	3			(1, 2)	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)	(8)	(9)
		W.,						
51	Kinh tế lượng nhập môn và áp dụng	Ramu, R.,	2001	3			(1, 2)	
52	Các nền văn hoá Thế giới	Đặng Hữu Toán và cộng sự	2005	3	Văn hóa đa quốc gia	Văn hóa đa quốc gia	(2, 1)	
53	Văn minh phương Tây	Mark Kishlansky	Văn hóa Thông tin	3			(2, 1)	
54	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	Giáo Dục, 2006	3			(2, 1)	
55	Giáo trình Kinh tế Quốc tế	Hoàng Thị Chinh và cộng sự	Giáo dục, 1998	3	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về du lịch	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về du lịch	(2, 1)	
56	Toàn cầu hóa kinh tế	Dương Phú Hiệp và cộng sự	Khoa học Xã hội, 2001	3			(2, 1)	
57	Hệ thống thương mại thế giới – Luật và chính sách về các quan hệ kinh tế quốc tế	John, H.J.,	Thanh Niên, 2001	3			(2, 1)	
58	Phân tích hoạt động doanh nghiệp	Nguyễn Tấn Bình	Đại học QG TP HCM	3	Quản trị dự án đầu tư du lịch	Quản trị dự án đầu tư du lịch	(2, 1)	
59	Excel ứng dụng trong quản	Đình Thế Hiển	Thống kê,	3			(2, 1)	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)	(8)	(9)
	trị tài chính		2002					
60	Lập, thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư	Viện nghiên cứu Tin học và Kinh tế ứng dụng	Thống kê, 2006	3			(2, 1)	
61	Accounting and Financial Analysis in the Hospitality Industry	Jonathan, H.,	2005	3			(2, 1)	
62	Hospitality investments and developments	Robert, M.,	2010	3			(2, 1)	
63	Những nguyên lý tiếp thị	Philip Kotler	Thống kê, 2000	3			(1, 2)	
64	Quản trị marketing	Philip Kotler	Thống kê, 1997	3	Marketing trực tuyến trong du lịch	Marketing trực tuyến trong du lịch	(1, 2)	
65	Mười sai lầm chết người của tiếp thị	Philip Kotler	Trẻ, 2006	3			(1, 2)	
66	Những hiểu biết sâu sắc về tiếp thị từ A tới Z	Philip Kotler	Thống kê, 2004	3			(1, 2)	
67	Giáo trình Công nghệ chế biến sản phẩm ăn uống	Lê Thanh Xuân và Nguyễn Đức Cường, Lê Văn Thụ	Đại học Quốc gia, 1998	3	Quản trị thực phẩm và đồ uống	Quản trị thực phẩm và đồ uống	(1, 2)	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)	(8)	(9)
68	Giáo trình Nghiệp vụ phục vụ khách sạn	Nguyễn Thị Tú	Thống kê, 2005	3			(1, 2)	
69	Food and Beverage Service	John Cousin, David Lilicrap Suzanne Weekes	2014	3			(1, 2)	
70	Nghệ thuật trang trí món ăn và tiệc	Lê Văn Thu	Thống kê, 2003	3			(1, 2)	
71	Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008	3			(1, 2)	
72	Quản trị điều hành	Hồ Tiến Dũng	Lao Động, 2010	3			Quản trị điều hành	Quản trị điều hành
73	Nâng cao kỹ năng điều hành sản xuất	Hồ Tiến Dũng	Đại Học Quốc Gia, 2007	3	(1, 2)			
74	Hướng dẫn bài tập Quản trị điều hành	Hồ Tiến Dũng	Thống kê, 2005	3	(1, 2)			
75	Production and Operations Analysis – Steven Nahmias	Mc GRAW	2005	3	(1, 2)			
76	Giáo trình tổng quan về du lịch và phát triển du lịch bền vững	Nguyễn Bá Lâm	2007	3	Phát triển sản phẩm du lịch	Phát triển sản phẩm du lịch	(2, 1)	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)	(8)	(9)
77	Giáo trình marketing du lịch	Nguyễn Văn Mạnh và cộng sự	2009	3			(2, 1)	
78	Quản trị du lịch	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	2015	3			(2, 1)	
79	Nghệ thuật phỏng vấn các nhà lãnh đạo	Samy Cohen	Thông Tấn, 2003	3	Quản trị truyền thông	Quản trị truyền thông	(2, 1)	
80	Public Relations: Theory and Practice	Johnston, J. and Zawawi, C.	2004	3			(2, 1)	
81	The practice of public relations	Seitel, F. P.,	2004	3			(2, 1)	
82	Phát triển kỹ năng quản trị	Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Thị Loan	ĐH Kinh tế Đà Nẵng	3	Phát triển kỹ năng quản trị	Phát triển kỹ năng quản trị	(2, 1)	
83	Phát triển kỹ năng lãnh đạo	John C. Maxwell	Lao động, 2016	3			(2, 1)	
84	Hành vi tổ chức	Nguyễn Hữu Lam	Lao động - Xã hội, 2009	3			(2, 1)	
85	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc	Vũ Hoàng Ngân, Trương Thị Nam Thắng	Thống kê, 2009	3			(2, 1)	

MẪU 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.								
2.								
3.								

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai (theo từng mẫu trên) ký tên xác nhận

Phòng TC-HC

Huy
TS. Trần Hữu Linh

Phòng Quản trị thiết bị

Nguyễn Xuân Tuấn

Phòng NCKH - HTQT

Nguyễn Thị Mỹ Linh

Phòng Quản lý Đào tạo

Lý Mến Tẹn

Thư viện

Thị Hồng Mai

Khoa Du lịch và QTNH, KS

Nguyễn Thị Lệ



TS. Nguyễn Văn Quang